



VÔ ƯU

TỈNH HỘI PHẬT GIÁO ĐAKLAK

PL.
2548

Kính Mừng
Phật Đản

18

5-2004

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TRONG TỈNH



Chư tôn đức Tăng Ni dự lễ tưởng niệm cố Hòa thượng Thích Trí Thủ viên tịch lần thứ 20 tại THPG Daklak. Ảnh : Phúc Quý



Chư tôn giáo phẩm Ban Trị Sự THPG Daklak dâng hương tưởng niệm giác linh Hòa thượng Thích Trí Thủ. Ảnh : Phúc Quý



TT Thích Châu Quang phó BTS thường trực đạo từ chứng minh lễ khánh thành chùa Phước Hòa - TP Buon Mê Thuột. Ảnh : Tư liệu



TT. Thích Giác Dũng UV.TUGH, Trưởng ban Trị Sự PG Tỉnh cùng đại biểu chính quyền cắt băng khánh thành chùa Phước Hòa Ảnh : Tư liệu



Chư tôn giáo phẩm BTS/ PG Tỉnh chứng minh lễ khánh thành chùa Quảng Đức, xã Ea Kuênh - Krông Pắc. Ảnh : Nam Trân



TT. Thích Giác Dũng UV.TUGH, Trưởng ban Trị Sự PG Tỉnh cùng đại biểu chính quyền cắt băng khánh thành chùa Quảng Đức. Ảnh : Nam Trân



Chư tôn giáo phẩm BTS/ PG Tỉnh chứng minh lễ khánh thành & An vị Phật Đài Thích Ca và Quan Âm cất chùa Pháp Bảo - Cư Mgar. Ảnh : Nam Trân



Nhị vị Thượng Tọa BTS/ PG Tỉnh cắt băng khánh thành Phật đài Thích Ca Thành Đạo và Điện Quan Thế Âm chùa Pháp Bảo. Ảnh : Nam Trân



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

NS. VÔ ƯU 18

TỈNH HỘI PHẬT GIÁO DAKLAK

Chịu trách nhiệm xuất bản

Thượng tọa THÍCH GIÁC DŨNG

Chủ biên:

Cư sĩ TẠ NAM TRẦN

Biên tập nội dung

PHAN BÁ SĨ - TRẦN XUÂN THÁI
LÊ THANH NGHĨA - NGÔ HẢI
ĐỖ QUANG NINH - VŨ HUY BÌNH

Trình bày:

AT DESIGN

Sửa bản in:

THIỆN THÔNG - XUÂN THÁI

Với sự cộng tác:

THÍCH THIÊN ĐẠO • THÍCH HUYỀN LAN • MANG
VIÊN LONG • KIỀU TRUNG PHƯƠNG • BUI
CÔNG TỎA • TIẾN THẢO • HUỲNH NGỌC
THÀNH • THÍCH TRÍ TÀI • HUY BÌNH • DẠ LỮ
KIỀU • NAM TRẦN • PHÚC QUÝ • QUANG NINH
• Nhóm ảnh NHẤT CHI MAI • LÊ BÁ DUY • TÂM
NHIÊN • ĐÌNH HỒI TƯỜNG • CHƠN HƯƠNG
• THÍCH THIÊN TRÍ • THÍCH TRÍ QUẢNG • TÂM
QUÁN • NGUYỄN VŨ • GIÁC THỌ • THÍCH
PHƯỚC HẠNH • PHẠM MINH ĐỨC • LƯU NGỌC
CHI • NGUYỄN THỊ THANH • LÊ QUANG TRUNG
• PHẠM VĂN SƠN • NHÀ NHƯ MỸ • TRẦN
QUANG TRUNG • ĐÀM LAN • THÍCH THIÊN TÀI
• TRẦN TỊNH YẾN • LĂNG GIÀ TÂM • THẢO
ĐIÊN • THÍCH NHUẬN THANH • NGUYỄN
HOÀNG TẤN HIỂN • TN. THẾ HẢI • BS. THỜI
VĂN ĐOÀN • VŨ KHÁNH • TRẦN TRỌNG TRÍ •
LAM KHÊ • LÊ SA ĐÀ • THÍCH HUYỀN DIỆU •
MAI NGUYỄN • PHƯỚC THẮNG • TN. DIỆU
QUẢ • THÍCH GIÁC TRÍ • QUẢNG NGHIÊM •
LIÊN THAO

Bìa 1: Ảnh THÍCH HUYỀN QUÂN

PHÚC QUÝ

Bìa 4: Ảnh HỒNG CÚC

TRONG SỐ NÀY

- | | | |
|-----|--|------------------------------|
| 4. | Thông điệp của Đức Pháp Chủ... | HT. THÍCH TÂM TỊCH |
| 5. | Diễn văn... | Chủ tịch HĐTS/GHPGVN |
| 7. | Ý nghĩa Phật Đản | H.T THÍCH TRÍ QUẢNG |
| 9. | Đức Phật Đản sanh - Khởi nguồn nhân bản | MAI NGUYỄN |
| 12. | Tạp sự nước mắt | PHƯỚC THẮNG |
| 16. | An lạc vườn tâm | THÍCH THIÊN ĐẠO |
| 18. | Hệ phái Phật giáo khất sĩ Việt Nam | THÍCH GIÁC TRÍ |
| 21. | Pháp môn niệm Phật... | THÍCH GIÁC THỌ |
| 23. | Phật giáo đời Lý - Trần... | QUẢNG NGHIÊM |
| 25. | Chùa Việt Nam trên đất Phật | THÍCH HUYỀN DIỆU |
| 27. | Học Phật cơ bản... | THÍCH THIÊN TRÍ |
| 29. | Nếp sống mùa hạ | THÍCH HUYỀN LAN |
| 31. | Hành trang Ngũ Minh... | THÍCH PHƯỚC HẠNH |
| 33. | Tháng Tư hoa tâm nở | MANG VIÊN LONG |
| 37. | Nhạc: Cho lòng an nhiên | PHẠM VĂN SƠN |
| 38. | Đôi nét về Linh Sơn Tự | THIỆN THÔNG |
| 40. | Làm thế nào để khắc phục... | TK.SRI DHAMMANANDA |
| 42. | Trang thơ | Nhiều tác giả |
| 44. | Đón mừng Phật Đản... | CHƠN HƯƠNG |
| 47. | Quà Phật Đản | LĂNG GIÀ TÂM |
| 49. | Tìm hiểu nghĩa lý: Sinh và Tử | TÂM QUÁN |
| 52. | Sức mạnh của lòng tự chủ | THÍCH TRÍ TÀI |
| 54. | Nghĩ về Cơn gió lớn | NGUYỄN HOÀNG TẤN HIỂN |
| 56. | Bài Giảng: Tiếng thơ vọng mãi | ĐÌNH HỒI TƯỜNG |
| 59. | Từ những câu chuyện cổ... | THÍCH NỮ TRÍ HẢI |
| 61. | Ăn chay - ngồi thiền - sức khỏe... | BS. THỜI VĂN ĐOÀN |
| 63. | Chức năng đối nội và đối ngoại của trụ trì | MINH ĐỨC |
| 65. | Ý kiến bạn đọc: Phật giáo Daklak... | THIỆN TÂM |
| 68. | Từ Châu thổ sông nước đến... | TIẾN THẢO |
| 69. | Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt... | TRẦN TRỌNG TRÍ |
| 71. | Truyện ngắn: Con bò vàng | LAM KHÊ |
| 74. | Bài học... - Đông Thi... | PHẠM MINH ĐỨC - LƯU NGỌC CHI |
| 79. | Trang tin Phật sự | NAM TRẦN phụ trách |
| 82. | Hộp thư | BAN BIÊN TẬP |

Thư từ, bài, tin, ảnh xin gửi về: Cư sĩ Tạ Nam Trần, Trưởng ban Văn Hóa THPG Daklak.

Hộp thư 59 Buu điện Daklak ĐT: 050 - 858649 (VP) - 851729 (NR)

Email: noisanvouu@yawab.com và hopthu@pmail.vnn.vn

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm Giáp Thân
Phật lịch 2548 - Dương lịch 2004*

**THÔNG DIỆP
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ VIỆT NAM Ở TRONG NƯỚC VÀ Ở NƯỚC NGOÀI
NHÂN DỊP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2548 - DL. 2004**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi:

- Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa
- Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni
- Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài

Nhân dịp Đại lễ Phật Đản - Phật lịch 2548 - Dương lịch 2004, thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, tôi có lời cầu chúc tới Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Quý Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành.

Năm nay, Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong bầu không khí đại hoan hỉ với một sinh khí mới đang bùng dậy trên khắp mọi miền của đất nước bởi những thành tựu Phật sự của Giáo hội đạt được trong năm đã hòa cùng với những thành tựu chung của đất nước.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang có những hoạt động tích cực trên nhiều lĩnh vực: Kiện toàn nhân sự các Ban, Ngành, Viện Trung ương, tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện các công tác Phật sự, các cấp Giáo hội đã triển khai thực hiện rất có hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội tại các địa phương.

Đặc biệt là các cấp của Giáo hội đã có nhiều hoạt động làm sáng rõ vị trí vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc hơn hai thập kỷ qua, và đang cùng với dân tộc đi lên trên con đường đổi mới xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, để xóa đi những mặc cảm, ngộ nhận bởi một số người thiếu thiện chí đoàn kết hòa hợp, nhận định không trung thực về tình hình Việt Nam và Phật giáo Việt Nam đã làm ảnh hưởng đến sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc và truyền thống hòa hợp của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong hơn 2000 năm qua.

Là những người Phật tử, chúng ta hiểu hơn ai hết về luật vô thường và tin tưởng ở những giá trị đích thực của cuộc sống để vững bước trên con đường đã lựa chọn. Quá khứ, hiện tại và tương lai đang hòa quyện, tạo thành động lực mới trong sự nghiệp hoàng dương chính pháp lợi lạc quần sinh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài đang chung vai đấu cật cùng dân tộc, cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam để vượt qua tất cả những khó khăn trở ngại, hội nhập với thế và lực mới của đất nước và cộng đồng thế giới.

Hướng về ngày Đản sinh của Đức Từ phụ, Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam ta hãy nỗ lực thực hiện thành công các Phật sự với một sinh lực mới được kết tụ của truyền thống 2000 năm Phật giáo Việt Nam - Hộ Quốc An Dân - Tốt Đời Đẹp Đạo.

Nam Mô Thường Tinh Tiến Bồ Tát Ma Ha Tát

**PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HÒA THƯỢNG THÍCH TÂM TỊCH**



DIỄN VĂN NHÂN ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2548 CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN



*Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni
Kính thưa toàn thể Quý Phật tử,*

Rằm tháng Tư năm nay, PL. 2548 - DL. 2004, Tăng Ni Phật tử Việt Nam cũng như trên toàn thế giới, một lần nữa trân trọng, hân hoan làm lễ kỷ niệm một sự kiện trọng đại trong lịch sử nhân loại. Đó là cách đây 2628 năm, dưới cội cây Vô Ưu, vườn Lâm Tì Ni, gần thành Ca Tỳ La Vệ, nay thuộc về nước Nepal, Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở đời giữa cảnh sắc quang đăng đầu mùa hạ của bình nguyên trải dài dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn. Ánh sáng từ kim thân Ngài tỏa ra khắp không gian, ánh sáng của trí tuệ phá tan màn đêm vô minh của nhân loại, của từ bi cứu độ hết thảy chúng sanh.

Đức Phật dạy: “Ta xuất hiện ở đời như đám mây và cơn mưa lớn, có thể thấm nhuần tất cả, làm cho chúng sanh hết nóng bức, hết khô khan và được giải khát, hết khổ đau, được an lạc. Do đó, trong thế gian, người làm cho chúng sanh được an vui không ai bằng Ta. Ta vì đại chúng mà nói pháp cam lộ thanh tịnh, pháp ấy chỉ thuần có một vị là Giải thoát Niết bàn”. Cũng trong ý nghĩa ra đời ấy, Ngài còn dạy tiếp: “Ta ra đời chỉ có một việc là muốn làm lợi ích cho thế gian, khiến thế gian sáng mắt để dứt tất cả đường tà”. Qua hai lời dạy trên, chúng ta thấy lý do Đức Phật xuất hiện ở đời không ngoài mục đích đem Phật pháp đến với mọi người để mọi người được giải thoát, diệt trừ vô minh, khai mở trí tuệ và nhờ trí tuệ ấy mà thấy hiểu tất cả, phân định chánh tà, từ đó tu tập tiến đến giải thoát cứu cánh.

Tăng Ni, Phật tử Việt Nam đang nỗ lực tu tập, hành trì Phật pháp, đang rèn luyện trí đức, thực hiện Phật sự, xây dựng và phát triển Giáo hội. Suốt 23 năm qua từ khi Giáo hội được thành lập, nối tiếp truyền thống vì Đạo Pháp và Dân tộc, chúng ta đã đạt nhiều thành quả tốt đẹp trong tất cả các mặt hoạt động phù hợp với sự phát triển của đất nước. Chúng ta nhờ vận dụng trí tuệ mà biết được điều đúng điều sai, điều nên làm, điều không nên làm. Bước đường xây dựng và phát triển phải trải qua những nghịch duyên, gian lao thử thách. Những thế lực xấu bên ngoài vẫn tìm cách quấy phá đất nước, nhân dân với những chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... bằng thủ đoạn xuyên tạc, vu khống, quấy rối. Trong thời gian gần đây, những thủ đoạn cũ ấy lại dấy lên nhằm phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc, gây chia rẽ, hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu cho đất nước ta trong bang giao quốc tế... Một lần nữa, cũng như bao nhiêu lần trước đây, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam đã nhận rõ tính sai trái, ý đồ đen tối của những kẻ xấu và bằng trí tuệ, đã kiên định lập trường, tự tin vào mình, tin vào Giáo hội mà yên tâm tu học, yên tâm làm Phật sự.

Về mặt lịch sử, Đức Phật không tuyên bố Ngài là đáng quyền năng quyết định thưởng phạt, Ngài xuất hiện ở đời mà không hứa hẹn, tuyên bố sẽ xóa hết nghiệp

☞



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

chương tội lỗi của tín đồ, không ban bố hạnh phúc cho riêng ai. Ngài chỉ dạy cho mọi người con đường để họ tự giải thoát như chính Ngài đã tự giải thoát. Con đường ấy là Đạo để trong Tứ đế, là Bát Chánh đạo. Mở đầu Bát Chánh đạo là Chánh Kiến, tức là thấy đúng; Chánh kiến bao trùm và làm tăng trưởng bảy chi phần còn lại. Như trên đã dẫn, Đức Phật ra đời nhằm “làm cho thế gian sáng mắt để dứt tất cả đường tà”, nghĩa là làm cho thế gian có được Chánh kiến. Đại kinh 40 của Trung Bộ và kinh Thánh đạo của Trung A Hàm đã phân biệt rõ hai loại Chánh kiến. Đó là Chánh kiến hữu lậu, tức thấy rõ thế gian có bố thí, cúng dường, có nhân quả nghiệp báo, có cha có mẹ, có các bậc Sa môn chánh hạnh, thượng trí, Chánh kiến vô lậu là trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi.

Do trí tuệ được phát huy, do chánh kiến được thể hiện, Tăng Ni, Phật tử chúng ta nhìn thấy rõ thực tế, nhìn đúng rõ con đường thực hiện lý tưởng Phật giáo. Do đó, dù còn gặp khó khăn về nhiều mặt, thậm chí còn có kẻ xấu quấy phá, nhưng với trí tuệ, với chánh kiến, chúng ta nhận thức được rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một khối đoàn kết thống nhất, một tổ chức nối tiếp truyền thống Tăng già hoà hợp trong lòng dân tộc và đất nước Việt Nam thân yêu và cũng từ đó Giáo hội Phật giáo Việt Nam xứng đáng là tổ chức Phật giáo đại diện duy nhất của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, nhất định sẽ vượt qua mọi trở ngại để thành tựu sự nghiệp Phật giáo, góp phần xây dựng và phát triển đất nước, góp phần xây dựng hạnh phúc, an lạc trên khắp hành tinh này.

Từ sau Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ V, đặc biệt là trong năm vừa qua và những tháng đầu năm nay sinh hoạt của Giáo hội có nhiều khởi sắc. Các Ban, Ngành, Viện, các Ban Trị sự các Tỉnh - Thành hội Phật giáo đã hoàn thành tốt các kế hoạch Phật sự. Từ khi nhận quyết định nhân sự của nhiệm kỳ, các Ban, Ngành, Viện Trung ương đã làm lễ ra mắt, báo cáo công tác, nêu những kế hoạch cụ thể và những dự tính lớn khả thi. Nhiều Ban, Ngành Trung ương như Ban Giáo dục Tăng Ni, Ban Hướng dẫn Phật tử, Ban Kinh tế Tài chánh, Ban Nghi lễ, Ban Hoằng pháp... đã tổ chức Hội thảo, Hội nghị, qua đó rất nhiều ý kiến, tham luận giá trị được phát biểu, đóng góp về nội dung, biện pháp, phương hướng hoạt động, tán thán những hoạt động mới của Ban Kinh tế Tài chánh với những kế hoạch mới thiết thực, cụ thể, tâm cơ và khả thi. Giáo hội vui mừng về những cải tiến trong sinh hoạt của Ban Từ thiện Xã hội có những nội dung phong phú và đổi mới, trong đó phải nói là hệ thống Tuệ Tĩnh đường ngày càng phát triển, nhất là đang từng bước tiến hành xây dựng Trung tâm Từ thiện xã hội Phật giáo cũng như sự ra đời của các Ban Tư vấn và Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại một số chùa ở Hà Nội, Tp.HCM. Còn rất nhiều những hoạt động, những thành tựu khác của các Ban, Ngành, Viện, các Ban Trị sự rất đáng tuyên dương, mà đó cũng là những dấu tích phát triển của Giáo hội trong sự nghiệp phục vụ Đạo pháp và Dân tộc.

Kính thưa Quý vị,

Ngày Phật Đản lại về, chúng ta kính ngưỡng đón nhận ánh đạo vàng từ bi và trí tuệ, suy niệm đến hình ảnh Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, nguyện xứng đáng với ân đức vô lượng của Đức Từ phụ, ra sức tinh tấn để tự độ, độ tha “vì hạnh phúc của số đông, vì an lạc của số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người”. Ngưỡng cầu Tam bảo phò hộ chúng ta trong mọi Phật sự lợi Đạo ích Đời.

Kính chúc Quý vị thân tâm thường lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.



Lịch sử đã ghi nhận sự hiện hữu của Đức Phật trên thế gian này cách nay hơn 2.500 năm, Đức Phật đã ra đời tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, thuộc Trung Ấn Độ. Ngài xuất hiện trong loài người với tư cách là một vị Thái tử tên Sĩ Đạt Ta. Nếu Ngài chỉ là một Thái tử bình thường như bao nhiêu người con vua trên cuộc đời này, thì nhân loại ngày nay đã không có được một đáng toàn giác, toàn thiện để kính ngưỡng, tôn thờ và để được sống sáng suốt, an lạc, giải thoát theo lời Ngài chỉ dạy. Nhưng hạnh phúc thay cho loài người, Ngài chính là bậc Đại giác Vô thượng, là Thầy của trời người, là Cha lành của muôn loài.

Thật vậy, theo thời gian trôi qua, càng thể hiện rõ nét sự phi thường của Ngài khác biệt với mọi người. Chúng ta cùng suy nghiệm xem Đức Phật khác người thường ở điểm nào và cách sống của Ngài như thế nào mà mọi người tôn thờ Ngài là Phật, để chúng ta rút kinh nghiệm tu hành cho chính mình phát huy đạo đức và trí thức, tiến đến Phật quả.

Điểm quan trọng nhất có thể thấy rõ là cốt lõi bên trong của Phật khác với mọi người ở yếu tố Bồ Đề, còn gọi là hạt giống Phật. Chính yếu tố Bồ đề đóng vai trò quyết định cho sự chuyển đổi hoàn cảnh bên ngoài trở thành tốt hay xấu. Đối với chúng sinh, đứng trước hoàn cảnh dù tốt đến đâu chẳng nữa, họ vẫn làm cho nó trở thành xấu đi. Vì cốt lõi bên trong của họ không phải là hạt giống Phật, không có yếu tố Bồ đề, mà chỉ chứa



Ảnh:
Chúc Hào

Ý NGHĨA Phật Đản

PL.2548 - 2004

H.T. THÍCH TRÍ QUẢNG

đầy tâm thức xấu ác. Với tâm thức xấu ác như vậy, họ không còn sáng suốt, nên thường khởi tham vọng, đòi hỏi những điều không thực tế, vượt quá phước báo của họ. Nhưng tham vọng chỉ dẫn họ đến đau khổ và đau khổ mà thôi; cho đến đau khổ cùng cực, thì họ sống trong địa

ngục trần ai và chết thì làm ác ma. Gặp hoàn cảnh tốt mà họ còn không vừa ý, hướng chi gặp hoàn cảnh xấu, thì họ càng bất mãn hơn nữa, nghĩa là tâm họ càng xấu ác thêm, làm tăng trưởng hạt giống bất thiện trong tâm thức của họ. Hoàn cảnh xấu mà họ phải gánh chịu là



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

☞ kết quả của hành động quá khứ không tốt do chính bản thân họ đã tạo nên. Vì vô minh trôi lăn trong sinh tử, họ không nhớ những tội lỗi đã gây ra để ăn năn, sửa đổi. Họ chỉ biết oán đời trách đất, cho đến thù hận tràn ngập trong tâm, thì đã là ác ma trong thế giới sống thực này.

Đức Phật thì hoàn toàn khác với chúng phàm phu; vì cốt lõi bên trong của Ngài chỉ có toàn hạt giống Bồ Đề, hạt giống thiện. Đối với Phật, hoàn cảnh tốt hay xấu đến với Ngài đều là thắng duyên cho Ngài thể hiện tâm trí sáng suốt, đức tính từ bi và cảm hóa được chúng sinh. Ngài làm cho hoàn cảnh tốt càng tốt thêm, người thương quý Ngài càng thương quý hơn. Với người chống phá, ám hại, Ngài chuyển hóa họ trở thành người tốt, thay đổi hoàn cảnh bức ngặt trở thành thiện duyên.

Thật vậy, với hạt giống Bồ đề, tức trí sáng suốt, Đức Phật luôn quán sát cuộc sống nhân sinh từng bước chính xác lần. Nghĩa là hạt giống Bồ đề của Ngài được phát triển tốt đẹp theo hoàn cảnh chung quanh. Vì vậy, hoàn cảnh tốt hay xấu, thuận hay nghịch, đều là đối tượng giúp Phật quán sát và nhận ra được chân lý của con người. Và cuối cùng, Đức Phật nhận biết được chân lý một cách trọn vẹn; đồng thời Ngài thể hiện chân lý trong cuộc sống qua việc chỉ dạy mọi người sống an vui, giải thoát. Những thành quả hoàn toàn tốt đẹp của Đức Phật trên bước đường giáo hóa độ sinh đã làm cho mọi người thấy rõ Ngài có sự hiểu biết trên hết mà không

ai hơn được. Vì thế, Ngài được tôn danh là Phật với đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.

Với tôn danh là bậc Chánh biến tri, Ngài thấy biết nguyên nhân dẫn đến cuộc sống tốt hay xấu của con người và Ngài dạy họ phải suy nghĩ, nói năng, hành động như thế nào để thoát khỏi lo sợ, khổ đau và được hạnh phúc, giải thoát. Những điều thánh thiện mà Phật chỉ dạy cho mọi người đã được Ngài thể hiện rõ nét trong cuộc sống của chính Ngài. Vì thế, mà Ngài còn có tôn danh là bậc Minh hạnh túc.

Hoặc Đức Phật cũng có tôn hiệu là đấng Thiện thế, Thế gian giải. Vì đối trước hoàn cảnh xấu mà người thường không thể vượt qua nổi, hay không thể an lành, Đức Phật lại sống hoàn toàn bình ổn, an lành.

Diễn hình như có một thời gian, ở Ma Kiệt Đà, đức độ của Phật đã khiến vua chúa cung kính, tôn trọng, cúng dường quá đầy đủ. Một số đồ đệ của Phật mới khởi tâm tham muốn nắm quyền lãnh đạo giáo đoàn. Đối trước tâm niệm và hành động si mê của họ, Ngài đã vui vẻ giao việc quản lý cho họ, chứng tỏ Ngài không một chút lòng tham nào đối với thế gian này. Và Ngài thản nhiên rời bỏ họ, đi vào rừng sống thật đơn giản, nhưng cũng thật an lạc với một bác voi và một chú khỉ, ngày ngày chúng dâng hoa quả cho Ngài.

Đến khi những người tín tâm

tim đến cúng dường Phật mà không thấy Ngài. Chẳng những họ không cung kính cúng dường những người tham lam đang sống ở đó, lại còn tỏ ra khinh miệt. Lúc đó, những người này mới tỉnh ngộ, không còn cách nào khác hơn là phải vào rừng tìm Phật để thỉnh Ngài trở về lãnh đạo giáo đoàn.

Với yếu tố Bồ đề hay trí sáng suốt, Đức Phật đã quán sát sự việc và giải quyết từng việc đúng đắn, hợp tình hợp lý. Rõ ràng hiểu biết và đạo đức của Ngài đã tác động mọi người phải khám phục hoàn toàn, mà người ta thường nói là khẩu phục, tâm phục. Người chống đối Phật thì không dám chống nữa, người kính trọng Ngài thì kính trọng hơn.

Tinh thần vượt khó của Đức Phật chính là dùng đạo đức để cảm hóa người, nói lên chân lý muôn đời vẫn có giá trị mà Phật đã từng chỉ dạy chúng ta. Dù Phật đã Niết bàn thật lâu xa, ngày nay chúng ta nhắc đến Đức Phật, nghĩ về cách lãnh đạo của Ngài hoàn toàn sáng suốt và thánh thiện, không ai không khám phục Ngài.

Nhân mùa Phật đản Phật lịch 2548, chúng tôi ôn lại một số nét thánh thiện trọn lành của Đức từ Phụ Thế Tôn để Tăng Ni, Phật tử ghi nhớ, áp dụng trong cuộc sống. Làm theo Phật, chúng ta thanh lọc được phiền não và nghiệp để không trở thành ác ma và phát triển Bồ đề tâm trở thành bậc toàn giác như Đức Phật trong tương lai.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Vườn Lâm Tỳ Ni chùa Phổ Minh
Ảnh: Tư liệu



Đức Phật Đản Sanh

KHOI NGUỒN NHÂN BẢN

Như trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã minh thị, sự xuất hiện của Ngài giữa cõi Ta Bà này chỉ với một mục đích duy nhất là: *“Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến”*. Nghĩa là làm cho tất cả chúng sanh thấy được Phật tánh sẵn có nơi mình. Và trong suốt 49 năm giáo hóa độ sanh, Ngài luôn trung thành với lý tưởng và mục đích đã đặt ra. Cho đến những giờ phút cuối cùng trước khi nhập Niết Bàn, Ngài vẫn

● MAI NGUYỄN

tận trung với tôn chỉ ấy. Di chúc vĩ đại nhất từ xưa đến nay vẫn còn giá trị của Ngài là: *“Hãy tự mình là ngọn đuốc cho chính mình, hãy y tựa chính mình, không y tựa một ai khác. Hãy lấy chánh pháp làm ngọn đèn. Hãy lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác”*. Rõ ràng, sự xuất thế của Đức Phật là MỘT BỨC THÔNG ĐIẾP vô cùng thâm thúy và cao sâu trao cho

nhân loại. Đó là câu nói bất hủ vô tiền khoáng hậu, có một không hai trong lịch sử nhân loại từ xưa đến nay: *“Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành”*. Thật là một sự nhân chủ, bình đẳng và tự do tuyệt đối cho con người. Ai cũng có khả năng thành Phật như Ngài. Con người làm chủ lấy vận mệnh đời mình mà không lệ thuộc vào bất cứ một quyền năng nào cả. Như vậy, có thể nói sự xuất hiện của Ngài đã trả lại giá trị đích thực vốn có



của con người mà từ lâu Thượng đế, Thánh thần hay Thần linh đã tước đoạt mất. Và chúng ta cũng thừa hiểu rằng, gần hai ngàn năm qua, khẩu hiệu của Tây phương trong việc giáo dục người lớn và trẻ con là *"Believe in god"* (Hãy tin vào Thượng đế). Nhưng ngày nay, khẩu hiệu đó đã bị đập vỡ, và thay vào đó là *"Believe in yourself"* (Hãy tin vào chính mình). Một khẩu hiệu đã thể hiện trọn vẹn tinh thần và triết lý nhân bản của Phật giáo. Hơn hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, Đạo Phật không khi nào cuồng tín, giáo điều, cố chấp hay bảo thủ. Trái lại, luôn tùy duyên và tùy thuận, lạy bất biến để ứng vạn biến. Chưa bao giờ Phật giáo dùng vũ lực quyền uy, dùng danh lợi để mua chuộc, khủng bố hay dùng những tà thuyết hư ngụy để ru ngủ lôi kéo người vào đạo. Nét vàng son trong lịch sử truyền bá Chánh pháp của Phật giáo là không bao giờ làm đổ một giọt máu của bất cứ một chúng sanh nào.

Càng rõ hơn nữa, là trong Phật giáo không bao giờ có sự giả định, vì Phật giáo là Đạo Như Thật Trí. Những gì Đức Phật dạy đã được Ngài thể nhập, nên lúc nào cũng đúng với sự thật của sự vật, không vì không gian và thời gian mà thay đổi. Phật giáo không có giáo điều nên không bao giờ bị khủng hoảng giáo lý. Muôn đời Ngài chỉ là một bậc thầy sáng suốt và một vị lương y tài giỏi mà thôi. Tùy bệnh mà cho thuốc, tùy căn cơ trình độ mà giáo hóa. Muốn qua sông thì

phải dùng đò, đến bến thì bỏ đò lại. Tất cả chỉ là phương tiện thiện xảo.

Theo Phật thì phải tin lời Ngài dạy, nhưng niềm tin phải được khảo sát tường tận bằng trí tuệ và bằng sự suy luận chín chắn chứ không phải lòng tin mù quáng, nghe ai nói gì cũng tin. Đức Phật từng huấn dụ: *"Tin ta mà không hiểu ta thì chẳng khác nào báng bổ ta"*. Chúng ta thử tìm hiểu xem từ Đông sang Tây, từ trước đến nay trong lịch sử nhân loại có vị giáo chủ nào đề cao tinh thần tự do khai phóng như Đức Phật?

Thì ra, con người là chủ nhân ông, là kiến trúc của đời mình, cao hơn, con người là Thượng Đế của chính mình, vì thiện hay ác, thiên đường hay địa ngục đều do con người mà có, đều do tâm dẫn dắt. Phật giáo được thiết lập trên căn bản là **Kiến** (thấy đúng) và **Ngộ** (hiểu biết rõ ràng, chứng nhập như thật của sự vật) bằng chính trí tuệ và sự thể nghiệm bản thân của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân, dù là Tu sĩ hay Cư sĩ chỉ có thể chịu trách nhiệm cho sự giải thoát của riêng mình. Vì vậy, không cần phải van vái, cầu xin hay quy lụy một ân huệ nào. Đức Phật dạy: *"Các con hãy tự mình thấp xuống mà đi, chính các con phải chuyên cần, nỗ lực và luôn tinh tấn, chứ Phật chỉ là bậc thầy hướng đạo, là người vạch ra con đường"*.

Jean Paul Sartre, triết gia chủ trương Thuyết Hiện Sinh, khi nghiên cứu Phật giáo cũng công nhận rằng: *"Khổ đau*

chính là cái trọng trách mà con người không thể chạy trốn". Rồi ông còn nói thêm *"không có điểm tựa nào khác chỉ có con người quyết định nên bản chất của chính nó. Ngay cả khi Thượng Đế có mặt cũng không làm khác đi được"*.

Tương tự như Sartre triết gia Pháp khác là Nietzsche, khẳng định hùng hồn hơn *"Ngoài Phật giáo ra, không có một tôn giáo nào khác đã đề cao sự cao cả của con người trên thần linh thành một nguyên tắc và một tín điều rõ rệt"*. Và ông minh định rằng: *"Những ai còn tin vào Thượng Đế đều tự biến mình thành kẻ nô lệ"*.

Vậy thì, chúng ta có thể nói rằng Phật giáo là Phật giáo của con người, nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản của con người. Mặc dù đối tượng của Phật giáo là tất cả chúng sanh, nhưng con người là trung tâm điểm, là đối tượng duy nhất để mang BỨC THÔNG điệp trao cho cuộc đời, vì người là loại chúng sanh có khả năng tốt nhất để thực hiện BỨC THÔNG điệp ấy. Thực hiện BỨC THÔNG điệp ấy có nghĩa là phải thực sự vận dụng được những tinh hoa của Phật giáo vào trong cuộc sống và tâm hồn của chính mỗi con người. Vì chỉ có con người mới có khả năng thành Phật. Khi đã thừa nhận con người là vật tối thượng thì hạnh phúc an vui hay sanh tử luân hồi đều do con người mà có. Như vậy, mục đích của các tôn giáo là giúp con người hóa giải nội tại để thăng hoa, nói cách khác, mục đích của tôn giáo là để phụng



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

☞ sự cho con người. Cái duy nhất cần có mà tôn giáo phải làm là góp phần làm cho con người tỉnh thức, lay động khả tính tình yêu nơi mỗi người, hóa giải mọi tranh chấp, ty hiềm, ích kỷ và lòng thù hận để con người chấp nhận nhau mà sống trong hòa bình nhân ái, được vậy thì sự có mặt của tôn giáo mới có ý nghĩa và cần thiết cho nhân loại. Chiến tranh tôn giáo bao giờ và lúc nào cũng là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại dù nhân danh gì và dù bất cứ lý do nào, dù là Thánh chiến! Đạo Phật nguy ên ủy của nó là đạo cứu khổ, điều này là có thật, lịch sử hơn 25 thế kỷ Đạo Phật hiện diện đã minh chứng hùng hồn điều đó. Niềm hạnh phúc và sự tự hào của người Phật giáo là Phật giáo thoát khỏi những điều nêu trên. Càng tự hào với tôn giáo mình, người Phật tử càng ra sức học hạnh khiêm cung, càng ra sức thực hiện BỨC THÔNG điệp NGÀY PHẬT ĐẢN. Vận dụng mọi khả năng vốn có của tự thân mỗi người vào cuộc sống hàng ngày, luôn luôn chánh niệm và tỉnh giác lời Phật dạy, rằng: *"Hận thù không dập tắt được hận thù. Chỉ có tình thương mới tiêu diệt được hận thù"*. Nói như A Dục Vương là: *"Thắng lợi chân chánh là ở Phật giáo chứ không phải là ở vũ khí"*. Để ngày Phật Đản luôn luôn có ý nghĩa thì mỗi người Phật tử hãy tự thắp sáng lòng mình bằng lời Phật dạy là Từ bi, Nhân bản, Vô ngã và Vị tha. Vì đó là những nét đặc trưng, là tinh túy vốn có của Phật giáo. Cũng nhờ những điểm tinh hoa ấy

mà Phật giáo tồn tại mãi với lịch sử, với nhân loại hôm nay và ngày mai. Người Phật tử phải có một lối sống cao rộng luôn luôn minh mẫn và thi thiết với ý niệm khổ đau bằng ý nghĩ và hành động cụ thể.

Hạnh phúc của mình là hạnh phúc của người, nỗi đau của người cũng chính là nỗi đau của mình. Người Phật tử phải góp công sức của mình vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, ngăn chặn nạn kỳ thị tôn giáo, góp phần làm đẹp môi trường sống, nhất là ngăn chặn chiến tranh phi nghĩa, làm chặn đứng những căn bệnh trầm kha của con người như: nghèo đói, thất nghiệp, ngu dốt, phạm pháp, chỉ biết tự lợi mà không biết lợi tha! Thu vén riêng cho tự thân gia đình mà quên mất xã hội còn nhiều bất công, con

người còn lắm đau thương.

Là con người ai cũng đáng thương, ai cũng cần sự đùm bọc và giúp đỡ. *"Hãy vì lợi ích cho số đông, cho Chư Thiên và loài người"*, đó là bốn phận, là mục tiêu mà người Phật tử phục vụ. Làm vinh danh cho tôn giáo mình chính là làm cho xã hội loài người có cơm no áo ấm, mọi người sống với nhau trong hiểu biết thương yêu như con một nhà, đó là khả tính của vị tha, của tình yêu bao la đang ngự trị trong tâm hồn của người Phật tử.

Chỉ có như vậy mới không hổ thẹn mình là Phật tử. Và cũng chỉ như vậy thì ngày Phật Đản mới có giá trị khi tất cả mọi người Phật tử đang nô nức và thành kính kỷ niệm ngày giáng thế của Ngài vì chúng sanh đau khổ mà thị hiện Đản Sanh. ■

Kính lời vàng

Phật dạy: Ta xuất hiện ở đời, như đám mây lớn, có thể làm thấm nhuần tất cả, nghĩa là vì muốn khiến những chúng sanh khô khát đều xa lìa đau khổ, được vui an ổn. Trong thế gian, kẻ làm cho chúng sanh được vui yên ổn không ai bằng Ta. Ta vì đại chúng, nói pháp cam lồ thanh tịnh; pháp ấy dạy có một mùi là: giải thoát và niết bàn. Ta thường vì đại chúng làm như duyên mà dùng một tiếng diễn nói nghĩa ấy. Ta xem tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, không có tâm bỉ, thử, tăng, ái; cũng không tham trước, không chướng ngại, hằng vì tất cả mà nói đạo pháp bình đẳng. Và cũng không phân biệt là một người hay nhiều người mà thường diễn nói chánh pháp, ngoài ra không việc gì khác. Dù trong lúc đi lại, đứng, ngồi cũng không nhàm bỏ, đối với những kẻ sang, hèn, trên, dưới, tri giới, phá giới, có lễ độ hay không lễ độ, chánh kiến hay tà kiến, căn cơ lanh lợi hay ngu độn, Ta bình đẳng rước pháp vũ vẫn không mệt mỏi. Tất cả chúng sanh đã được nghe pháp Ta, nên cố gắng tu trì thì đều được tiến thủ ngôi cao.

KINH PHÁP HOA



Theo lời Phật dạy: có bốn nơi trên mặt đất nên đến chiêm ngưỡng, Đó là:

- 1) Nơi Phật Đản sanh
- 2) Nơi Phật thành Chánh giác
- 3) Nơi Chuyển Pháp luân
- 4) Nơi nhập Đại Niết Bàn

Ngài nói: “Với người nào đích thân đến bốn nơi này kính lễ hay hướng về kính lễ, chí thành chánh niệm, sanh lòng tin thanh tịnh và luôn giữ tâm như vậy thì sau khi qua đời chắc chắn họ sinh Thiên” (Tỳ Nại Da Tập Sự - TNDTS - quyển 38, bản Hán của ngài Nghĩa Tịnh)

Có lẽ phước báo này trên 2.500 năm qua loài người được hưởng là nhiều vô kể? Và cũng từ đó tư liệu viết về bốn Thánh tích này được sắp đầy trong tủ các thư viện. Riêng phận mình thiếu phước, không rõ có sanh Thiên được không đành phải đợi thời! Tuy nhiên, duyên lành tự xét chưa hết nên có cơ may đọc nhiều hơn bốn Thánh tích trong các bộ Luật Phật và Hồi Ký của nhiều tác giả... Từ đó, ngâm nghĩ về các Tập sự rồi ngẫu hứng ghi lại đây “Tập sự nước mắt” này mà ngưỡng vọng hưởng về cội nguồn của giải thoát.

* NƯỚC MẮT TIỀN A TƯ ĐÀ

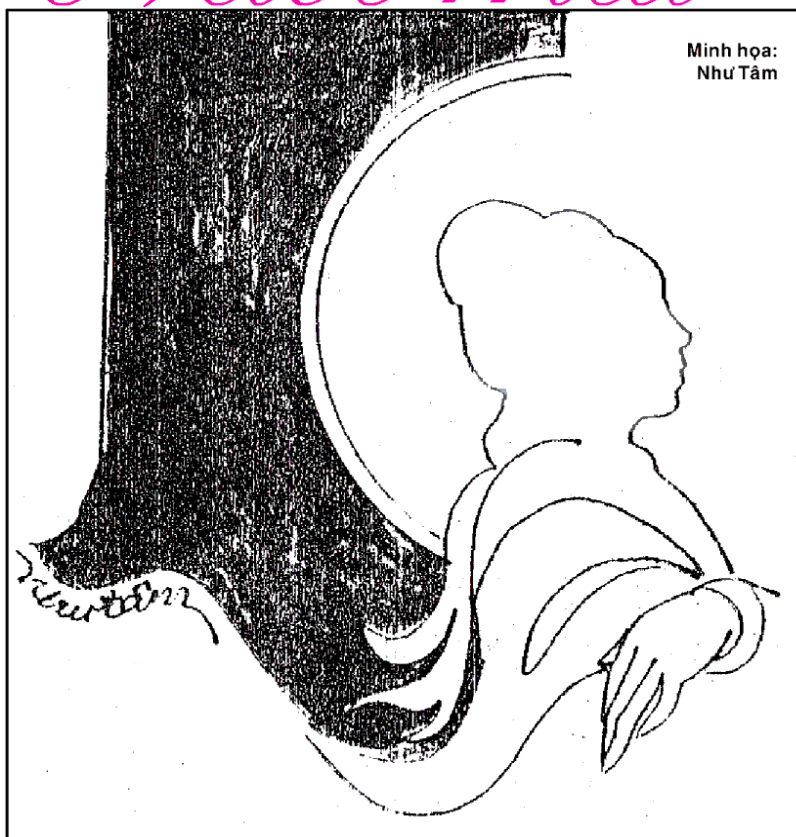
Chuyện xem tướng số của người Bà La Môn, xứ Ấn Độ thuở xa xưa chưa chắc đã xưa đối với loài người trên trái đất này - đã trở thành một thứ văn hóa thời thượng. Bấy giờ, các thầy tướng Bà La Môn, sau khi xem tướng hài nhi anh tú con vua Tịnh Phạn đều khẳng định hai điều: Không làm Chuyển Luân Vương thì tu hành thành bậc Giải thoát Giác ngộ vĩ đại. Nghe thế, nhà Vua vui lắm song trong lòng cũng lắm bàng khuâng... Riêng Tiên A Tư

Đà với một phong thái rất Tiên, đợi cái xôn xao của sự kiện hiếm thấy kia lắng xuống, hai thầy trò bay từ trên núi cao về hoàng cung Ca-Tì-La-Vệ. Cách kinh thành vài mươi dặm, Tiên cảm thấy không đành vãn được nữa, nói với người đệ tử: “Oai đức của con người kia lớn quá, phải xuống đất lội bộ thôi”... Người của hoàng cung đón rước Tiên trọng thể... Vua Tịnh Phạn bảo: “Thưa Tiên, con tôi đang ngủ!”. Tiên A Tư Đà bảo: “Không đâu! Con người của Tịnh thức, xin

TẬP SỰ

● PHƯỚC THẮNG

Nước mắt





nhà vua cứ bồng ra đây”. Thế rồi, trước một “tuyệt tác” bé trong lòng tay của phụ vương, Tiên lặng người, bất giác Người sụp lạy, nước mắt đầm đìa, cả quyết rằng các thầy tướng Bà La Môn đều sai, vì không có chuyện làm Chuyển luân vương mà dứt khoát thành Bậc Giác ngộ... Tiên A Tư Đà liền đọc bài kệ dài trong đó có đoạn lý giải nỗi buồn phải khóc của mình:

... Tôi buồn chết sớm không gặp Phật

Lệ nhòa đôi mắt không ngăn được

Bỏ pháp Vô thượng tôi chết trước

Ôi! Sự nghiệp chẳng thành tựu gì...

(TNDTS, Q.20)

Gạt nước mắt, hai thầy trò Tiên ra về giữa cờ hoa đưa tiễn và không biết cách hoàng thành bao xa, người ta không trông thấy bóng dáng Tiên đâu nữa. Trong lúc ấy, cả hoàng triều thương tiếc cho một người mẹ của một vị Bồ tát không còn nữa, hoàng hậu Maya Devi đã thác sinh vào Thiên cung Dâu Suất, năm đó là năm 563 trước Công nguyên. Và cũng kể từ đó, ngôi vườn Lâm Tỳ Ni trở thành ngôi vườn lịch sử, một Thánh tích chịu sự chi phối của vô thường nhưng đến giờ đây vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt. Năm tháng ời! còn lại những gì? Còn chút, còn lại trụ đá của hoàng đế Ashoka (A Dục) dựng lên năm 250 trước Công nguyên, trên ấy khắc bằng thứ chữ Brahmi và Prakrit ghi lời của nhà vua rằng: *“Do sự kiện đức Phật đã từng Đản sinh tại đây, vùng Lâm Tỳ Ni được miễn thuế và giảm mức lợi tức còn một*

phần tám”. Chưa hết, còn đó hồ nước Pushkani mà xưa kia hoàng hậu tắm nơi đây trước lúc Đản sanh người con tuyệt tác. Còn đó đền thờ Bà, trong đó có thờ một phiến đá khắc họa sự tích Phật Đản sanh và còn đó một *“không gian rợp bóng mát của nhiều cây cổ thụ”*. Ngoài ra đây còn có chùa chiền của nhiều nước trong đó có **“Việt Nam Phật Quốc Tự”**. Phật tử Việt Nam xin cảm ơn chính phủ Nepal, cảm ơn người con Sứ giả Như Lai Thượng Tọa Thích Huyền Diệu, Trụ trì **“Việt Nam Phật Quốc Tự”**, *“suốt mấy chục năm qua đã kiên trì và âm thầm đóng góp vào việc đem lại nhiều khởi sắc cho vùng Lâm Tỳ Ni này”*. Rồi đây, không ít Phật tử Việt Nam nói riêng sẽ đến với Lâm Tỳ Ni, với **“Việt Nam Phật Quốc Tự”** bằng tấm lòng ngưỡng vọng chí thành của mình trong đó có hạnh phúc của nước mắt.

*** NƯỚC MẮT CỦA NGƯỜI HẦU NGỰA**

Được làm thân người hầu ngựa cho Thái tử Tất Đạt Đa quả là người có được phước báo lớn. Con người nô bộc này có tên là Xa Nặc (Pali, Channa) hay Xiển Đà (Sanskrit: Chandaka). Bản tánh lạnh lẽ, phách lối, tự kiêu, cậy thế... Và bản tánh này về sau lộ hẳn ra, khi Xiển Đà xuất gia trở thành Tỳ kheo nằm trong nhóm Lục quần. Xem ra Thái tử bao dung con người này. Ngoài cái tài hầu ngựa, Xiển Đà còn có tài ăn nói. Qua hình ảnh thực tế: Lão, bệnh, tử, đạo sĩ, ở bốn cửa thành, Thái tử nghe Xa Nặc trả lời thực tế này một cách gãy gọn, chính xác khiến cho Thái tử ý thức sâu sắc hơn về sự thoát ly

của mình. Và ngày xả ly ấy đã đến, Xa Nặc được giao nhiệm vụ thắng ngựa và nhanh chóng cùng Thái tử vượt thành. Mờ sáng hôm đó, bên bờ sông A-nô-ma (Anomà) trong rừng A-nậu-da (Anupiyà), chứng kiến cái ý chí kiên định người chủ của mình, Xa-Nặc lặng lẽ cúi đầu rơi lệ... Tài viện dẫn lời của tướng sư bảo Thái tử làm Chuyển luân vương của Xiển Đà bị Thái tử về gây đến cúng hòng. Xiển Đà khóc suốt suốt, nhận lệnh Thái tử lên ngựa quay trở về hoàng cung. Trước vua Tịnh Phạn, Xiển Đà đem lời Thái tử tấu trình rằng: *“Dù cho xương tan thịt nát, nếu ta không chấm dứt được nguồn gốc sanh, lão, bệnh, tử thì ta không về”* (Luật Ngũ Phần). Không phải Vua Tịnh Phạn hay Xiển Đà mà cả hoàng triều đều rơi lệ.

Sang trang một trang sử

Lịch sử của Thái tử đã sang trang và trang giải thoát, giác ngộ của Bồ Tát Thích Ca được lần lượt mở ra bên bờ sông A-nô-ma, ở nơi thiên Phi tướng, thiên Phi Phi Tướng xứ, nơi Khổ hạnh lâm và thật sự thành tựu dưới gốc cây Bồ đề trong khu vườn thanh tịnh Ưu-lâu-tần-loa bên bờ sông Ni-Liên-Thiên nước Ma-kiệt-dà... Những ngày sau khi Thành đạo, đức Phật kiểm nghiệm đi, kiểm nghiệm lại sự giải thoát, giác ngộ của mình bằng cách đi sâu vào sự quán chiếu thiên định. Sáu năm tu khổ hạnh so với 91 kiếp tu sáu hạnh Ba la mật chẳng là gì, nhưng không là gì nếu không hoàn thiện những hạnh nguyên tu tập trường kỳ, phi thường như thế. Nhưng sự vĩ đại của một vị Phật không dừng lại



sự Thành đạo mà phải làm cho sự thành đạo hiện thực trong nhân gian, ở đây, chúng sanh khổ đau không lối thoát trong vòng luân hồi sanh tử. Không phải đợi trời Phạm thiên cung thỉnh, đức Phật mới chuyển Pháp luân mà việc chuyển Pháp luân đã hằn sâu trong tư duy thiên định của Ngài và đó cũng là bốn nguyện của vị Bồ tát trải qua vô số kiếp. Có thể coi việc trời Phạm thiên cung thỉnh là một phép tắc phải hội đủ của ba đời chư Phật. Một phép tắc cần thể hiện để đối trị lại một thế gian Tất đần - một thế giới phải hội đủ nhân duyên tương tác lên nhau để tồn tại hay dẫn đến sự hủy diệt. Như vậy, việc chuyển Pháp luân để thực hiện sự Thành đạo của đức Phật vừa hội đủ cho cái đích hàng đầu đã được đặt ra. Ngài đã chọn Vườn Nai để mở đầu sự nghiệp giáo hóa. Và sự mở đầu này đã dẫn đến một kết quả tức thì làm năm anh em Kiều Trần Như chứng quả A-la-hán bằng sự chứng ngộ giáo lý Tứ đế, Lý Duyên khởi... Vườn Lộc Uyển, Năm anh em A nhā Kiều Trần Như ngồi nghe đức Phật thuyết pháp trở thành hình ảnh chuyển Pháp luân sinh động xuyên suốt dòng lịch sử giải thoát của đạo Phật.

Hai Thánh địa này, ngày nay vẫn tồn tại trong sự thăng trầm dữ dội của nó mà lịch sử ghi rõ sự hủy hoại hung hãn của người Ấn giáo và Hồi giáo đối với những di tích nói chung, Tháp Đại Giác trong Thánh địa Bồ đề Đạo tràng (Bodh Gaya) nói riêng. Tháp này được xây dựng vào thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch trên nền tháp cũ của ngôi tháp Vua A Dục đã xây

vào những năm 250 trước Tây lịch. Trong ngôi tháp hình chóp nhọn hùng vĩ cao 52 mét, mỗi cạnh vuông 15 mét, có thờ tượng Thế Tôn bằng đá mạ vàng cao 2 mét được tạc vào khoảng năm 380 sau Tây lịch, nét mặt thanh thản nhìn về hướng Đông giống như tư thế ngồi bên cội Bồ đề khi Ngài Thành đạo. Di tích này được UNESCO thừa nhận là di sản của nhân loại vào tháng 6 năm 2002. Hiện nay, cách tháp Đại Giác hơn 2 cây số về phía Tây Nam, tọa lạc một ngôi chùa Việt Nam với tên gọi là “**Việt Nam Phật Quốc Tự**”, vị có công khai sơn là Thượng tọa Thích Huyền Diệu. Để rõ xin trích một đoạn trong Hồi Ký của ông Trần Trọng Thúc đăng trong Kiến Thức Ngày Nay số 461 như sau: “*Sau 15 năm trời dằng dặc xây dựng trải qua mọi gian lao khổ cực, bao nhiêu lượt người đến rồi đi, đầu năm 2003 vừa qua lễ khánh thành chùa được tiến hành trong niềm vui lớn lao của Tăng Ni Phật tử nói chung và người Việt Nam nói riêng. Từ nay ngôi chùa mang tên Việt Nam chính thức góp mặt ở vùng linh địa Bodh Gaya*” (trang 25).

Như vậy, trong bốn Thánh địa, chùa Việt Nam đã có mặt tại hai Thánh địa. Hạnh phúc thay! người Phật tử Việt Nam cảm thấy gần gũi với đất Phật hơn bao giờ hết...

NƯỚC MẮT KIỀU ĐÀM DI MA-HA-BA-XÀ-BA-ĐỀ

Trước cổng Kỳ Hoàn, ngày ấy bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề khóc hết nước mắt để cầu xin đức Thế Tôn chấp nhận cho người nữ xuất gia. Chúng kiến nỗi khổ này, Tôn giả A Nan lòng đau như xé...

Thế rồi, Tôn giả nhận làm “*sứ giả*” trong vai trò thị giả của mình. Khéo viện dẫn, trong cách nói cầu xin của Tôn giả nhưng đức Phật gạt qua tất cả những gì thuộc về tình cảm, ân này, nghĩa nọ mà chỉ nghĩ đến cái lúc phải để cho chúng Tỳ kheo ni hiện hữu. Nhưng sự hiện hữu đó không thể không có điều kiện, nhằm cột cái tâm “**kiêu**” của người nữ trong đức khiêm cung, nhất là người nữ mang dòng máu “**vua chúa**” và phải tuyệt đối tuân thủ Chánh pháp mà gần nhất, xác thực nhất là hình ảnh Tỳ kheo. Nghĩa là Chúng Tỳ-kheo-ni phải được chỉ đạo, luôn nương tựa vào Chúng-Tỳ-kheo. Tám Kinh Pháp ra đời từ thực tế đó, dù biết về lâu về dài Chánh pháp bị tổn giảm nhưng đời nào Chánh pháp cũng phù hợp với thực tế giải phóng nô lệ, khổ đau và công bằng trong việc chấm dứt sinh tử luân hồi. Bởi thế, Matthieu Ricard đã lên tiếng thế cho chúng ta như vậy: “*Đạo là giải thoát những tình cảm tiêu cực và phơi bày Phật tính sẵn có trong chúng ta. Động cơ thúc đẩy chúng ta đi trên con đường đạo là cốt để chuyển hóa chúng ta ngõ hầu giúp đỡ kẻ khác thoát khổ*” (Đối thoại giữa Triết học và Phật giáo. Trang 137).

Hồi ấy Bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề đội lên đầu Tám Kinh Pháp, vui mừng đến rơi lệ.

*** NƯỚC MẮT CỦA TÔN GIẢ A NAN**

A-nan là em ruột của Đề-bà-đạt-da. Nếu ông anh căm ghét đức Phật, muốn sát hại bao nhiêu thì ngược lại người em lại tôn trọng kính thương bảo hộ Ngài bấy nhiêu. Điều này thể



Hiện rõ nét qua 20 năm (theo TNDTS) làm thị giả đức Phật. Chính vì thế mà Tôn giả đủ nhân duyên ghi nhớ toàn bộ lời đức Phật trong thời gian này. Con đường đức Phật đi qua lần cuối với đoàn Tỳ kheo là từ nước Ma-kiệt-đà qua ngã thành Tỳ-xá-ly đến thành Câu-thi-na rồi vào rừng Sa-la vừa đúng 3 tháng. Trên suốt lộ trình này đức Phật đã chỉ dạy cho A nan xử lý bao quát nhiều vấn đề, kể cả vấn đề hậu Niết bàn. Qua bản ghi nhớ của Tôn giả A-nan trong giai đoạn này cho thấy rõ chủ đích của Thế tôn muốn xa lánh cái ồn ào phức tạp của các đô thị lớn, xa lánh vua chúa, tìm về một khu rừng cây Sa-la tĩnh mịch trang nghiêm nhưng lại rất hùng vĩ linh thiêng trong quá khứ để vào Niết bàn và chọn người dân dã bộ tộc Lục Sĩ (Malla) giao phó cái hữu vi còn lại sau sự tịnh diệt của mình. Sanh ra dưới cây Sa-la và bây giờ Thế tôn về lại cũng dưới cây Sa-la để thị tịch. Nửa đêm mà rừng Sa-la lại được thấp sáng lên một thứ ánh sáng kỳ diệu, không phải mùa hoa mà hoa Sa-la cứ tự nhiên lìa cành rơi xuống như mưa hoa, lên kim thân đức Phật, lên khắp mặt đất khu rừng Sa-la. Không phải chỉ Tôn giả A-nan hay đại chúng Tỳ kheo mà cả chúng sanh trong sáu cõi đông nghịt cả khu rừng Sa-la tiếc thương đến rơi lệ một vị Phật đã đi vào Niết bàn (theo Kinh Đại Bát Niết bàn). Năm ấy là năm 483 trước Công nguyên.

Câu-thi-na ơi! Ngày nay còn lại những gì? Vâng, còn đó nơi hỏa thiêu kim thân đức Phật, còn đó “ngôi đền màu trắng được xây

dựng lại vào năm 1956. Bên trong ngôi đền vẫn còn bức tượng Phật nằm bằng đá hơn 6 mét mà Huyền Trang đã trông thấy xưa kia. Bức tượng cổ có tuổi thọ ít nhất từ thế kỷ thứ 5 này được nhà khảo cổ người Anh Alexander Cunningham tìm thấy lại vào năm 1876. Khi khai quật đồng đồ nát của Tịnh xá xưa kia, đoàn khảo cổ phát hiện nhiều bộ hài cốt phủ phục trên bức tượng Phật nằm mà người

ta tin rằng đó là thi thể của những Tăng sĩ liễu chết lấy thân che chở bức tượng linh thiêng không cho những kẻ cuồng tín hủy hoại” (Trích Hồi ký của tác giả Trần Trọng Thúc đăng trên TC KTNB số 463)

Thật vui thay! Từ “Việt Nam Phật Quốc Tự” ở Lâm-tỳ-ni đến Câu-thi-na chừng trên dưới 30 dặm.

Tháng Giêng Giáp Thân
2004

GIẢI NGHĨA CHỮ PHẬT QUA HÁN VĂN

Chữ Phật gồm có chữ nhơn
Cùng bên chữ Phát gọi là Phật ngôi
Chữ nhơn chỉ thị con người
Chữ Phát dùng để quét trần sạch trong
Xuất gia quét dọn ái ân
Quét sạch phiền não trong tâm con người
Quét luôn tam độc (1) xa rời
Vô minh quét sạch trí thời sáng trong
Lục căn(2) đối với lục trần (3)
Tâm không vọng động vượt ngoài thế nhân
Mọi điều hưng thịnh suy vong
Tâm luôn tịch tịnh khác vòng thế gian
Ngai vàng điện ngọc không màng
Bồ Đề nhập định quy hàng tà ma
Thắng mình trận thắng vinh quang
Từ bi cứu độ muôn ngàn chúng sanh
Mọi người tại thế đồng thanh
Tôn xưng là Phật siêu nhân trên đời
Tam tạng kinh điển sáng ngời
Do Phật chỉ dạy khắp thời thiên nhơn.

Ni Sư THÍCH NỮ DIỆU QUẢ

(1) Tam độc: Tham, sân, si.

(2) Lục căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

(3) Lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.



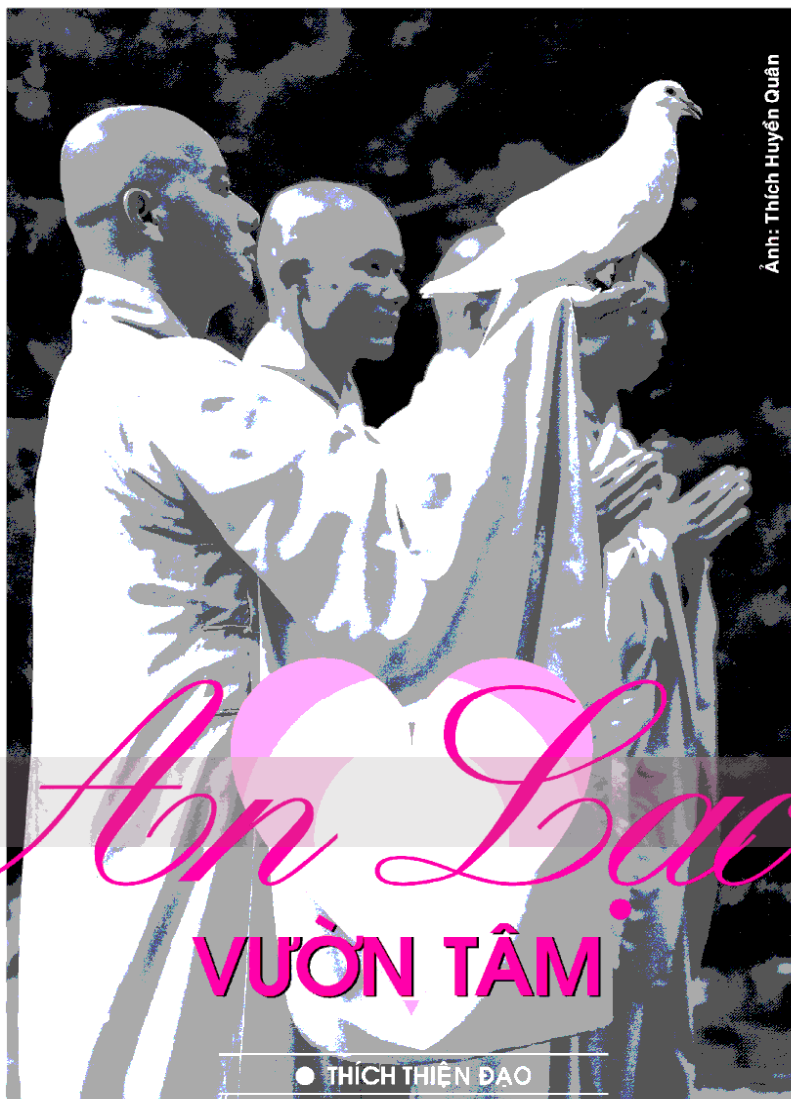
1. Trong quá trình thanh lọc thân tâm, chuyển mê thành ngộ, biến đau khổ thành an lạc, mỗi chúng ta phải suy niệm về tính cao quý hiện thực của Chánh Pháp. Chánh Pháp là thuyền từ, là phao cứu mạng, là nguồn lương dược, là ngọn đèn trong đêm tối. Tu học chính là con đường hướng vào nội tâm, trở về với chính mình để khai mở kho báu vô tận trong mỗi chúng ta.

Mọi sinh hoạt của người con Phật phải thấm sâu chất liệu của Chánh Pháp. Người học Phật lúc nào cũng phải sống trong tỉnh giác. Tỉnh giác là khả năng ý thức được giá trị tư duy và hành động của mình.

Trên bước đường tu học, nếu chúng ta không tìm thấy an lạc trong Pháp vị, mà còn quá nhiều phiền não không cần thiết, thì ta phải xét lại chất liệu Chánh Pháp trong mỗi chúng ta, bởi vì Đức Phật đã dạy: **"Chánh Pháp chính là an lạc"**.

Do vậy, chúng ta không có an lạc tự tại, bởi vì chúng ta không được nuôi dưỡng bằng chất liệu Chánh Pháp.

2. Những ai dấn thân vào con đường học Phật, con đường suy tầm chân lý, hướng thiện cuộc đời, bước đầu tiên cũng là bước quan trọng, là phải hiểu toàn bộ hệ thống giáo lý của Đức Phật như là một phương pháp giáo dục nhân bản hoàn hảo nhất. Tinh thần giáo dục mà Đức Phật đã hướng dẫn như một nghệ thuật sống nhằm phát huy đạo đức, trí tuệ con người, một tiến trình giác ngộ hoàn toàn nhân bản, hữu ích



Ảnh: Thích Huyền Quân

lâu dài cho con người và xã hội.

Theo Đức Phật, vị trí con người là tối thượng, là chủ nhân của chính mình. Do vì con người có khả năng thánh thiện, cho nên không có vấn đề nào mà con người không thể giải quyết được bằng vào sự nỗ lực vượt bậc của chính mình.

Thật thiếu sót nếu chỉ biết đi tìm các giá trị ngoại tại để làm nền tảng cho việc xây dựng và phát triển xã hội, mà xem nhẹ yếu tố nội tại, tức là con người hoàn thiện. Bao giờ con người

còn hướng ngoại, còn tha hóa, còn chưa làm chủ được mình thì cuộc sống và xã hội chưa ổn định.

3. Cuộc đời là vô thường, các pháp là giả hợp, có gì bền chắc mà bám víu mà ôm giữ? Đạo Phật là Đạo giải thoát, là con đường dứt khổ thoát ly mọi ràng buộc. Không đắm say một cách mù quáng là thái độ sáng suốt, là ý thức vươn lên khỏi những định kiến chật hẹp, những chấp trước nặng nề.



Bằng cái nhìn sáng suốt, Đức Phật đã chỉ rõ: *"Chính sự đam mê không biết nhàm chán đã trói buộc con người trong vòng khổ não"*. Càng tìm cầu càng muốn ôm chặt, càng muốn ôm chặt càng bị trói buộc. Đầu mối của sanh tử chính là sự đam mê chấp thủ.

Cuộc đời là dòng sông bất tận, dưới mặt nước phẳng lì tưởng như êm đềm đó, chất chứa bao nhiêu là bùn đất, rong rêu, rơm rác. Ta từ đâu đến, rồi ta sẽ đi về đâu, và bây giờ ta đang làm gì trong kiếp nhân sinh bèo bọt này?

Ngược dòng, xuôi dòng, giữa dòng... tất cả đều bị cuốn hút bị nhận chìm. Một lúc nào đó không biết trước, bất thần ta sẽ trở về cát bụi như ta đã đến. Hãy luôn luôn tỉnh thức để vượt qua dòng sông sanh tử.

4. Toàn bộ giáo lý Đức Phật được thiết lập trên tinh thần vô ngã. Vô ngã là cái nhìn xuyên suốt không ngăn ngại, là hành trình dung thông vượt qua mọi bế tắc tâm lý, quyết tâm đoạn trừ, xả bỏ các pháp hữu lậu, hướng đến tịch tịnh vô lậu.

Giáo pháp vô ngã cho ta nhận thức được sự tầm thường, nhỏ bé, vô nghĩa, giới hạn của một cái ta phù phiếm hư ảo, là nguyên nhân phát sanh mọi đau khổ bất an, được hiện hình dưới dạng thức tham chấp, thù hận, điên đảo.

Vô ngã vị tha, quên mình vì người là sợi dây liên kết con người lại với nhau, giúp ta gần gũi nhau hơn, từ đó hồ sơ ngăn cách sẽ dần dần được lấp cạn, cuộc sống trở nên tốt đẹp và có

ý nghĩa hơn. Đây chính là tinh thần, là sức sống của Chánh pháp cao cả.

Dưới cái nhìn của Đức Phật, chân lý không có nhãn hiệu, người đi tìm chân lý phải biết vứt bỏ các thành kiến để tâm hồn không bị hạn chế vướng mắc, không có hàng rào ngăn cách giữa mình và người. Thấu triệt được lý vô ngã, hành giả không còn bị hệ lụy vào nhân ngã bỉ thử, được thua, phải trái. Bây giờ tâm được an tịnh, trí được sáng suốt, không nhớ sạch, không tăng giảm, là trạng thái niết bàn tịch tịnh, đó là mục đích tối hậu của hành trình tu chúng.

5. Đau khổ là kết quả của quá trình tạo tác tích lũy các chủng tử vô minh. Do từ vô minh khởi lên các hành nghiệp bất thiện, do hành nghiệp bất thiện dẫn đến điên đảo đau lạc. Các mắt xích sanh tử tạo nên vòng luân hồi bất tận. Vòng luân hồi này hoạt động do sức đẩy của các tâm sở bất thiện mà hậu quả là sự xuất hiện các đau khổ.

Nếu cuộc đời không đau khổ thì Đạo Phật không có lý do tồn tại. Đạo Phật còn tồn tại vì con người còn đau khổ. Giáo pháp của Phật có khả năng dứt trừ vô minh đau khổ. Chứng nào vô

minh chưa được bật gốc thì phiền não đau khổ vẫn còn bám chặt chúng ta. Mục đích tối thượng của chánh pháp là đem lại an lạc tự tại, khai thông mọi bế tắc tâm lý con người. Người Phật tử chân chánh nhờ thực tập chánh pháp mà đạt được trạng thái an lạc nội tâm, thấy rõ bản chất tạm bợ của các pháp nên vượt ra ngoài mọi sự ràng buộc của kiếp nhân sinh.

Đức Phật, con người siêu phàm, bằng con mắt trí tuệ, đã vượt ra ngoài cái vòng luân hồi bất tận, đã tháo gỡ từng mắt xích sanh tử, đã chặt đứt vòng Vô minh hành nghiệp. Chân trời Vô ưu chính là kết quả của tiến trình thăng hoa tâm thức con người, ở đó không còn bức bách khổ não mà chỉ có an lạc tự tại, vì Vô ưu có nghĩa là không ràng buộc, không vướng mắc, không ưu sầu khổ não, là an lạc tự tại, là buông xả các pháp, là vượt trên mọi đối đãi nhân sinh. Do các đặc tính nêu trên, cho nên Vô ưu chính là tính xuyên suốt trong kho tàng giáo pháp của Đạo Phật.

Pháp sống nào không có tính chất Vô ưu thì không phải là pháp sống của đạo Phật. Cho nên Vô ưu chính là nguồn suối mát vô biên cho những tâm hồn đang bị cháy bỏng vì tham vọng cuồng si.■

Kính lời vàng

Các Đức Phật ra đời duy có việc này là: Vì muốn làm lợi ích cho thế gian, khiến thế gian sáng mắt, để dứt tất cả tà đạo vậy.

KINH ĐẠI PHÁP CÚ ĐALANI



Kính Mừng *Phật Đản* - PL 2548

TUỶ NIỆM 50 NĂM TỔ SƯ
MINH ĐĂNG QUANG
VẮNG BÓNG
(1.2.ÂL.1954 - 1.2.ÂL.2004)

HỆ PHÁI Phật Giáo khát sĩ VIỆT NAM

● THÍCH GIÁC TRÍ



Lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại, thời kỳ chấn hưng Phật giáo vào thập niên 40 của thế kỷ XX. Tại vùng đồng bằng sông Cửu Long miền Nam nước Việt, với hình ảnh một vị Sa môn Khất sĩ, Tổ sư Minh Đăng Quang đã chính thức thành lập Giáo Đoàn Du Tăng, lấy Giới - Định - Huệ làm nền tảng, chủ trương một đời sống phạm hạnh, thiểu dục tri túc, thanh bần đơn giản, với chí nguyện: **“Nổi truyền Thích Ca Chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam”**.

Trải qua 60 năm hành đạo (1944-2004) Hệ phái Khất sĩ Việt Nam đã phát triển khá nhanh, từ một Tăng đoàn chưa đầy 50 vị (1954) nay đã có 6 Tăng đoàn gần 500 vị, từ một

Ni đoàn chưa đầy 100 vị nay đã lên tới hàng ngàn vị, Tịnh xá đạo tràng từ 20 ngôi nay lên tới 400 ngôi... Yếu tố nào đã giúp cho HPKS phát triển nhanh như thế? Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin giới thiệu khái quát những nét đặc thù về Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

I. TÍNH CHẤT BIỆT TRUYỀN

1. HPKS là một hệ phái Phật Giáo biệt truyền:

Hệ phái Khất Sĩ do TS. Minh Đăng Quang khai mở có tính cách biệt truyền, vì không nằm vào hệ thống truyền thừa của hai hệ phái Bắc truyền và Nam truyền. Cụ thể như Ngài tự phát nguyện thọ giới Tỳ Kheo (1946) ở chùa Linh Bửu, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho. Ngay như pháp hiệu Minh Đăng Quang do tự

nơi ngài nói ra chứ không phải là một vị thầy Nam truyền hay Bắc truyền nào đặt tên. Đây là những sự kiện để dẫn đến đặc điểm chung của HPKS một hệ Phật giáo biệt truyền. Với tâm nguyện lợi tha của vị khai Hệ Phái là Nổi Truyền Thích Ca Chánh Pháp, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam. TS Minh Đăng Quang viết: *“Đạo đây là chọn lý vô trụ của chúng sanh chung, chứ không phải tôn giáo riêng tư. Kẻ sống đúng với Chân Lý kết quả rốt ráo giác ngộ gọi là Phật, theo tiếng thông thường cũng gọi là đạo Phật. Khất Sĩ chúng tôi tập nổi truyền Chánh Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện ở Việt Nam này, với mục đích cố gắng noi y gương Phật, thay Phật đền ơn và đáp nghĩa”*



“chúng sanh trong muôn một, đang thời nạn khổ” (Chơn lý Hòa Bình - TS.MĐQ - Đoàn Du Tăng, tr.832)

2. HPKS dung hòa 2 nền Giáo lý Nam truyền và Bắc truyền:

Tính chất đạo Phật của HPKS càng thể hiện rõ nét hơn khi TS Minh Đăng Quang đã dung hòa giữa hai nền giáo lý Nam truyền và Bắc truyền, Ngài chọn những nét giống giữa hai hệ phái trên: về Nam truyền Ngài chọn cách mặc, dùng y bát, đi khất thực, ăn ngọ; về Bắc truyền Ngài chọn ăn chay, thọ nhận Ni, thọ trì 250 giới Tỳ Kheo (Tỳ Kheo Ni 348 giới), giới Bồ Tát. Đặc biệt những điều chọn lọc ở nơi hệ phái Bắc truyền có thì hệ phái Nam truyền không có hoặc ngược lại. Chính điểm dung hòa này, Ngài cũng đã chủ trương thực hành Khất Sĩ sống Du Tăng, không giữ tiền. Sự dung hòa còn thể hiện HPKS đã sử dụng cả hai tạng Kinh điển của hai hệ phái. Như về Bắc truyền Ngài đã giảng về Phật tánh, Chơn Như, Kinh Pháp Hoa, Kinh A Di Đà... Về Nam truyền Ngài giảng về y bát chơn truyền, bàn về đạo quả A La Hán (Thanh Văn Thừa). Về pháp môn tu tập Ngài lấy pháp môn chung nhất của hai hệ phái là Giới-Định-Tuệ.

3. HPKS với sự thực hành Tứ

Y Pháp Trung Đạo:

Theo TS. Minh Đăng Quang nhận định đầu tiên Đức Phật dạy về Giới bằng sự thực hành Tứ Y Pháp Trung Đạo. Bởi vì khi Đức Phật dạy Đạo cho 5 anh em Kiều Trần Như ở Vườn Lộc Uyển Ngài dạy về Trung Đạo. Đức Phật dạy rằng có hai cực đoan cần phải xa lánh. Cực đoan thứ nhất, không quá ham mê dục lạc. Cực đoan thứ hai, không khổ hạnh ép xác. Vì cả hai cực đoan trên đều làm lu mờ tâm trí, ngay nơi đây Đức Phật dạy đệ tử phải sống theo Tứ Y Pháp Trung Đạo:

a. *Nhà sư khất thực*: phải lược những vải bỏ mà khâu lại thành áo nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận.

b. *Nhà sư khất thực*: chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội, thuyết pháp, đọc giới bốn được ăn tại chùa.

c. *Nhà sư khất thực*: phải nghỉ dưới gốc cây, nhưng có ai cúng lều, am nhỏ bằng lá một cửa thì được ở.

d. *Nhà sư khất thực*: chỉ dùng phân ủa của bò mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc, dầu, đường thì được dùng.

Bốn pháp về sự ăn, mặc, ở, bệnh theo như Tăng Đoàn thời Đức Phật, HPKS đã thực hiện bằng cách thành lập Đoàn Du

Tăng Khất Sĩ (Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam) đi khất thực, hành đạo từ làng này đến làng khác, với tinh thần lục hòa được TS. Minh Đăng Quang đề cao: “**Nên tập sống chung tu học**”.

II. CÁC MẶT THÀNH TỰU

1. Sự thành tựu về mặt hoằng pháp:

Ngay từ buổi đầu mới hình thành, TS. Minh Đăng Quang đã đẩy mạnh chủ trương về hoằng pháp. Hoằng pháp có cả hai mặt, thân giáo và khẩu giáo. Về mặt thân giáo, nhà sư Khất Sĩ sống bằng việc đi trì bình khất thực để gần gũi với tất cả mọi người. Những vị Sư hành đạo thanh bần với tam y nhất bát, ngày ăn một bữa ngọ chay. Vì thế, những nhà sư đã gây được thiện cảm đối với nhiều người. Đầu tiên những nhà Sư chỉ hành đạo rày đây mai đó, nghỉ qua đêm ở Đình, Miếu, chùa, vườn cây, nghĩa địa,... nhưng do yêu cầu mến mộ của Phật tử, họ đã phát tâm cúng đất xây dựng Tịnh xá, cất cốc cho nhà Sư ở, để họ được gần gũi học Đạo. Từ khi có Tịnh xá, một số nhà Sư ở lại vừa tu, vừa dạy đạo cho cư gia bằng cách có 4 ngày cúng hội (mùng 8,15,23,30) có thuyết giảng về giáo lý. Đây chính là khẩu giáo.

2. Sự thành tựu về mặt tư





tướng giáo lý:

Sự hình thành của HPKS còn thể hiện rõ nét qua tư tưởng giáo lý, ở nơi bộ Chơn Lý của TS. Minh Đăng Quang. Đầu tiên, TS Minh Đăng Quang lấy từ Khất Sĩ để đặt tên cho hệ phái. Xét ra, từ “**Khất Sĩ**” thuộc một trong ba nghĩa của từ Tỳ Kheo. Tỳ Kheo có 3 nghĩa như:

1. **Phá ác**: Người giữ giới Tỳ Kheo phá hết các điều ác

2. **Bố ma**: Người giữ giới Tỳ Kheo trong sạch làm cho loài ma phải kinh sợ.

3. **Khất sĩ**: Người giữ giới Tỳ Kheo thực hành khất thực để nuôi thân hành Đạo, xin Giáo Pháp của Phật để nuôi lớn trí tuệ.

Tỳ Kheo là mẫu người đệ tử lý tưởng thời Đức Phật, vị đó nhứt thiết phải sống bằng đời sống khất thực, đời sống xuất gia. Theo TS Minh Đăng Quang, Ngài cho rằng sự tiến hóa của chúng sanh trong vũ trụ đều phải qua con đường Khất Sĩ (Tỳ Kheo) mới đạt đến mức tột cùng Phật quả.

Qua những điểm trên. TS. Minh Đăng Quang đã thuyết giảng ngay từ lúc đầu mở đạo. Đặc biệt nhất với bài Vô Trụ Quan, Ngài có một cách giải thích về nguồn gốc vũ trụ. Từ đây, TS. Minh Đăng Quang đã hình thành nên một tư tưởng triết lý Khất Sĩ. Có thể tóm tắt nền triết lý này như sau: TS. Minh Đăng Quang cho rằng trong vũ trụ không gian bao la vô tận, có vô số quả địa cầu. Sự hình thành nên quả địa cầu do 4 chất đất, nước, lửa, gió tạo nên. Từ khi có quả đất mới sinh ra cỏ, cây, thú, người, Trời, Phật. Từ cỏ tiến hóa lần lần tới Phật. Trong những chủng loại trên có cái biết, cái biết yếu ớt như cỏ, cái biết già dặn

nhất là Phật. Chính cái biết đó là Đạo: “*Con người của cái biết sống từ nơi không, nơi tứ đại, cỏ, cây, thú, người, Trời, tới Phật, gọi là Đạo. Từ không có sống biết, đến có sống biết trong một phút, một giờ, một ngày, một tháng, một năm, trăm năm, ngàn năm và mãi mãi. Càng tu bổ, càng trau dồi, càng yên vui, càng tốt đẹp, càng sống mãi, biết hoài, thật là quý báu*”. (Chơn lý Vô Trụ Quan - TS. Minh Đăng Quang, tr.18).

Để có được cái biết của Phật, điều cần thiết phải làm một vị Tỳ Kheo (Khất Sĩ), bởi vì Đức Phật đã tuyên bố Chư Phật ba đời đều Khất Sĩ. Do đó, trong quá trình tiến hóa đến quả Phật phải trải qua nhiều trình độ, tùy trình độ có sự áp dụng cho phù hợp, nhưng theo một tiến trình như sau: nhiều kiếp làm người ác, tiến đến nhiều kiếp làm người thiện, nhiều kiếp làm người thiện tiến đến nhiều kiếp làm cư sĩ, nhiều kiếp làm cư sĩ tiến đến nhiều kiếp xuất gia làm Khất Sĩ, nhiều kiếp xuất gia làm Khất Sĩ mới giác ngộ thành Phật. Riêng về xuất gia làm Khất Sĩ TS. Minh Đăng Quang chú trọng việc hành đạo y như thời Đức Phật bằng cách hành trì Tứ y pháp với đường lối dung hòa giữa Phật giáo

Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền (như đã trình bày phần đặc điểm chung ở trước).

3. Sự thành tựu về mặt kiến trúc:

Xét về mặt kiến trúc của HPKS đặc biệt ở mô hình xây dựng Tịnh Xá, Tịnh Xá xây dựng nền có hình bát giác tượng trưng cho Bát Chánh Đạo. Ở trong có 4 cây cột, tượng trưng cho tứ chúng (xuất gia nam, xuất gia nữ, cư sĩ nam, cư sĩ nữ). Ở giữa xây tam cấp để thờ Phật tượng trưng cho Giới - Định - Tuệ. Có tháp 13 tầng tượng trưng cho 13 lớp tiến hóa của chúng sanh từ: 1. Địa ngục, 2. Ngạ Quỷ, 3. Súc sanh, 4. A Tu La, 5. Người, 6. Trời, 7. Tu Đà Hoàn, 8. Tư Đà Hàm, 9. A Na Hàm, 10. A La Hán, 11. Bích Chi, 12. Bồ Tát, 13. Như Lai (Phật). Ngoài ra còn có nhà thờ Cửu Huyền Thất Tổ cho Phật tử, có cốc dành riêng cho nhà Sư ở. Cốc là một cái nhà nhỏ, một cửa, có diện tích mặt bằng khoảng 6mét vuông, thường cất nóc nhọn có sàn, làm bằng gỗ lợp lá. Tịnh Xá lấy chữ Ngọc đặt ở đầu, thí dụ như: TX. Ngọc Viên, TX. Ngọc Phương... (Trừ một vài trường hợp đặc biệt như: TX. Một Cơn, TX. Trung Tâm...)

NỀN TẬP SỐNG CHUNG TU HỌC:

Cái sống là phải sống chung

Cái biết là phải học chung

Cái linh là phải tu chung

TỔ MINH ĐĂNG QUANG



Trong kinh Đại Tập, Đức Phật dạy: “*Thời mạt pháp, ước ước người tu hành, ít có kẻ nào dắc đạo, chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi*”.

Ngài Thiên Như Thiền Sư, sau khi dắc đạo cũng đã khuyên nhắc người tu: “*Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục*”.

Pháp Sư Ấn Quang, một bậc cao Tăng cận đại ở Trung Hoa, cả đời Ngài hoằng dương pháp tu niệm Phật. Ngài biết trước ngày về Tây Phương, ngồi thoát hóa ở Linh Nham Tịnh Tông Đạo Tràng, hưởng tuổi đời 80 và được 60 Tăng Lạp. Lúc làm lễ trà tỳ 32 cái răng còn nguyên, xá lợi ngũ sắc hiện ra rất nhiều, được giới Phật tử xuất gia, tại gia đương thời suy tôn Ngài làm vị tổ thứ 13 trong Tông Tịnh Độ.

Ngài cũng đã bảo: “*Để cứu độ chúng sanh mau được giải thoát không có pháp nào hơn môn niệm Phật*”

Ở nước ta có Hòa Thượng Thiền Tâm pháp hiệu Vô Nhất Đại sư một cao Tăng đã đem hết đời mình hiến dâng pháp môn niệm Phật, hai mươi năm cuối đời nhập thất, tịnh tu niệm Phật, biết trước ngày giờ viên tịch đến 6 tháng. Năm ngài 68 tuổi vào lúc 6 giờ 15 phút sáng ngày 13 - 12 - 1992, Ngài ngồi giữa đại chúng, kiết ấn A Di Đà định, bỗng mở mắt ra nói: “*Ta đi đây, đại chúng nên bảo trọng*” rồi yên lặng an nhiên thoát hóa ngay trên bảo tọa. Ngài cũng khuyên dạy chúng ta: “*Niệm Phật là cửa màu thâm diệu đi*

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT VỚI CHƠN LÝ TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

● THÍCH GIÁC THỌ

Từ lâu niệm Phật đã là pháp tu phổ thông của đông đảo quần chúng, từ bậc thượng căn trí thức đến hàng phàm phu căn tánh kém mạt đều thực hành được và đã đem lại kết quả giải thoát.

sâu vào Phật tánh, là con thuyền chỉ bảo để mau thoát khỏi luân hồi”.

Những lời huyền ký như trên cho chúng ta thấy pháp môn Niệm Phật rất hợp với nhân duyên thời tiết và trình độ căn cơ chúng sanh đời nay.

Tuy nhiên có nhiều người sau khi học “**Chơn lý**” của Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang lại ít phát tâm tu môn niệm Phật vì chấp vào lý tánh. Chúng ta nên biết Pháp là phương tiện, pháp có ra là do nhân duyên, pháp lý tùy duyên mà ứng hiện. Vậy chúng ta thử tìm hiểu nhân duyên Tổ nói Pháp Chơn Lý để hiểu cho thấu đáo. Chúng ta hãy nhìn lại quá trình hành đạo của Tổ Sư:

Tổ hành đạo truyền bá giáo lý

KHẮT SĨ Y BÁT từ năm 1946 đến 1954. Đây là thời gian Phật giáo Việt Nam trong thời phát động phong trào chấn hưng Phật Pháp phục hồi một nền đạo lý.

Chính Tổ là người vừa khai sáng một hệ phái, vừa là người đi tiên phong trong phong trào cải cách Phật giáo bằng con đường nói truyền Thích Ca Chánh Pháp - Y Bát Chơn Truyền Đạo.

Giáo lý Tứ Y Pháp là nền tảng căn bản tiêu biểu cho Giáo Pháp của Tổ Sư

Tổ dạy: *Chư Phật dắc đạo là do Tứ y Pháp*

Chư Tăng dắc quả là do Tứ y Pháp

Pháp bảo là giáo lý Tứ y Pháp

Một vị sư khát sĩ xuất gia hành đạo theo đúng giáo lý của Tổ Sư nghĩa là thực hành Tứ y Pháp trọn đời là giải thoát vì đã diệt trừ tận gốc tam độc tham, sân, si và ngã chấp.

Bốn nguyện của Tổ rất từ bi và vĩ đại, Ngài đã chỉ rõ con đường giải thoát và thống nhất Tăng đồ nhà Phật trên toàn thế giới lại, để cứu thế, lập đạo Niết Bàn hiện tại biến cõi đời khổ thành cực lạc vui. Nhưng tiếc thay! Ước nguyện chưa tròn thì Ngài thọ nạn mà vắng bóng từ năm 1954 đến nay. Sự ra đi của Tổ Sư là phương tiện để biểu thị công hạnh tự tại vô biên của Bồ Tát vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh mà thọ vô lượng khổ... tận vị lai kiếp tu Bồ tát đạo.

Vì thế đường lối truyền đạo của Ngài là hoằng dương giáo lý Y Bát Khất Sĩ:

“*Tối thì nhập định lâm sơn cảnh*

Sáng lại hóa duyên xóm chợ làng”



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Tổ đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ giữ giới Y Bát, nhập định (Thiền), nên kiến giải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, chỉ ngay vào bản tánh, lấy trau tâm làm chủ để đến với Chơn như.

Do đó trong các phẩm “PHÁP TẠNG”, “VÔ LƯỢNG CAM LỘ”, “QUÁN THẾ ÂM” trong Bộ Chơn Lý, Ngài đều diễn bày theo pháp lý tức thiên về lý tánh Ý Chỉ Cõi Cực Lạc không ngoài chân tâm mà có. Tịnh Độ Cực Lạc, Phật A Di Đà có ra là do nơi thân trong sạch trì giới cụ túc tròn đủ và tâm định chơn như của mỗi người.

Ở đây chúng ta thấy Tổ Sư khai thị về lý tánh thanh tịnh giống như Lục Tổ Huệ Năng dạy trong kinh Pháp Bảo Đàn: “*Người Phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người Tây Phương tạo tội niệm Phật cầu sanh chỗ nào?*”. Các Ngài không bác sự niệm Phật cầu vãng sanh. Lý tánh không ngoài sự tướng mà có. Lời nói của Chư Tổ có tác dụng khuyến tấn bảo niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm Phật cho đến trình độ tâm không, mới hợp với ý của Chư Tổ.

Trong phẩm “Sổ Túc Quan”, Tổ Sư dạy: “*Vì như có một người kia tập như vậy: hơi thở hít vô kéo dài nhẹ nhẹ, niệm tưởng thầm rằng: “NAM MÔ A” chậm rãi đến mãn hơi, dỗi trở ra cũng kéo dài nhẹ nhẹ, niệm tưởng thầm rằng “DI ĐÀ PHẬT” chậm rãi đến mãn hơi, thân vô trở lại, niệm tưởng nữa, làm thành vòng*

tròn bằng 6 chữ: “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT” và liên tiếp những vòng tròn. Đi đứng, nằm, ngồi đều niệm mãi, tập không bỏ sót một hơi thở nào trừ ra lúc ngủ quên hay khi nói chuyện. Kể ấy bằng định tâm được như thế cũng khá, lực căn sẽ thanh tịnh dần và sẽ đến được giác ngộ, của chết, ngủ nghỉ, số tức quan mức trung, mà đắc định... Số tức quan ấy là vàng mây bay, đưa vào xứ Phật”. Đây là Tổ dạy về Thiền Tịnh song tu vậy. Thực hiện lời Tổ dạy thêm đức tin vào Phật A Di Đà và nguyện lực của Ngài; đã có tự lực lại thêm tha lực thì chắc chắn trong một đời tu, năng lực không thể nghĩ bàn của hồng danh A DI ĐÀ PHẬT sẽ mau chóng đưa ta về cõi Phật. Ấy thật là ta biết vâng lời Phật và Tổ vậy.

Nhớ lại thuở xưa tại làng Phú Mỹ, Tỉnh Mỹ Tho nơi ngôi chùa LINH BỬU TỰ năm 1946 Đức Tổ thọ giới cụ túc 250 giới TỲ KHEO và giới luật TỨ Y PHÁP, Ngài được diễm mộng ứng hiện diễm hóa cho, do Đức Phật A DI ĐÀ thọ ký danh pháp MINH ĐĂNG QUANG, nên có bài thơ:

*“A DI ĐÀ PHẬT oai linh
Khiến tôi giải khổ vô minh kiếp này
Ai tình để lại trần ai
Đem mình vào cửa Phật đài tu thân”*

Trong ấy lại có bài cổ tụng khuyên niệm Phật:

*“Sông yêu nghìn thước nước
Bể khổ muôn sóng là
Luân hồi muốn thoát khỏi
Mau niệm chữ Di Đà”*

Môn đệ của Tổ - Hòa Thượng Pháp Sư Giác Nhiên cũng khuyên chúng ta niệm Phật:

“Cõi Phật đang chờ người niệm Phật

Lâm chung có Phật rước đem về...

*Niệm Phật sớm tối chuyên cần
Ngày đêm siêng niệm có phần siêu sanh”*

(Khuyến niệm Phật - Tứ kệ Tĩnh Tâm)

Gần đây có Đức Trưởng Lão Giác Lập - Ngài là một đệ tử lớn của Tổ chuyên tu Thiền Tịnh song hành được vãng sanh Tịnh Độ, khi hỏa táng có vô số xá lợi. Ngài có di chúc khuyên hàng hậu học nên niệm Phật: “*Khi tôi ra đi rồi, thương mến tôi thật sự, tất cả hãy bình tâm, tịnh định niệm hồng danh của Đức A DI ĐÀ PHẬT!*”

Tóm lại, Pháp môn niệm Phật với chơn lý của Tổ Sư Minh Đăng Quang rất gần gũi với chúng ta. Đây là pháp tu thành Phật màu nhiệm. Thật đúng với bài kệ của Tây trai Lão Nhơn.

*“Tức tâm là độ lý không ngoa
Tịnh khác Thiền đâu, vẫn một nhà*

Sắc hiển trang nghiêm miền diệu hữu

Không kiềm vô ngại cõi hằng sa

Trời Tây sáng đẹp màu châu ngọc

Nguyện Phật bao la đức hải hà

Ngoảnh lại đường tu, ai sớm tỉnh?

Nỗi thương ác đạo mãi vào ra! ■

Sách tham khảo:

1. Bộ chơn lý - Đức Tổ Sư Minh Đăng Quang
2. Minh Đăng Quang Pháp Giáo.
Soạn giả- Hàn Ôn
3. Niệm Phật Thập Yếu. HT Thích Thiện Tâm. Hương Nghiêm Xuất Bản. 1971
4. Những chuyện Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi. Tịnh Hải sưu tầm



PHẬT GIÁO THỜI LÝ-TRẦN

MỘT ĐẠO PHẬT VIỆT NAM



Chùa Trần - Nam Định - Ảnh: Nam Trần

Hai triều đại Lý-Trần đánh dấu đỉnh cao sự hội nhập của Phật giáo vào nền văn hóa Việt Nam nói riêng, vào đất nước và xã hội Việt Nam nói chung. Một sự hội nhập không những chỉ xảy ra trên bình diện văn hóa, mà trên nhiều phương diện khác của đời sống xã hội. Một thành tựu cụ thể của sự hội nhập đó là đã hình thành một nước Việt Nam thật sự độc lập tự chủ, có đủ sức mạnh tự thân để chống trả mọi cuộc xâm lăng từ phương Bắc xuống, có một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, ngăn cản thành công mọi cố gắng từ phía Trung Hoa muốn đồng hóa dân tộc ta về mặt văn hóa.

Nhân dân ta không bài ngoại, cũng không vọng ngoại hay sùng ngoại. Chúng ta có một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, nhưng không phải là nền văn hóa mang tính chất khép kín.

● QUẢNG NGHIỆM

Chúng ta sẵn sàng tiếp thu những cái hay, cái đẹp của các luồng văn hóa ngoại nhập, nhưng đó là sự tiếp thu có chọn lọc, phê phán. Điều đó thể hiện vị thế của một dân tộc có chủ quyền. Tinh sáng tạo của dân tộc Việt Nam chính là ở chỗ, nó luôn chủ động gạt bỏ, tiếp thu cái hay, gạt bỏ cái dở, trên cơ sở xây dựng một nền văn hóa hoàn toàn mang bản sắc dân tộc.

Dân tộc Việt Nam đã tìm thấy được ở Phật giáo một hệ tư tưởng mới, tiến bộ có thể dùng để đối trị hệ tư tưởng Khổng giáo vốn là chỗ dựa tinh thần của nền đô hộ Trung Hoa đối với Việt Nam. Tuy nhiên, Phật giáo luôn thể hiện tinh thần bao dung, hòa bình. Và điều này đã giải thích vì sao có sự hình thành quan điểm “Tam giáo đồng nguyên”. Không dừng lại ở đó, việc khai sáng

những triều đại độc lập tự chủ đầu tiên, đặc biệt là hai triều đại Lý-Trần, đã đánh dấu một bước hội nhập sâu rộng hơn của Phật giáo vào xã hội Việt Nam. Với tinh thần bình đẳng tuyệt đối, đạo Phật đã tạo cơ sở cho sự đoàn kết toàn dân ngay những buổi đầu dựng nước.

Tư tưởng Phật giáo thời Lý-Trần nói chung, Thiền tông nói riêng, bao hàm nhiều ý nghĩa. Nó thể hiện tinh thần từ bi, vị tha, bình đẳng một cách rõ ràng. Đặc sắc hơn, nó còn góp phần tạo nên những ông vua kiêm thiền sư, hay nhà Phật học uyên bác. Họ không phải là những người chán đời, lánh đời mà ngược lại, họ đã siêu việt vượt lên trên thế tục, không vương mắc thế tục. Những vị vua này cũng viết sách, giảng kinh không khác gì những vị cao Tăng trong đạo. Đồng thời, ở nơi những vị ấy còn thể hiện một tư tưởng



độc đáo, hiếm thấy ở Phật giáo các nước khác. Đó là tư tưởng **“Phật thân tức ngã thân thị, vô hữu nhị tướng”** (nghĩa là: *Thân ta tức là thân Phật, không có hai tướng*). Tư tưởng này đã nhắc nhở con người lên trên những ham muốn tầm thường, nó đã góp phần tạo ra những vị vua, vị tướng mẫu mực, xứng đáng làm trụ cột cho khối đoàn kết toàn dân.

Không chấp tướng, không giáo điều, không vướng mắc vào hình thức của Phật giáo, cụ thể là ở đời Trần, khiến đạo Phật vượt ra ngoài phạm vi chùa chiền và giới Tăng sĩ. Trong văn bia chùa Thiên Phúc (Hà Bắc), Lê Quát đã bộc lộ tất cả sự bức bối của mình: *“Họ lấy điều họa phúc làm động lòng người, sao mà sâu xa bền chắc đến như vậy. Trên từ vương công, dưới đến thứ dân, hễ làm cái gì thuộc về việc Phật, tuy đem hết cả gia tài cũng không tiếc. Nếu hôm nay đem tiền của để xây chùa, xây tháp thì hơn hử vui vẻ, như trong tay đã cầm được một cái biên lai để ngày mai đi nhận số tiền trả lại. Cho nên, trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, đường cùng ngõ hẻm, chẳng khiến mà theo, chẳng thề mà tin, hễ chỗ nào có nhà người ở là có chùa Phật. Bỏ đi thì làm lại, hư đi thì sửa lại. Lầu chuông đài trống cũng phân nửa nhà thiên hạ ở, xây cất rất dễ mà tôn sùng cũng lắm vậy...”*. Bài văn bia này tuy là sáng tác của một Nho sĩ không mấy gì có thiện cảm với Phật giáo, nhưng đã cung cấp cho chúng ta một sử liệu vô cùng quý giá, cho thấy mức độ phổ cập và tinh thần đại chúng của đạo Phật dưới thời

Trần. Công đầu thuộc về những vị Thiền sư. Vì hạnh trí tuệ của các ngài có đặc điểm là nó không hướng tới giải quyết các vấn đề thuần túy lý luận hay là siêu nghiệm, mà hướng tới giải quyết những vấn đề có tính chất bức xúc, cụ thể và có tầm quan trọng sống còn đối với đất nước.

Vấn đề có tính thời sự cao trong thời đại này là cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông của quân dân nhà Trần thành công mỹ mãn. Viết về chiến công này, Viện Sử học Hà nội ghi: *“Các cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo đã làm cho đất nước thân yêu của chúng ta nhiều lần xơ xác tiêu điều. Nhưng mỗi lần như vậy sức mạnh Việt Nam lại trỗi dậy chiến thắng và phục hồi mọi giá trị văn hóa tinh thần và vật chất, đưa dân tộc ta tiến lên những bước nhảy vọt kỳ diệu. Thời đại Lý-Trần là một trong những giai đoạn điển hình như vậy...”*. *“...Sự kiện lịch sử kỳ diệu ấy đã làm cho nhiều nhà sử học tiến bộ trên thế giới khi nghiên cứu về Việt Nam mong muốn làm sáng tỏ nguồn gốc nảy sinh ra chiến công lừng lẫy đó, tức là tìm xem nó đã nảy sinh ra trên một cơ sở kinh tế, xã hội nào? Nó là sản phẩm của một cuộc sống tinh thần, vật chất như thế nào?”*.

Vào thời Lý-Trần, những nhà trí thức, lãnh đạo cũng đặt ra những vấn đề, theo kiến giải của chúng tôi, cũng có những nét tương đồng với những nhà nhân văn chủ nghĩa. Nhưng việc đặt vấn đề, hướng giải quyết vấn đề của con người thời Lý-Trần hoàn toàn mang tính thực tiễn xã hội

cao. Họ đã có được sự thống nhất cả về tư tưởng lẫn hành động. Do đó, kết quả luôn lạc quan và càng tăng sự phấn khởi trong khắp mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Đóng vai trò chủ đạo trong tất cả là những vị Thiền sư thời bấy giờ.

Hướng nội tâm là để đạt tới sự bình tĩnh, sáng suốt của nội tâm, người có nội tâm bình tĩnh, sáng suốt thì sẽ không bị ngoại cảnh chi phối. Khi biết rõ ngoại cảnh, con người có thể hướng ngoại cảnh theo ý muốn của mình. Điều này thể hiện tư tưởng giải thoát một cách rõ ràng nhất. Và đây là tác dụng kỳ diệu của môn **“Tâm lý nội quán”** của Phật giáo, một môn học có giá trị đạo đức và thực tiễn rất cao. Chính nó đã góp phần tạo nên những nhà lãnh đạo mẫu mực - những vị Vua kiêm Thiền sư, kiêm triết gia thời Lý-Trần. Chính nó là nguyên nhân sâu xa góp phần vào những thắng lợi quân sự, chính trị thời Lý-Trần. Chính nó làm cho Phật giáo trở thành tôn giáo của mọi người. Và con người, trong cuộc sống hàng ngày, cần tới nó để cuộc sống trở nên có giá trị, có ý nghĩa, bởi nó đảm bảo cho cuộc sống đó có cống hiến tối đa cho xã hội, cho đất nước và con người. Một chủ nghĩa nhân văn tuyệt vời! Và cũng là những gì mà chúng tôi muốn thể hiện trong bài viết này nhân mùa Phật Đản PL.2548, dâng lên cúng dường Đức Như Lai, Người đã khai sáng đạo vàng cho cả nhân loại nói chung và đất nước, dân tộc Việt Nam nói riêng. ■



Việt Nam Phật Quốc Tự
tại Bồ Đề Đạo Tràng
Ấn Độ
Ảnh: Y Nguyên MLô



● THÍCH HUYỀN DIỆU

NS Vô ưu: Được sự đồng ý của Thượng Tọa Thích Huyền Diệu và Tiến sĩ Y Nguyên MLô, Nội san Vô Ưu kể từ số này sẽ trích đăng tập bản thảo này để độc giả Phật giáo trong nước hiểu biết phần nào về những hoạt động của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. BBT Nội san Vô Ưu chân thành cảm ơn TT Thích Huyền Diệu và Tiến sĩ Y Nguyên MLô, xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

LỜI GIỚI THIỆU: Trong chuyến hành hương thăm viếng các Thánh địa Phật giáo tại India lần thứ hai, tôi lại được thầy Huyền Diệu đích thân hướng dẫn tôi và phái đoàn Việt Nam đi thăm viếng từng Thánh địa. Thầy Thích Huyền Diệu đang trụ trì hai ngôi chùa Việt Nam nổi tiếng tại India và Nepal và đều có tên là Việt Nam Phật Quốc Tự. Tại India cách đây 30 năm, khi viếng thăm Bồ Đề Đạo Tràng, với niềm xúc cảm vô hạn trước nơi mà bậc vĩ nhân của nhân loại đã đạt được sự Giác Ngộ Tối Thượng mà nguồn cảm hứng đó vẫn tuôn trào trong suốt 2600 năm trong trái tim từng Phật tử cho đến ngày nay. Nhìn thấy các nước trên thế giới đang góp phần làm hồi sinh lại cái nôi của Phật giáo tại Thánh Địa Bồ Đề Đạo Tràng, thầy Huyền Diệu đã ước mơ xây dựng một ngôi chùa Việt Nam trên Thánh Địa của Phật giáo, ước mơ này không những góp phần tôn vinh Phật giáo Việt Nam trong sự đóng góp của nó vào hòa bình thế giới, mà còn muốn mang lại một nơi dừng chân An lạc cho bất cứ người Việt Nam nào trên con đường hành hương chiêm bái đất Phật. Trải qua không biết bao nhiêu khó khăn gian khổ, vượt qua vô kể các chướng ngại, cuối cùng thì duyên lành đã đến vào ngày 24-05-1987, ngày đặt viên đá đầu tiên để xây lên Việt Nam Phật Quốc Tự tại Bồ Đề Đạo Tràng. Và duyên lành nối tiếp duyên lành, chính phủ Nepal mời ngài sang Nepal để cấp đất xây chùa Việt Nam tại Lumbini nơi Đức Phật giáng trần. Tập bản thảo này thầy Huyền Diệu đã đưa cho tôi để có sự góp ý và sau đó muốn giới thiệu rộng rãi cho bạn đọc biết về những hoạt động của Thầy tại India, Nepal, các nước vùng Himalaya đã đem lại uy tín cho Phật Giáo Việt Nam trên trường Quốc tế.

TIẾN SĨ Y NGUYÊN MLÔ



NGÔI CHÙA QUỐC TẾ ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT PHẬT TẠI NEPAL

Mặc dù phần lớn cuộc đời sinh sống ở nước ngoài, nhưng tâm trí tôi thường hướng về quê cha đất tổ và luôn mong ước có được cơ duyên làm điều gì tốt cho đất nước. Để tri ân một đất nước mà tôi đã được sinh ra; để nhớ công ơn cha mẹ, thầy tổ và bạn bè. Đó là lý do tôi đã phát nguyện dồn hết công sức xây dựng Việt Nam Phật Quốc Tự, ngôi chùa Việt Nam đầu tiên nơi đất Phật trên xứ Ấn Độ.

Thông thường trong cuộc đời mỗi người chỉ tập trung làm một công trình mà mình yêu thích, bởi vì còn phải dành thì giờ cho nhiều công việc thường ngày. Chẳng hạn đối với riêng tôi là việc học hỏi thêm, du lịch, chiêm bái các nơi linh địa và mong mỗi được làm việc phước đức. Thế mà do phước duyên đưa đến, tôi lại có được nhân duyên tốt xây dựng thêm ngôi chùa thứ hai cùng mang tên Việt Nam Phật Quốc Tự tại Lâm Tỳ Ni ở Vương Quốc Nepal, một địa điểm thiêng liêng mà bao nhiêu kinh sách đều đã nhắc đến. Đây chính là vùng đất của vua Tịnh Phạn ngày xưa, nơi gần 2.600 năm trước Thái tử Tất Đạt Đa thuộc dòng Thích Ca đã giảng trần.

Hồi ký của thầy Huyền Trang có ghi lại rằng vương quốc này rất nhỏ với chu vi chừng 4.000 lý (khoảng 1.880 km). Nơi vùng Terai, dưới rừng Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ. Vào năm 563 trước Công Nguyên, khi sắp đến ngày lâm bồn, Hoàng hậu Maya Devi xin nhà vua cho phép mình rời hoàng cung trở về quê nhà tại Vương

Quốc Devadaha để sinh con đầu lòng theo đúng phong tục và truyền thống xứ này. Khi rời khỏi kinh thành chừng 25 cây số, ngang qua một khu vườn tại làng Lâm Tỳ Ni (Lumbini), Thái tử Tất Đạt Đa đã giảng trần dưới gốc cây Vô ưu trong khu vườn xinh đẹp này. Người con đó sau này trở thành Đức Phật Thích Ca. Đến năm 250 trước Công Nguyên, Hoàng Đế A Dục và đoàn tùy tùng khi đến chiêm bái nơi đây đã cho dựng một trụ đá để ghi dấu nơi linh địa này.

Vào đầu xuân năm 1969, lần đầu tiên khi đặt chân đến Lâm Tỳ Ni chiêm bái. Tôi thật sự bàng hoàng. Cảnh quan vùng đất thiêng thật điêu tàn, chung quanh trụ đá thánh tích kỷ niệm nơi Đức Phật đản sinh bị người dân địa phương phóng uế bừa bãi. Tôi buồn rầu đi quanh nơi này lòng thầm khẩn nguyện, nếu quả thật đây là nơi linh thiêng thì xin cho tôi được nhìn thấy thánh địa phát triển trước khi nhắm mắt từ giã cõi đời này.

Kể từ đó trong tất cả những bài giảng hay những lần hướng dẫn môn sinh học hỏi giáo lý nhà Phật, hay cho các sinh viên học về Lịch sử Á Châu và Bang giao quốc tế, tôi luôn luôn đề cập đến nỗi buồn khổ này. Tôi so sánh Lâm Tỳ Ni đối với Phật giáo chẳng khác gì thánh địa Mecca của Hồi giáo, Vatican của Thiên Chúa giáo, Benares của Ấn Độ giáo hay Jerusalem của Do thái giáo. Thế mà buồn thay Lâm Tỳ Ni nay phải chịu cảnh hoang phế điêu tàn.

Một vài anh em trong số những học trò của tôi đang làm việc ở các cơ quan quốc tế hoàn toàn chia sẻ nỗi niềm này và âm thầm

vận động trong suốt mười mấy năm trời cho ý nguyện làm sống lại thánh địa Lâm Tỳ Ni.

Bỗng nhiên rồi đến năm 1993, việc làm của các anh chị em thân hữu rất tâm thành cũng đã có kết quả: Quốc vương Birendra và chính phủ vương quốc Nepal chấp nhận cấp cho tôi mảnh đất tại Lâm Tỳ Ni để xây dựng ngôi Việt Nam Phật Quốc Tự thứ hai, mà cũng là ngôi chùa quốc tế đầu tiên nơi Phật Thích Ca giảng trần.

MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐẦY PHIÊU LƯU VÀ MẠO HIỂM

Bắt đầu từ năm 1987, tôi tập trung mọi sức lực vào việc xây dựng Việt Nam Phật Quốc Tự (Việt Nam Bouddha Bhumi Vihara), ngôi chùa Việt Nam đầu tiên nơi xứ Phật; tại Bồ Đề Đạo Tràng trên đất Ấn Độ để cảm tạ công ơn Đức Phật, đồng thời cũng là một món quà tinh thần dâng tặng quê hương xứ sở. Nhưng khi bắt tay vào làm tôi mới nhận ra mình đang lao vào một công việc cực kỳ phức tạp và xiết đối gian nan.

Bồ Đề Đạo Tràng nằm trong thị trấn Gaya thuộc bang Bihar ở phía Đông Bắc Ấn Độ. Tại đây tôi quen biết với nhiều nhân vật lãnh đạo địa phương và trung ương, luôn sẵn sàng giúp đỡ trong mọi công việc. Nhưng ngược lại cũng có điều bất tiện là mỗi khi họ lui tới thăm viếng thường có rất nhiều công an cảnh sát tiền hô hậu ủng, khiến cuộc sống của tôi mất đi sự yên ổn thường ngày. Đó là chưa kể do lòng quý mến của họ hay yêu cầu công việc mà có khi chỉ trong một buổi sáng tôi phải đi dự điểm tâm với bảy vị chức sắc ở bảy địa điểm khác nhau.

(còn tiếp)



I. THÁI TỬ XUẤT GIA

Đêm đến đã lâu, bầu trời Ấn Độ tỏa khí lạnh. Muôn vì sao lấp lánh kết thành những hạt kim cương. Mây bay sông trời chảy ngược - Gió Hy Mã Lạp Sơn thổi về mang theo mùi thơm của rừng nội.

Trong cung Vua nơi vườn Ngự uyển ánh trăng xuyên qua cành lá, chiếu rọi vào phòng các cung nữ. Nơi yến tiệc linh đình, vui chơi thỏa thích. Giờ đây, tất cả đều nằm yên trong giấc ngủ mơ màng. Nơi cung nội Công chúa Da Du Đà La cũng đang say nồng trong giấc ngủ. Bỗng nàng giật mình mở mắt, lay Thái tử dậy và thưa rằng:

- Em vừa thấy có 3 điềm chiêm bao lạ:

Điềm thứ nhất: Em thấy một con bò mộng lông trắng như tuyết, trên trán của nó có viên kim cương tỏa sáng tuyệt vời. Nó khoan thai ra khỏi cửa thành. Em chạy theo lấy tay ôm choàng cổ nó kéo nó trở về. Nhưng nó nhẹ nhàng thoát khỏi cánh tay em và đi thẳng.

- *Điềm thứ hai:* Em thấy có bốn vị Thiên thần mắt sáng như sao bay đến cửa thành, các lá cờ ở trên thành bay phấp phới, bỗng có một lá cờ năm sắc xuất hiện xung quanh có gắn những hạt ngọc sáng ngời vươn lên cao. Rồi vùng Kim ô lộ dạng. Gió đồng nội thổi vào, lá cờ tung bay trước gió - uốn thành những lượn sóng hào quang tỏa khắp không gian và từ muôn phương những Lưu ly, Xa cừ, Mã não, Vàng bạc châu báu... rơi xuống như mưa tỏa ánh quang năm sắc đẹp đẽ vô cùng.

Thái tử nói: Như thế thì đẹp lắm phải không em?

Da Du Đà La nhìn Thái tử lắc

BÀI II NGHIÊN CỦU LƯỢC SỬ ĐỨC PHẬT

THÁI TỬ TẮT ĐẠT ĐA
XUẤT GIA TÀM ĐẠO VÀ
THÀNH ĐẠO

● Thượng tọa THÍCH THIỆN TRÍ

đầu - Không - Em sợ lắm! Vì ngay lúc đó bốn vị Thiên thần bỗng hô lớn: “Giờ sắp đến! Giờ sắp đến”

- *Điềm thứ ba:* Em thấy nơi chàng nằm, chỉ có một chiếc gối đơn lẻ và một chiếc áo choàng. Còn em thì những chuỗi ngọc báu đã hóa thành một con rắn to cắn vào người em. Em sợ quá lại mơ màng nghe con bò trắng rống lên và trên bờ Thành bốn vị Thần lại hô lớn: “Giờ đến rồi! Giờ đến rồi!”...

Những cảnh tượng ấy làm em giật mình tỉnh giấc. Thưa Thái

tử ba điềm mộng ấy có phải là điềm báo trước Thái tử sẽ xa em?

Thái tử nhìn Da Du Đà La với đôi mắt dịu hiền rồi nói: “Em đừng lo sợ, dù đất trời có đảo điên, mọi vật có thay đổi... Em hãy tin rằng: “Ta yêu em và mãi mãi yêu em. Nếu một ngày nào đó vì thương nhân loại khổ đau mà ta phải xa em để tìm chân lý cứu thoát chúng sanh, đưa cuộc sống thế gian đến an lạc, hạnh phúc vĩnh hằng - thì em hãy nhớ những lời hôm nay ta nói với em - mà tự mình can đảm sống an vui để cùng ta trải tình thương cho nhân loại!”.

Công chúa nghe Thái tử nói nàng im lặng nhìn Thái tử thật lâu, rồi dần dần chìm sâu vào giấc ngủ. Nhưng một chập lâu, bỗng nhiên Công chúa ngồi dậy, nàng thấy Thái tử đang ngồi bên cạnh nhìn nàng, chàng mỉm cười và bảo: “Em hãy ngủ ngon. Em hãy ngủ an lành. Ta ru em vào giấc ngủ an lành”...

Tĩnh lặng suy tư - Đêm đến đã lâu - Thái tử đang suy tư về hai lẽ sống: Danh Vọng hay Từ Bi

- Ta phải ra đi - Ta không muốn ngự trị ngai vàng để chinh phục thế giới bằng thanh gươm báu.

- Ta phải ra đi - Ta không muốn chiếm đoạt của báu trong thế gian bằng những âm mưu thâm độc.

- Ta phải ra đi - Ta không muốn vì tình ái riêng tư, vì hạnh phúc cho riêng mình mà bỏ nhân loại trầm thống đau thương.

Hỡi Nhân loại khổ đau vì Sanh tử

Hỡi Chúng sanh vì tham dục mà giết hại lẫn nhau...

- Ta sẽ vì các người mà bỏ ngai vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh để đi tìm chân lý.



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Hỡi Phụ hoàng - hiền thê - bào nhi và thân tộc! xin hãy gắn chịu sự chia ly để trang trải tình thương cho muôn loại. Thái tử quỳ một chân - cúi đầu xuống bên giường công chúa Da Du Đà La - nhìn vợ thương yêu và đứa con còn trong bụng mẹ. Rồi người đứng lên trần trọng đi ba vòng chung quanh giường Công chúa, hai tay chấp ngang ngực bước ra và trở lại - trở lại và bước ra đến lần thứ ba Thái tử nhẹ nhàng vén rèm bước ra khỏi nội cung. Người đi qua các dãy phòng của cung nữ, đưa mắt nhìn những bông hoa mỹ lệ đang ngủ say theo năm tháng mỗi mòn thân xác...

Người bước ra khỏi cung điện - ánh sao lấp lánh, gió từ muôn phương reo hò thổi đến - Thái tử đánh thức tên giữ ngựa:

- Này Xa Nặc hãy đem con Kiền Trắc cho Ta.

- Xa Nặc hỏi: Thưa Thái tử, Ngài muốn đi đâu trong đêm tối mịt mùng?

- Thái tử vỗ vào vai Xa Nặc bảo: Người hãy nói nhỏ - Chính vì mọi vật đang chìm trong tăm tối mà ta phải ra đi - Ta đi tìm chân lý để cứu độ chúng sanh.

- Này Xa Nặc! Đã đến lúc ta phải ra đi.

- Xa Nặc buồn bã vào chuồng đem con ngựa Kiền Trắc ra - lấy yên cương buộc vào - Con ngựa vừa thấy Thái tử nó liền hí lên một tiếng - chào mừng.

- Thái tử vỗ nhẹ vào gáy nó và nói: Này Kiền Trắc - Ta nhờ con chở ta đi một cuộc hành trình xa - xa lắm - Ngay trong đêm nay. Thái tử nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa - Con Kiền Trắc hí lên một tiếng - truồn tới và phi như gió.

- Đến dòng sông A-Nô-Ma - Ngài trao lại dây cương cho Xa Nặc.

Tự mình cắt bỏ mái tóc xanh - quăng thanh gươm báu và cởi bỏ chiếc áo cẩm bào - rồi từ biệt. Xa Nặc quyết xin theo. Nhưng Thái tử từ chối. Biết không thể nào xin theo được, Xa Nặc leo lên mình con Kiền Trắc một cách nặng nề - Con Kiền Trắc dậm chân không chịu đi. Thái tử vỗ nhẹ vào gáy nó và bảo:

- Thôi con hãy về cùng Xa Nặc để ta đi tìm chân lý - Và chỉ một mình ta mới tìm ra chân lý. Con ngựa bước đi chậm chạp. Xa Nặc quay nhìn Thái tử... Hình ảnh Xa Nặc và con Kiền Trắc xa dần... xa dần và mất hẳn.

Phía trước Thái tử là dòng sông A-Nô-Ma cuộn cuộn chảy - bên cạnh là núi rừng hoang vu - Thái tử phải tự vạch con đường đi tới - Đi sâu vào núi rừng Hy Mã Lạp Sơn đến một nơi có những đoàn người tu khổ hạnh. Đây là những người thuộc Giáo phái Bà La Môn. Họ quan niệm rằng Thân thể là một vật thể đầy sự xấu xa, chướng ngại, tội lỗi và nhơ bẩn... cần phải hành hạ cho đến bao giờ nó tê liệt không còn cảm giác nữa, thân thể phải khô kiệt như một nhánh củi khô mới có thể đưa tiểu Ngã hòa nhập vào Đại ngã. Vì thế nên có người nằm trên gai từ ngày này sang ngày khác, có kẻ đứng một chân, có người rửa tóc bằng cát, có kẻ nung sắt nóng đâm vào thịt... lại có kẻ nằm trần truồng dưới ánh nắng gay gắt và chỉ ăn mỗi ngày một ít mè... cho đến khi chết khô vì nắng và đói...

Thái tử cùng tu với họ ở đây. Nhưng thấy cách tu hành của họ hoàn toàn mù quáng. Thái tử nói: Ôi đời quá nhiều đau khổ - Sao các người lại tìm cách làm cho đau khổ hơn?

- Một người trong bọn họ trả lời:

Trong kinh của Đạo giáo chúng tôi dạy rằng: Nếu kẻ nào tu hành cho đến khi thân xác không còn biết đau đớn... thì Tâm hồn mới xuất ra khỏi thân xác bất tịnh mà thăng lên cõi Trời, như một làn khói bay cao đến mấy tầng mây. Ở nơi đó Thần linh sẽ cho chúng tôi đặc quả...

Thái tử nói: Những vàng mây kia rồi cũng có lúc tụ lại và rơi xuống thành những giọt nước, thành những dòng chảy... liên tục thay nhau... tương lai vượt tới của các người liệu có thoát khỏi cái định luật xoay vần ấy hay không? Ta nói cho các ông biết cái gì có đến ắt có đi, có sanh ắt phải có diệt. Dùng phương pháp đau thương để đạt tới hạnh phúc an lành, thì hậu quả của nó sẽ là đau thương... Ta khuyên các người hãy bỏ những pháp tu mê muội nguy hiểm đó đi. Ta nói cho các người rõ Tâm hồn trong sáng minh mẫn thanh cao phải ở trong một thân thể trong sạch và cường tráng. Các người giống như một con ngựa què quặt đang chở nặng hàng hóa lại bị đánh đập, nó sẽ gục ngã bên đường trước khi đến đích.

- Những kẻ tu hành khổ hạnh cảm nhận sự mê muội của mình bèn kêu lên những tiếng kêu thảm thương:

- Người ơi! Chúng tôi đã lỡ chọn con đường này, chúng tôi quyết đi đến đích, nếu người biết con đường nào hay hơn hãy chỉ cho chúng tôi đi với. Nếu không thì người hãy đi nơi khác mà tu theo con đường của người muốn!

- Thái tử lại ra đi - lòng buồn vô hạn - Buồn vì cảm thấy con người quá sợ đau đớn mà tập rèn đau đớn, quá sợ chết mà tập rèn cái chết.

(còn tiếp)



● THÍCH HUYỀN LAN

Trong cuốn “Đường xưa mây trắng”, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh kể rằng:

Một hôm, ngược dòng sông Hằng, Bụt hướng về Josambi phía Tây Bắc. Đứng bên dòng sông, Bụt nhìn thấy một khúc gỗ lớn đang theo dòng chảy về phương Đông. Người gọi các vị khất sĩ cùng đi, chỉ cho họ thấy khúc gỗ đang trôi và nói:

- “Các vị khất sĩ! Khúc gỗ kia nếu không bị vướng mắc vào hai bờ, nếu không chìm đắm giữa chùng, nếu không vướng vào doi cát, nếu không bị người ta vớt lên, nếu không bị cuốn trôi theo dòng xoáy và nếu không bị mục nát ra thì sẽ cứ trôi như thế cho đến ngày được ra biển cả. Các

vị cũng thế: trên con đường tu đạo, nếu không vướng mắc vào hai bờ, nếu quý vị không chìm đắm giữa chùng, nếu không vướng vào một doi cát, nếu không bị người ta vớt lên, nếu không bị cuốn theo dòng nước xoáy và nếu không bị mục nát từ bên trong mục nát ra, thì chắc chắn các vị cũng sẽ đi về với đại dương của sự giải thoát và giác ngộ hoàn toàn”.

Các vị khất sĩ hỏi Bụt:

“Xin thế tôn nói rõ cho chúng con hiểu: Thế nào là vướng mắc vào hai bờ, thế nào là không bị chìm đắm giữa chùng, thế nào là không bị cuốn theo dòng nước

xoáy?”.

“Bị vướng mắc vào hai bờ tức là bị vướng mắc vào sáu giác quan và sáu loại đối tượng. Sống tỉnh cần và tỉnh thức thì các vị sẽ không đánh mất chánh niệm và sẽ không bị kẹt vào những cảm thọ do sự xúc tiếp giữa sáu giác quan và sáu loại đối tượng của chúng ta gây ra. Chìm đắm nửa chùng tức là bị những sợi dây tham dục và mê đắm buộc ta lại và không còn đủ sức để đi tới, rồi cuộc phải nửa chùng bỏ lỡ sự nghiệp tu học của mình. Vướng vào một doi cát tức là vướng vào sự phục vụ cái ngã của mình, suốt đời chỉ nhắm tới chuyện quyền lợi và hư danh mà quên đi mục đích tối hậu là giải thoát. Bị người ta vớt lên

NẾP SỐNG

Mùa Hè

Ảnh: Thích Huyền Quán





nghĩa là mãi mê cái vui xấu mà bỏ những công việc tu hành. Cuốn theo dòng nước xoáy có nghĩa là chìm đắm trong vòng tù của năm thứ dục lạc: ăn ngon, mặc đẹp, sang giàu, dâm dục, hư danh và lười biếng mê ngủ. Mực nát từ bên trong mực nát ra là đời sống đạo đức giả dối, lòng gạt quần chúng, lợi dụng đạo pháp để thỏa mãn dục vọng cá nhân”.

Lời dạy trên của Đức Đạo sư cách đây hơn hai nghìn năm thật thâm thúy và còn nguyên vẹn giá trị hiện thực cho đời sống Tăng sĩ, giáo đoàn của chúng ta hôm nay. Mỗi năm đến mùa An Cư Kiết Hạ, chúng ta khao khát giáo pháp, mong chờ sống với tập thể Tăng đoàn thanh tịnh, để cùng nhau sống chan hòa tình thương đồng đạo với tinh thần lục hòa thiền môn, thì không có lý do gì mà chúng ta lại tu học thật lười, nản chí và phóng túng đời sống Tăng sĩ để rồi đi đến phỉ báng Tam Bảo, làm hư hoại thanh danh Giáo hội, làm tổn thương niềm tin Phật tử. Đã phát tâm xuất gia làm người Tăng sĩ để đi theo gót chân Phật - Bồ Tát - Tổ sư mà Bế Tam Ác Đạo - Khai Niết Bàn Môn, hầu kiến thiết một nhân gian Tịnh độ cho tất cả chúng sanh an lạc vui tươi trong tình thương bình đẳng, thanh lương. Mỗi một năm An cư là tuổi đạo của chúng ta lớn thêm trong ánh hào quang chánh pháp và nhận lãnh sứ mạng Như Lai một cách trân trọng, để đem ánh sáng giáo pháp vào đời. Chúng ta phải luôn tâm niệm mình là một Tăng sĩ đang sống trong một tập thể giáo đoàn quy củ, có nề nếp nghiêm trang giới luật, có đầy đủ cốt

cách đạo phong của một vị Tăng khi nhập thế hoằng pháp. Tâm niệm thường nhật như vậy dù cho có mùa An cư kiết hạ, hay sống một mình nơi am cốc, tự viện, chúng ta vẫn nghiêm túc giữ gìn nếp sống thanh quy của Tăng đoàn. Chúng ta phải luôn luôn thận trọng, cẩn mật như lời dạy của Hòa thượng Thích Thanh Từ:

“Tu là tìm chân lý nơi chính mình, mình phải xác định rõ hướng đi của mình để không thấy tu là nhọc nhằn vô ích. Chúng ta phải tu là phải gạt bỏ hết phiền não, không để nó che đậy lôi kéo mình, lâu ngày thuần thục thì chân lý sẽ hiện tiền hay niết bàn hiện tại. Chúng ta phải hiểu giá trị chân thật của người tu là gia công tu tập để cứu mình ra khỏi sanh tử, đó mới là vấn đề thiết yếu”.

Đời sống phạm hạnh của một sa môn đệ tử chân chính của Phật luôn được ta áp dụng và làm hành trang cho nếp sống tu học, thì dù cho chúng ta ở Tăng trường, Ni trường hay một trường hạ, cũng đều làm cho Chánh pháp hưng thịnh, người Phật tử cảm nhận được từ nơi Tăng bảo một sự thanh cao, vi diệu trong tâm hồn họ. Ba tháng An cư kiết hạ là truyền thống từ xa xưa đến nay các bậc tiền bối không ngừng phát huy truyền thừa để nuôi dưỡng tâm linh của hàng hậu học Tăng ni. Cho nên một

trường hạ dù lớn, dù nhỏ, ở trung tâm thành phố hoặc nơi miền quê, song tất cả đều tập trung Tăng ni để nghiêm trì giới luật, đồng tu, đồng học, đồng thúc liễm thân tâm và đồng trở thành một vị Tăng sĩ có đầy đủ đức độ, tài năng mà hoằng dương Chánh Pháp. Mỗi năm chỉ có ba tháng An cư kiết hạ, nhưng tất cả Tăng Ni chúng ta biết trân trọng, gìn giữ nếp sống mùa hạ trong thường nhật cuộc sống, thì tin chắc rằng: Chúng ta sẽ không bị lung lay trước cám dỗ ngũ dục và nội tâm chúng ta không bị xói mòn bởi lục trần. Cho dù sống một mình nơi am cốc, tự viện, song chúng ta lúc nào cũng tâm niệm là mình đang sống trong một tập thể Tăng đoàn để An cư kiết hạ ngay chính bản thân. Có như vậy, chúng ta mới ghi tạc được những lời giáo dưỡng của các bậc Tôn túc như lời Hòa thượng Thích Trí Quảng nhắc nhở cho đại chúng trường hạ:

“Hãy tinh tấn dùng cơm Thiền và nước Pháp để trưởng dưỡng Bồ đề tâm thắng hoa cho đến ngày đạt quả vị, Chánh Đẳng giác.” ■

Hạt tình

(CẢM ỨNG)

Tặng Lê Bá Duy

*Vũ trụ tình yêu thơm ngát hương
Lung linh từng giọt nắng vô thường
Hoa mây trăm sắc trời lưu luyến
Lá gió muôn màu đất vấn vương
Đời chờ tình say thơ ấm lạnh
Vườn ươm hạt mộng trái yêu thương
Tim xuân ủ ấm niềm cô quạnh
Hạnh phúc ngồi lên rạng ánh dương.*

LIÊN THAO



HÀNH TRANG

NGŨ MINH

Của Tăng trẻ thời hiện đại

Tất cả chúng ta đều công nhận giá trị lý tưởng của người xuất gia có vị trí và tầm quan trọng thiết thực trong lòng công chúng. Ở bất cứ nơi đâu, khi nào - trên đây đất hình chữ S nói riêng và một số rất nhiều những quốc gia theo Phật giáo nói chung - khi thấy sự xuất hiện của hình bóng “Đầu tròn áo vuông” thì liền ở họ nhận được những tín hiệu an lành hạnh phúc. Hẳn chúng ta không thể không quên lời chư Tổ: “Tăng đạo Phật lai”? Người xuất gia có trách vụ và bổn phận thay Phật tuyên dương chánh Pháp. Đồng thời, còn được người đời xưng danh “*Thiên nhân chi đạo sư. Tử sanh chi từ phụ*” (Thầy của trời người. Cha lành của bốn loài). Với những sự tôn kính và lòng khát ngưỡng thánh thiện hướng đến một biểu tượng giải thoát trí tuệ của người thế gian như thế - thử hỏi người tu sĩ chân chánh nào đến nổi vô tâm để cho ngày qua tháng lại lui tàn dần theo



Ảnh: Tư liệu

tuệ dưỡng”, và “*Báo Phật ân đức*”. Ngoài việc “*Nghiên tâm ý nghĩa*” để “*Thấu lẽ huyền vi*” mà “*Nhuần ân giải thoát*”, thì người “*tu sĩ thời đại*” cần phải trang bị cho mình một “*lăng kính thời đại*”, một “*hành trang thời đại*” trên tinh thần “*khế thời*” và “*khế cơ*” của chư Phật. Không thể có sự phát triển tối ưu khi chỉ có hoàn thiện chuyên môn, mà khiếm khuyết những điều kiện cần và đủ cơ bản khác. Vì vậy, vấn đề quán triệt tinh thần Ngũ Minh trong thời buổi hiện

● THÍCH PHƯỚC HẠNH

“*túi áo giá cơm*”...?

Thời đại mà tất cả mọi thứ phát triển vùn vụt như vũ bão hiện nay, đòi hỏi ở người tu sĩ trẻ một thái độ trách nhiệm hơn: Phải tinh tấn, dũng mãnh, kiên định lập trường lý tưởng, kiên cố bờ đề tâm... thì may ra mới thực hiện được hoài bão “*khế Phật khai lai*”, “*Tục Phật*

nay là bức thiết. Vậy Ngũ Minh là gì? Có giá trị thiết thực như thế nào?

Theo “*Từ điển Phật học Hán Việt*” của Phân viện nghiên cứu Phật học, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1998, trang 796: “*Ngũ Minh là năm môn học xưa của Ấn Độ, nhờ đó mà trí tuệ của con người phát triển. Đây là môn học mà người nội Đạo*”



(trong Đạo Phật) và ngoại Đạo đều cần phải học. Ngũ Minh còn gọi là Ngũ Minh Xứ”.

1. THANH MINH (Sabdavidya)

Với sự phát triển của Khoa học công nghệ thông tin ngày nay đã xóa đi khái niệm “đường xa vạn dặm” giữa các quốc gia châu lục trên thế giới. Điều đó cũng có nghĩa việc trang bị thêm một vài ngôn ngữ không phải là thừa. Ngày nay các trường Phật học - đặc biệt là Học viện Phật giáo - đã đưa một số môn ngoại ngữ như Anh, Hoa, Hán, Pali... vào chương trình học là điều cần thiết. Ngoài việc dịch Kinh, sách, báo... ngoại ngữ còn sử dụng cần thiết vào việc Hội thảo các vấn đề về tôn giáo quốc tế, giới thiệu du lịch tín ngưỡng...

2. CÔNG XẢO MINH

(Silpakarmasthānavidyā):

Trên tinh thần “Công xảo minh” ngày nay đòi hỏi người tu sĩ trẻ phải hiểu biết và sử dụng được những chuyên môn sau: vi tính, thư pháp, hội họa, lái xe, sửa điện... có thể hiểu “Công xảo minh” là chiếc cầu nối thân mật giữa tu sĩ với người thế gian. Đồng thời cũng được xem như là một trong những “chiến lược” của mục đích hoằng pháp lợi sanh.

3. Y PHƯƠNG MINH

(Cikisavidyā)

Với người tu sĩ, thì việc “cứu nhân độ thế” là mục đích chính đáng. Ngoài việc chăm sóc “phần hồn” còn phải để tâm đến “phần xác” vì khi phần xác được mạnh khỏe, thỏa mãn được những điều kiện tối thiểu thì “phần hồn” mới đủ sáng suốt và lòng tin để quy ngưỡng

Tam Bảo. Vì vậy, việc tu sĩ trẻ học Dược, Y khoa, Châm cứu... để làm từ thiện phục vụ tha nhân cần đáng được khích lệ.

4. NHÂN MINH (Hetuvidyā)

Nhân minh là khái niệm “phôi thai” của trí tuệ. Nói lên sự sáng suốt mãi tiếp trong quyết định Phật giáo gọi là “trạch pháp” (Thất giác chi). Trong mỗi ý niệm, hành động, việc làm... đều phải thông qua sự can thiệp và kiểm soát của tâm thức. Trên tinh thần “Nhân minh” tu sĩ có thể trang bị thêm Triết học, Tâm lý học... để hỗ trợ giúp hoàn thiện chuyên môn và có phương pháp luận sáng tạo hơn trong việc nghiên cứu giảng dạy...

5. NỘI MINH:

(Adhyamatidyā)

Đây là điều tối quan trọng đối với người tu sĩ trẻ. Vì mạng mạch Phật pháp, sự tồn vong của Giáo hội đều nằm ở Nội minh. Dù cho tu sĩ đó có giỏi đến đâu các khía cạnh: Thanh minh, Công xảo minh, Y phương minh... nhưng nội điển Kinh - Luật - Luận không thông suốt liễu tri thì xem ra chẳng có lợi ích gì cho Đạo pháp, mà chẳng qua là

các pháp thế gian mà thôi. Cho nên, tu sĩ trẻ dù học gì thì học nhưng nội điển phải được đặt lên “Phật sách” hàng đầu. Không thể lơ đãng với Kinh - Luật - Luận mà chạy theo các pháp hữu vi tạm bợ.

Tinh thần Ngũ Minh đối với người xuất gia chỉ đóng vai trò quan trọng, chứ không mang tính quyết định giải thoát. Ngũ Minh chỉ dừng lại ở tính phương tiện chứ không đạt được mục đích cứu cánh. Nhưng, với tu sĩ muốn đạt được mục đích cứu cánh thì phải thông qua phương tiện. Mà đây chính là những phương tiện chánh pháp xác định khoảng cách tiệm cận giữa tu sĩ với thế gian. Đồng thời, hướng họ trở về quy ngưỡng Tam Bảo. ■

Gặp mặt

Kính tặng thầy Quảng Hòa - Đình Hồi Tưởng

Chắp tay trước ngực vái chào
“A Di Đà Phật!” Lời trao chân thành
Gác chiều gió lộng lay màn
Duyên từ vô thủy hẹn dành phút giây
Năm tay truyền sóng tim đây
Cảm ơn trời đất vòng xoay chu kỳ
Thân thương ánh đạo Từ bi
Cho tôi hóa kiếp chìm đi trú mùa
Thầy trò một khoảnh khắc đùa
“Vô ưu” văn hoá nếp chùa nối dây
Cùng nhau sát cánh kề vai
Vun trời - Thế hệ tương lai giữ gìn.
Một hồi chuông ấm giọt lành
Chia tay. Vái chúc an bình...Nam mô!

Tại Giác Uyển TP.HCM 04.12.03

HƯƠNG VĂN



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Hoa Tâm trong vườn Đạo

Ảnh: Thích Huyền Quán



Tháng Tư

HOA TÂM NỞ

Vào ngày Rằm tháng tư - Phật lịch, cách nay đúng 2628 năm; vì đại sự nhân duyên “muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật để dựng thanh tịnh; vì muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh; vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật; vì muốn cho chúng sanh chứng vào Đạo tri kiến Phật” (1) - Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện ra nơi vườn Lumbini, thành Kapilavattha...

Khởi nguồn từ ngày Đức Thế Tôn Đản sanh - Vesak; đóa hoa kỳ vĩ nhất của nhân loại đã khai nở - đã không ngừng tỏa hương An Lạc, giải thoát cho khắp cõi Trời Người. Đóa hoa vinh hằng ấy luôn thắm tươi, ngào ngạt sắc hương trải suốt hơn 25 thế kỷ, và mãi mãi ngát thơm trong lòng nhân loại đang chịu nhiều khổ đau, tăm tối!

Để bày tỏ phần nào tấm lòng khát ngưỡng, thành kính tri ân về ngày vui trọng đại ấy. Nhiều

● MANG VIÊN LONG

nhà văn, nhà thơ trên thế giới đã dành nhiều tác phẩm để ca ngợi, tán thán ngày Phật đản sinh. Mùa Phật đản Phật lịch 2526 - cách nay 22 năm, nhà thơ Tổng Ánh Nghi đã viết bài thơ “Phật đản, Ngày nở hoa cuộc đời” (2) rất sâu sắc, truyền cảm. Xin được trích giới thiệu cùng bạn thơ hai đoạn mở:

*“Tôi cảm niệm một ngày sinh
cổ đại*

*Một kỳ hoa, một tư tưởng trọn
lành*

*Mà thơm ngát hương bình an
tỏa mãi*

*Một cây xanh thành ức triệu
rừng xanh*

*Tôi cảm niệm một ngày sinh
Rất ngàn xưa mà lòng mình
chiêm bái*

*Một đấng xuất thế trọn lành
Nhu trắng sao trẻ mãi
Nhu núi sông tồn tại*

*Như đêm dài xuất hiện một
bình minh...”*

Từ bảy bước chân trên bảy đóa sen - đã mở đường cho hằng hà sa số những đóa hoa đời bùng nở trong niềm an lạc và hạnh phúc. Nhà thơ Tâm Nhiên có cho biết, anh đã hoàn tất tập thơ “*Thế Tôn Ca*” gồm cả ngàn câu; ngợi ca sự thị hiện, cuộc đời công đức của Đức Phật. Còn sớm để nói về giá trị nghệ thuật của Tâm ca này; nhưng chỉ điều đó đã cho thấy tấm lòng ngưỡng vọng, tri ân sâu sắc của nhà thơ với Đức Từ Phụ. Vườn hoa thơ xin giới thiệu một đoạn trong bốn đoạn của bài “*Thế Tôn Ca*” anh gửi về:

*“Lâm Tỳ Ni, ôi! vườn hoa kỳ
diệu,*

*Đóa Vô ưu bùng nở ngát
hương lòng...”*

*Cho đại sự nhân duyên về thị
hiện,*

Gót sen hồng qua bảy bước”



“dung thông”

“...Cuộc đời Đức Phật là một dòng thơ bất tuyệt. Cho nên ngày Phật đản là ngày hương thơm ngọt ngào, thi vị cho nhiều thi nhân kim cổ” - Người thơ Thu Phong có cách bày tỏ rất riêng, qua bài thơ tứ tuyệt **“Kính Dâng Ngài”**:

“Trọn linh hồn con xin gửi lại,

Kính dâng Ngài - Vô Thương, từ bi...

Để đời sau dấu làm hoa đại,
Mọc sân chùa ngập nắng lưu ly!

Tỳ Kheo Thích Minh Khiêm đón mừng “Ngày Phật đản” với đóa hoa tâm mộc mạc, chân tình. Đã có sẵn đời sống, tấm lòng thanh tịnh; có nhiều duyên để hành trì, tu tập theo lời Phật dạy - nếu chịu khó một chút trong lao động sáng tạo, thì thơ sẽ luôn tiến bộ, khởi sắc:

“...Lâm Tỳ Ni vẫn sáng ngời muôn thuở,

Mấy ngàn năm mà ngộ mới hôm qua...

Hương sen hồng cao đẹp một loài hoa

Lòng nở rộ hương chan hòa đạo vị!”

Hai bài thơ của **Ba Nữ** chúng tôi chọn một, vì thích hợp với chủ đề, và có phần “đạt” hơn. Bài gởi cho Vô ưu nếu có điều kiện đánh vần thì tốt, nếu không, xin viết rõ ràng, để đọc trên một mặt giấy là tốt rồi. Bài ghi lại kỷ niệm đêm ở Chùa Thiền Lâm nhân ngày Phật đản tuy chưa có gì mới - nhưng rất chân thành và gần gũi với cuộc sống:

“Thiền Lâm tỏa sáng hào

quang

Thiện nam tín nữ lễ đàn dâng hương...

Tiếng chuông vang vọng canh trường,

Câu kinh lời kệ Phật đường ngân xa...

Thành tâm niệm Đức Phật Đà,

Ấn lành thị hiện chan hòa chúng sanh”

(**Đêm Thiền Lâm**)

Nguyễn Đề tâm sự với người em nhân mùa Phật đản rất chơn chảnh, rất cần thiết - để có được niềm vui trọn vẹn cho mình, cho người:

“...Dấu cơ cực ta cũng đừng lăm lờ,

Dấu sướng vui ta chớ nở quên đời!

Ngước mắt nhìn lên: “Trời cao lồng lộng

Ngó xuống lòng mình: “Mở rộng tình thương

Không ganh ghét, không giận hờn, ganh tỵ

Không chê bai - không đổ kỵ một người

Đem sám hối, lỗi lòng em sân hận,

Để đón mừng mùa Phật đản em ơi!”

(**Tâm sự Mùa Phật đản**)

Người xưa có nói: “Văn (thơ) tức là Người” - lời văn, câu thơ phản ánh rõ nét, trung thực tâm hồn, tư tưởng người viết ra nó. Nếu thiếu sự trung thực, nghĩa là không có nền tảng cảm thụ bằng trái tim chân chánh, trong sáng - thì đó chỉ là “tám bình phong” tạm thời, không tạo được sự đồng cảm sâu xa, lâu dài nơi người đọc. Bài **“Tim của Đất”** của Lê Bá Duy tuy chỉ gói gọn trong 20

từ nhưng âm hưởng thật réo rắt, lâu bền:

“Áp tim vào lòng đất,
Nghe khẽ khàng yêu thương...

Hiểu ra trong còn - mất,
Cũng nhẹ nhàng như sương!”

Nhiều bạn thơ cho biết, làm thơ về đạo rất khó. Quả thật vậy! khó ở chỗ không phải bẻ hết các từ ngữ Phật học, những lời Phật dạy cho vào thơ - mà làm sao phải qua sự chuyển hóa của nội tâm, trải nghiệm qua đời sống; rồi từ đó phát tiết ra những rung cảm tự đáy lòng, từ cuộc sống - thì thơ mới thấm đượm đạo vị, tạo xúc cảm mạnh mẽ cho người đọc. Nguyễn Minh Quang đã tâm sự được nhiều điều lớn lao chỉ qua cái nhìn về **“Tự thân”** đơn giản:

“Một thân bơi giữa dòng đời,
Mưa xuân cũng thấy hồn người lạnh căm!”

Đi tìm chỗ đứng bao năm,
Loay hoay một cõi trăm năm luân hồi!”

Hay Tâm Nhiên trong **“Nụ cười Phật Tính”**:

“Hai ngàn năm mới đó vèo qua,

Vẫn còn đây nụ cười Đức Phật!

Như thầm nhắc một điều duy nhất:

Em về với cái xưa xa!”

Đặng Tuệ trong **“Hoa”**

“Hoa nở rồi hoa tàn,
Vô thường lẽ thế gian...

Người đời ai thức tỉnh?
Lìa kiếp sống truy hoan!”

Phước Thành qua **“Tiếng Chuông”**

“Ngân vang tiếng gọi đường về,



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

☞ Lòng tôi thao thức bờ mê cõi trần!

Tiếng chuông thấu suốt thân tâm,

Nẻo về đất Phật ngàn năm sáng ngời!”

Ảnh: Hoàng Minh

Dòng pháp như đã thấm sâu vào máu thịt những người con Phật - Do vậy, một đời sống là một thể hiện cao quý của Phật pháp. Đàm Lan đã chuyển hóa sâu sắc, truyền cảm những lời Phật dạy:

“Cho nhau đi
Những tiếng cười vui
náo nức

Để tuổi đời ta trẻ
mãi cùng Xuân

Cho nhau đi
Những hạnh
phúc trong ngần

Nghe rộn rã trái
tim dồn nhịp đập

Những ưu tư
giữa bao điều
được mất

Sẽ nhẹ nhàng

Khi mở rộng
vòng tay!”

(Cho nhau
đi)

Đoạn cuối
bài “**Đón
Trăng Như
Lai**” của

Nguyễn Thanh Tâm rất phù hợp với đề tựa. Lại phải chú ý đến bố cục (cấu trúc) của toàn bài cho logic, để nói lên được trọn vẹn điều muốn nói. Trong sinh hoạt VHNT không thể chấp nhận sự phân biệt, thiên vị, hay bè phái; bởi vì chính động thái này đã phản văn hóa rồi! Được đọc một bài thơ hay

của quý bạn thơ gợi về là một niềm vui, hạnh phúc của chúng tôi. Cần phải trải qua thử thách, trải qua thực nghiệm đời sống, và trải qua lao động sáng tạo nghiêm túc; thì tác phẩm sẽ có giá trị lâu bền. Thanh Tâm hãy tin tưởng vào sự cần trọng của chúng tôi. Vườn thơ xin được trích giới thiệu một đoạn cảm thấy hay nhất:

“...Đường trần cho dấu ngược xuôi,

Cám ơi cát bụi tỏ lời nước mây!

Con về xin chấp hai tay...

Tháng tư-Trăng sáng, nhớ hoài cha yêu”

Em Nguyễn Thị Phương (Huệ Minh Tâm)_em hãy mạnh dạn làm thơ, và gợi về cho chúng tôi thường xuyên nhé! Em cũng nên nhớ rằng, thi sĩ lão thành như Quách Tấn, có lúc làm một bài Tứ Tuyệt, phải mất 5 năm! Còn ở Trung Quốc, thi hào Giả Đảo (793-865) cho biết, muốn được hai câu thơ, lại... mất 3 năm (“Nhị cú tam niên đắc”). Biết vậy, để tự rèn luyện, chịu khó với thơ - thì thơ mới... sống tha thiết gắn bó với mình chứ? Bài “**Tĩnh thức**” (Kính tặng thầy Thích Trúc Thông Trụ) rất chân thành, rất truyền cảm:

“Bao năm khổ nhọc hướng tâm cầu,

Chấp làm phải-quấy, để gì đâu?

Bánh xe pháp chuyển không dừng nghỉ

Chợt tỉnh ra rồi, hết khổ đau
...Nhờ Thầy, nhờ bạn chăm được tuệ...

Khơi dậy lòng con mãi sáng ☞



ngồi,

Chánh pháp soi đường con
tiến bước,

Ấn lành Đức Phật chiếu
muôn nơi!"

Một số bạn thơ gửi thư về tâm sự, có nhiều người làm thơ rất nhanh - nhanh như cái máy ấy, nhưng tại sao chính mình lại làm thơ...rất chậm? Theo thiện ý của chúng tôi, việc làm thơ... nhanh như máy dễ làm thơ tầm thường, nông cạn, thiếu cảm xúc sâu lắng. Nói vậy, không có nghĩa là tất cả những bà thơ được làm nhanh (kiểu "xuất khẩu thành thơ") là không hay, không giá trị. Chúng ta cần phải hiểu, ngoài những bậc thiên tài, người làm thơ nhanh mà hay là do họ đã "giao mầm" cho bài thơ từ rất lâu rồi. Qua thời gian, hạt mầm tự phát triển âm thầm, rồi gặp "đủ duyên" là tự nó vươn lên, đâm chồi, đơm hoa, chứ chẳng phải tự nhiên "đất trống không" mà lại có hoa hồng nở! Nếu thiếu "giao mầm" mà có hoa, thì tất là... hoa giả rồi!

Trở lại với thơ, Vườn thơ xin giới thiệu một đoạn của bài "Vội gì" của Võ Phước, một đóa hoa Tâm thắm đượm đạo vị dịu dàng

"Vội gì em

Lần lửa ngày đi

Ai rồi cũng

Theo mùa xanh cuối

Mấy ai biết

Một thời dong ruổi

Mỗi chuyến đời

Là một bến gian truân!..."

Và một đoạn trong "Khúc chiều xa xứ" của Gia Ly:

"Thoáng qua một làn hương
bay,

Tôi thấy mình như trở lại...

Ném vào dòng sông vô ngại,

Hình hài đá cuội ngày xưa!"

TN. Võ Thành Công (Bordeaux - Pháp gửi về hai bài thơ: "Sống cảm thông" và "Tình ai vẫn còn". Bài thứ hai "chưa sử dụng" được. Xin giới thiệu hai đoạn trong bài "Sống cảm thông" vì đây chính là khát vọng của con người - nhưng buồn thay, vòng tay... hiếm khi rộng mở: Lời giản dị mà ý dạt dào:

"... Sống cảm thông: Tâm hồn
luôn rộng mở,

Hòa đồng nhau vạn thuở
không phai lòng!

Nhớ lời Phật, vững tin bền sắt
đá,

Xây quê hương cho con cháu
Lạc Hồng!

... Sống cảm thông: Mắt nhìn
nhau truyền đạt

Tìm hướng đi vịnh dự trong
sinh tồn...

Để chánh pháp sáng tỏ giữa
càn khôn

Cho đất nước bốn mùa Xuân
rạng rỡ!"

Bắt nguồn từ ngày lịch sử
Rằm tháng tư, nhưng mỗi
người đều có riêng một cảm
nhận, một giải bày. Như vườn
hoa có muôn loài. Nguyên Minh
gọi là "Mùa lịch sử" - xin giới
thiệu hai đoạn tương đối hoàn
chỉnh:

"Phật đản năm nay lại trở về
Nhắc ngày lịch sử thuở xa
xưa...

Ca Tỳ La vệ ưu đàm nở,
Ngào ngạt hương dâng khắp
nẻo quê!

Hăm lăm thế kỷ đã qua rồi,
Gương hạnh Như Lai vẫn
sáng ngời...

Vạn thuở truyền lưu dòng
Pháp như...

Từ bi hóa độ, cứu muôn loài!"

Đặng Trình lại có kỷ niệm
không bao giờ quên trong đời
khi sinh hoạt GDPT: Yêu kính
Phật pháp qua màu áo lam
thân thương. Lời thơ dung dị
mà sức truyền cảm khá sâu:

"Từng ngón tay gở lần trang
sách cũ...

Nhật nhòa theo ngày tháng
đó chưa xa!

Bao khuôn mặt quay về trong
kỷ ức,

Lòng dâng đầy theo nỗi nhớ
xót xa!

Màu áo lam tôi yêu từ muôn
thuở,

Khói chiều nay bay quện
phủ mái nhà

Màu của bao màu hợp thành
màu áo...

Màu dịu hiền thân ái của
thiết tha..."

Người giữ "Vườn hoa tâm" xin
chân thành tri ân quý nhà thơ,
thân hữu, bạn đọc xa gần đã
luôn nhiệt tình góp phần chăm
sóc, đóng góp nhiều đóa hoa đầy
hương sắc cho Vườn hoa đạo Võ
Ưu. Chúng tôi nghĩ, đây cũng
là một phận sự cần thiết cho
mỗi Phật tử chúng ta có dịp
tham dự, ngõ hầu đáp đền phần
nào ân nghĩa sâu nặng với Đức
từ phụ. Thành kính cúng dường
Chư Phật nhân mùa Phật đản.
Xin được gửi đến quý đạo hữu,
thân hữu lời cầu chúc: "Vạn sự
Hạnh Thông - Tùy tâm mãn
nguyện!" ■

Lập Tâm Tinh Thất
Mùa Phật đản PL 2548

(1) Phẩm phương Tiện thứ 2 Diệu pháp
Liên Hoa Kinh
(2) Ngày nở hoa cuộc đời Tống Anh Nghi
(Nhà XBVN -1995)



Chơ lòng an nhiên

nhạc : Phạm văn Sơn

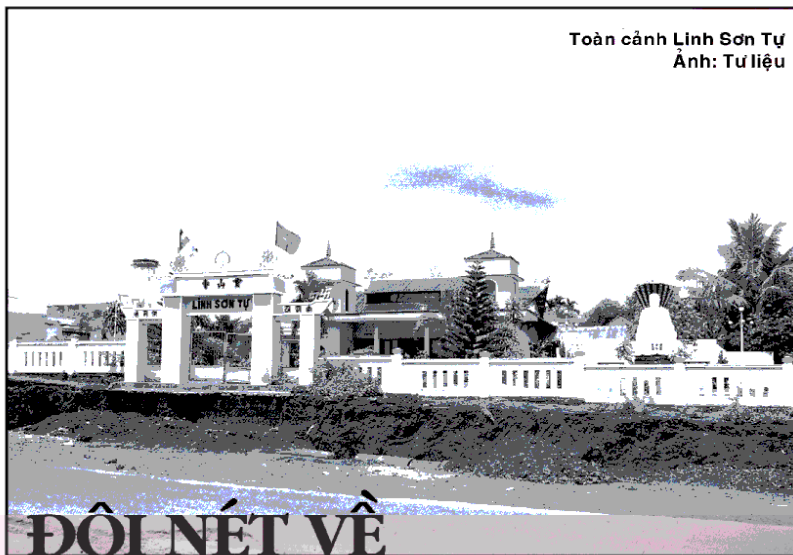
Thênh thang mây ngàn xanh thăm vô tư giữa trời Sương
 ... chơi ta là sông suối ra khơi muôn trùng lang
 ... sơ xin làm chim hót ru tâm an lành Đón

sa trên cành hoa trắng lung linh làm quà gửi
 thang qua từng con sóng lênh đênh giữa trời nhỏ
 sơ xin làm gió mát ngân nga chuông chùa Và

thêm một chút nắng hồng Qua miền xao xuyến âu sầu tan
 nhoi một kiếp vô thường Duyên nào đưa lối bên đời ung
 xin là ánh sao trời Qua miền tăm tối ngấm tàn phai

1. theo thanh tịnh thân tâm rong... dung Ta bước
 2.

đi và từ đây thôi ta hết những ưu phiền khi biết đời
 mình như lá như hoa Trời chân như tỏa ngát hương sen hồng đưa lối ta
 về giữa lòng hư không Đón... ủa chào đón thiên thu



Linh Sơn Tự

Linh Sơn Tự tọa lạc tại xã Quảng Nhiêu, nay là khối 3 thị trấn Quảng Phú, nằm trên tỉnh lộ 8 cách trung tâm Tp. Buôn Ma Thuột 16km về hướng Bắc.

Cư M'Gar - tên gọi trước đây là xã Quảng Nhiêu - vùng đất này, trong chiến tranh trước đây đã xảy ra ác liệt, dữ dội nhất là Tết Mậu Thân (1968). Nhiều chiến sĩ đã thương vong, nhiều người dân vô tội đã nằm xuống, nhà cửa ruộng vườn bị thiêu đốt, gia đình ly tán...

Lúc bấy giờ, xã Quảng Nhiêu có 3 khuôn hội Phật giáo là Châu Phong, Quảng Hiệp và Phú Học đã hợp nhau lại bầu ra một Ban Đại Diện (BDD) Liên Khuôn Xã Giáo Hội Quảng Nhiêu do bác Trần Hồng làm Chánh Đại Diện (CDD) và hai bác Hoàng Thảo, Lê Kế làm Phó Đại Diện (PDD). Nghĩ tưởng đến bao người đã nằm xuống

TRỤ SỞ HUYỆN HỘI PHẬT GIÁO CƯ M'GAR

● THIỆN THÔNG

vì đạn lạc tên bay, hồn xiêu phách lạc. Các bác trong BDD Liên Khuôn đã dựng lên một am thờ để sớm hôm hương khói cho các oan hồn liệt sĩ, vào năm 1968. Một năm sau (1969), BDD Liên Khuôn mãn nhiệm kỳ. Các bác Trần Quyên (CDD), Lê Nho và Hồ Minh Tánh (PDD) lên thay, nhận thấy nơi đây là vùng đất linh, rộng rãi có thể xây dựng một ngôi chùa để thờ Phật và quy tập tất cả các vong linh, oan hồn liệt sĩ vào Chùa để sớm hôm nghe kinh kệ mà

được siêu thoát cõi phàm trần, thay thế cho am thờ hiện tại. Được sự chứng minh của ĐĐ Thích Ngộ Nhẫn (trụ trì chùa Châu Phong), Ban Đại diện Liên Khuôn vận động đồng bào, Phật tử kẻ công người của cùng nhau xây dựng nên ngôi chùa gỗ ván đơn sơ đủ cho nơi thờ phượng và làm việc của BDD Phật giáo Liên Khuôn - Chùa được đặt tên là "Linh Sơn Tự". Từ đây người dân địa phương có tên gọi nôm na là "Am Tự Linh Sơn". BDD Liên Khuôn thỉnh ĐĐ. Thích Ngộ Nhẫn về trụ trì Linh Sơn Tự và từ năm 1969-1972 bác Nguyễn Khắc Lục làm CDD, Ban Đại diện Liên Khuôn cùng với các bác Trần Quyên, Đào Bát, Đào Giai trùng tu mở rộng chùa, số lượng Phật tử quy y tu học ngày một đông hơn. BDD Liên Khuôn xây dựng thêm một trường Tiểu học Tư thực Bồ Đề để dạy dỗ con em Phật tử và nhân dân trong xã. Thời gian sau ĐĐ. Thích Ngộ Nhẫn chuyển đi làm Phật sự nơi khác, Giáo hội bổ nhiệm ĐĐ. Thích Nhuận An về trụ trì Linh Sơn Tự.

Sau ngày nước nhà thống nhất, ĐĐ. Thích Nhuận An hoàn tục, từ đó đến nay chùa không có Tăng trú xứ. Từ 1972-1976 BDD Liên Khuôn do bác Phan Thự làm CDD, từ 1977-1980 bác Trần Viết làm CDD. Từ 1981-1989 bác Ngô Minh làm CDD. Năm 1990, BTS/PG Tỉnh chỉ đạo thành lập Ban Đại diện Huyện hội Phật giáo Cư M'gar. Bác Ngô Minh được tái đắc cử chức vụ CDD Huyện hội nhiệm kỳ 1990-1996. Văn phòng Huyện hội cũng đặt tại Linh

Sơn Tự, để trụ sở Huyện hội được khang trang, bề thế và có đủ phương tiện hoạt động. BDD Huyện hội xúc tiến việc trùng tu ngôi chánh điện và xây dựng một số công trình khác vào năm 1990 dưới sự chứng minh của cố HT. Thích Quang Huy Trưởng ban Trị sự PG Tỉnh. Do điều kiện tài chánh hạn chế nên việc xây dựng các công trình kéo dài gần 3 năm mới hoàn thành.

Ngôi chánh điện có 3 gian tường xây mái ngói rộng rãi, thoáng mát, tả hữu có lầu chuông trống. Gian giữa thờ tượng Bồ sư cao 2m, gian bên trái thờ Phật Dược sư đứng cao 3m, gian bên phải thờ Phật A Di Đà đứng cao 3m. Đại hùng bửu điện rất trang nghiêm. Sau chánh điện cách một hành lang rộng là Hậu tổ thờ Tổ Đạt Ma, hai bên bàn thờ hương linh nam nữ ký tự. Bên trái nhà Tổ là phòng khách, phòng làm việc của BDD Huyện hội, bên phải là phòng Tăng, nhà thọ trai và nhà trù.

Trước sân Chánh điện, từ cổng Tam quan nhìn vào, bên trái là tượng đài lộ thiên Bồ Tát Quan Thế Âm, sau tượng đài là sa bàn Đường Tam Tạng thỉnh kinh. Bên phải là tượng đài Phật Thích Ca tọa thiền trên mình rắn có 7 đầu, sau tượng đài là sa bàn vườn Lâm Tì Ni.

Về tu học, một đạo tràng Bát quan Trai tu tập mỗi tháng 2 kỳ vào 14 và 30, đồng thời cũng là ngày tụng giới của chúng Bồ Tát tại gia và Thập Thiện do quý Thầy ở chùa Tỉnh Hội về chứng minh và thuyết giảng. GDPT sinh hoạt thường xuyên vào chiều chủ nhật hàng tuần với

số lượng 200 em đoàn sinh và huynh trưởng. Ngoài ra, các ngày lễ hội Phật Đản, Vu Lan, Thành Đạo... Linh Sơn Tự là nơi thiết trí lễ đài chính để đồng bào Phật tử trong Huyện về chiêm bái và dự lễ.

Sau khi bác Ngô Minh CDD Huyện Hội qua đời, nhiệm kỳ 1997-2002 và 2002-2007 bác Nguyễn Đình Quang giữ chức vụ CDD Huyện Hội đã tiếp tục chỉnh trang cơ sở Linh Sơn Tự ngày thêm khang trang đẹp đẽ. Và dưới sự lãnh đạo của Huyện Hội, các cơ sở Phật giáo trong Huyện đã lần lượt trùng tu, xây dựng mới rất khang trang, kiên

cố như: Pháp Bảo, Hoa Nghiêm, Phổ Quang, Bửu Quang.v.v....

Linh Sơn Tự ngày nay đã xứng đáng với tầm vóc của một chùa Huyện Hội, là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng và văn hóa Phật giáo của đồng bào Phật tử trong huyện. Ban Đại diện Huyện Hội là chiếc cầu nối giữa Giáo hội và xã hội, đưa đạo vào đời nhằm góp phần xây dựng Huyện Cư M'gar ngày càng giàu đẹp, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống đạo đức Phật giáo trong cộng đồng xã hội.

(Viết theo tài liệu của Nguyễn Đình Quang, Nguyễn Đình Phúc và Châu Văn Việt, Huyện Hội Cư M'gar)



Chánh điện - Ảnh: Tư liệu

Linh Sơn Tự - Ảnh: Tư liệu





Bạn lo âu ư? Bạn khổ đau ư? Bài viết này gợi đến cho những ai lo âu quá đáng. Lo âu và khổ đau là một cặp song sinh tội lỗi sánh vai nhau. Chúng cùng hiện hữu trong thế gian này. Nếu bạn cảm thấy lo âu, bạn khổ sở! Nếu bạn khổ sở, bạn lo âu. Chúng ta phải đối mặt với sự thật này. Mặc dù chúng ta không thể trốn chạy khỏi chúng, chúng ta không thể để cặp song sinh tội lỗi này chế ngự chúng ta, Chúng ta phải chế

ngự chúng! Chúng ta có thể làm được điều này bằng sự nỗ lực của chính chúng ta, được hướng dẫn đúng cách với lòng quyết tâm và sự nhẫn nại. Với sự hiểu biết thấu đáo và áp dụng thích hợp trí thông minh, chúng ta có thể điều phục cảm xúc và loại bỏ nỗi lo âu và sự khổ sở.

Sự lo âu của chúng ta là tự chúng ta tạo nên. Chúng ta tạo chúng trong tâm do sự bất lực hay thất bại không thấu triệt mối nguy hiểm của cảm giác ích kỷ

và những giá trị lầm lẫn tăng bốc mà chính chúng ta gắn vào mọi việc. Giá mà chúng ta có thể quan sát sự vật theo hiện trạng của chúng, trong cái không hiện hữu chơn thật trong thế gian này và cái ngã ích kỷ của ta là lòng tưởng tượng cuồng dại làm khuấy động tâm trí chưa được đào luyện của chúng ta. Chúng ta trải qua một quá trình dài để tìm ra một phương thuốc để loại bỏ lo âu và khổ đau. Chúng ta phải đào luyện tâm trí và con

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KHẮC PHỤC NHỮNG KHÓ KHĂN

Ảnh: Tư liệu



● HÒA THƯỢNG TIẾN SĨ
K.SRI DHAMMANANDA

tim để quên đi cái ngã để phục vụ nhân loại. Đó là một phương pháp mà ta có thể tìm được niềm hạnh phúc và hòa bình thực sự.

Nhiều người nóng lòng mong mỗi khát khao, nỗi sợ hãi và lo âu mà không biết chế ngự để chúng thăng hoa và hỗ thẹn không dám thừa nhận chúng ngay cả với chính mình. Những cảm xúc không lành mạnh này

có một sức mạnh. Cho dù chúng ta cố công gạt bỏ chúng bằng cách nào đi nữa, chúng ta tìm cách thoát khỏi chúng bằng cách tác động bộ máy cơ thể dẫn đến căn bệnh kinh niên. Tất cả mọi điều này có thể đẩy lùi bằng những phương pháp hợp lý của pháp môn thiền quán hay tu tập tinh thần, vì tâm không được huấn luyện là tác nhân chính của mọi sự lo âu như thế.

Bất cứ khi nào bạn lo âu trong tâm, bạn đừng đưa bộ mặt cau có của mình cho những người bạn gặp. Bạn chỉ nên thổ lộ nỗi lo âu của mình đến với những ai mà có thực tâm muốn giúp đỡ bạn. Dễ thương làm sao bạn vẫn duy trì được vẻ mặt như hoa dù bạn đang phải đối đầu với sự khó khăn. Không khó khăn lắm nếu bạn muốn như thế, hãy thử xem! Nhiều bạn vị thành niên lo lắng quá mức khi bị tình phụ,



☞ khi người yêu nói lời chia tay. Họ nuôi ý muốn tự tử, vì mộng đẹp đã vỡ và thất vọng. Một số phải đưa vào điều trị ở trí dưỡng viện. Nhiều thanh niên với trái tim tan nát như thế sống một cuộc đời khổ sở. Tất cả những biến cố bất hạnh xảy ra do sự thiếu hiểu biết về bản chất thực sự của cuộc sống. Dù cách này hay cách khác, sự ra đi hay chia ly không thể tránh được. Điều này có thể xảy ra ngay lúc bắt đầu của cuộc đời này, đôi khi ở giữa, đôi khi ở cuối cuộc đời, đó là một sự thật không thể tránh được. Khi những sự việc này xảy ra ta phải tìm nguyên nhân xuất phát từ đâu. Tuy nhiên nếu sự chia ly vượt lên sự kiểm soát của ta, ta cần phải can đảm chịu đựng bằng cách nhận diện rõ bản chất thực sự của cuộc đời. Nhưng mặt khác, nó không khó khăn lắm đâu cho bạn tìm lại cho mình người bạn mới để lấp đi tình trạng trống vắng nếu bạn muốn thế.

“Dù sợ hãi sinh ra bất cứ ở đâu, thì nó cũng chỉ phát sinh nơi người khờ dại, không có phát sinh ở người khôn ngoan”. Đức Phật dạy như thế, sự sợ hãi chỉ là một trạng thái ở tâm. Trạng thái của tâm cần được kiểm soát và hướng dẫn. Cách suy nghĩ tiêu cực chỉ tạo ra sợ hãi, cách suy nghĩ tích cực đem lại niềm hy vọng và lý tưởng, trong trường hợp này, sự lựa chọn tùy thuộc vào bạn. Mỗi một chúng sinh đều có khả năng kiểm soát tâm trí mình. Tạo hóa đã cho ta quyền kiểm soát tuyệt đối ngoại trừ một điều, đó là tư tưởng. Sự việc này, đi đôi với một việc nữa là tất cả mọi thứ tạo ra đều bắt

nguồn từ tư tưởng, dẫn ta đến gần nhất nguyên lý trấn áp được sự sợ hãi.

Nhà phẫu thuật người Anh nổi tiếng đã có lần được một sinh viên trẻ hỏi về cách thức nào hữu hiệu nhất để chữa trị bệnh sợ hãi, đã trả lời như sau: *“Hãy cố gắng làm một việc gì cho một người nào đó”*. Sinh viên này hết sức ngạc nhiên về câu trả lời của vị thầy mình và yêu cầu giảng dạy thêm về vấn đề này, vị giáo sư này đã giải thích: *“Bạn không có hai tư tưởng đối nghịch nhau cùng một lúc trong đầu”*. Tư tưởng này đến sẽ loại bỏ tư tưởng kia. Chẳng hạn, tâm trí của bạn nếu hoàn toàn bận rộn với niềm mong ước không lo âu ích giúp đỡ một người nào đó, bạn không

thể chứa chấp sự sợ hãi trong cùng lúc đó.

“Sự lo âu làm bạn khô máu nhanh hơn ở tuổi già”. Sự sợ hãi, lo âu và phiền muộn trong sự tiết chế là bản năng bảo vệ tự nhiên. Ngược lại, sự sợ hãi và nỗi lo âu triền miên là kẻ thù tàn nhẫn nhất của cơ thể ta. Chúng làm trở ngại cho sự hoạt động bình thường của chức năng cơ thể. Nếu bạn đã học cách thức làm vừa lòng người khác, bao giờ bạn cũng sống trong tâm trạng hân hoan. Đó là vì bạn đã không để lo âu nhiễm vào tâm bạn.



NGUYỄN VŨ

(Trích dịch từ How to overcome your difficulties)

TUONG NIEM

Phật Đản

*Nghe xa xăm tiếng vọng về cổ tích
Giữa vô cùng trầm mặc nét hoang sơ
Dáng Uy nghi trên quý tự bao giờ
Vấn dấu ngọc trung trình tình muôn thuở*

*Từ sâu thẳm vùng tâm linh rộng mở
Nói tin về nghênh thiết hội Đàm hoa
Trải hương sắc lên da thịt hiền hòa
Gieo âm hưởng thức giấc đời mê ngủ
Còn phía trước lời chắt chiu để đủ
Bước lữ hành muôn nẻo hướng về tâm
Nắng sớm mai hong cọng cỏ nức mầm
Chuyển nhựa mới vườn vai hòa hơi thở
Câu kinh cũ tâm giao hồi chuông đổ
Thiết tha lòng ấp ủ trọn niềm tin
Trăng thảng tư rằm tỏ suốt như in
Mầu nhiệm ánh hóa vàng trời an lạc
Vũ trụ càn khôn giao hòa trời nhạc
Bình minh xanh kết chuỗi sắc lung linh
Kỷ diệu thay - một Đấng anh minh
Vĩ cửu khổ sinh linh mà thị hiện...*

NHÃ NHƯ MỸ



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548



Tâm không

Muôn ngàn kinh một chữ Tâm
Từ thiên thu nọ sáng rằm trăng thơ
Tan bao u tối mịt mờ
Ngồi soi mặt mũi ban sơ giữa lòng

Muôn ngàn kinh một chữ không
Không tham chấp nhiễm nên bông tênh chơi
Như mây nước lượn reo cười
Tiêu dao du khắp mọi nơi chốn này

Âm thầm chuyển một hướng say
Chuyển tam thế mộng sang ngày an nhiên
Tâm không thì có chi phiền
Vĩ luôn tùy thuận cùng thiên hạ hòa

TÂM NHIÊN

Thiết tha hương tử

Thở ra rồi lại hít vào
Tình khô ngày mới xin chào tôi ơi!
Trang nghiêm thanh tịnh bóng Ngài
Dưới đài sen nở ngát ngày Đản sanh
Con mơ Phật hiện an lành
Xua tan trong cõi vô minh gian trần
Bước Ngài muôn thuở sắc không
Mà tình thấm đẫm mệnh mông đất trời
Tháng tư rằm lại lên ngôi
Mưa hoa thêm sắc giữa đời hoan ca
Kính mừng Đức Phật Thích Ca
Chắp tay chiêm ngưỡng thiết tha hương từ...

BS. NGUYỄN THỊ THANH

Bon chen kiếp người lợi danh chấp ngã
Phong ba biển đời vô thường trầm kha
Tình thức quay về bến bờ giải thoát
Đi qua đi qua triền phược ta bà...

Nghe tiếng chuông ngân mở tầm mắt tuệ
Nương thuyền bát nhã thấp được tâm linh!
Hít vào thở ra thoảng hương đạo vị
Kiến tánh chân như an lạc thành thời

Quán tưởng Ưu đàm nở hoa thanh khiết
Thấm nhuần pháp vị mở cánh cửa không
Tri Kiến Bụt tâm chơn thường thấu lẽ
Nguyên cầu Tam bảo gia hộ viên dung.

Tâm Trục - TRẦN QUANG TRUNG

Bên am mây tia

Kính tặng sư Minh Đức Triều Tâm Ảnh
Sỏi vàng in dấu chân
Người trải mòn năm tháng
Mỗi lần lên Huyền không
Thấm nặng tình mưa nắng

Trước Thiền đường yên lặng
Sư chấp bút đề thơ
Con Cường bay quanh nhà
"Sư có khách!"

Hương lan vồn song lách
Xông ngát khách du nhân
Áo chưa lần hoại sắc
Hương Thiền bay lần sang...

Huế, Xuân Giáp Thân
DZA LỬ KIỀU

Bình yên

Chút bình yên cho nhau
Nhè nhẹ hai mái đầu
Tiếng chim vườn trong treo
Chiều nghe ra... rất sâu

ĐÀM LAN



Mùa thơm

Niềm vui chẳng cần ai nhắc
Cũng theo năm tháng tìm về
Hạ ơi - mùa sen Tịnh nở

Chuông chùa thánh thót phương quê
Ngây rằm làn mây nghiêng xuống
Mặt trời nhân ái tình thương
Báo tin Phật vừa giáng thế
Con thuyền bát nhã thanh lương

Thăm ru bằng ngôn ngữ Đạo
Qua nguồn suối mát tâm linh
Hạt mầm mùa thơm nứt vỡ
với cả tâm hồn... xưa nay

NGÀN THƯƠNG

Mơ trắng

Gởi ngàn thương

Am chiều
Chú tiểu... mơ trắng
Gió lay mặc gió
Kệ lòng thu sao
Biển kinh tụng giờ kiếp nào
Bồng về lãng dăng chiêm bao
Lời vàng
Hiên ngoài
Nở biếc chồi lan
Tĩnh giác
Trắng đã chảy tràn am mây

TRẦN TỊNH YÊN

Lễ Phật

Một nén hương thơm, một tác lòng
Ba ngàn thế giới thấy đều xong
Cúi đầu đánh lễ tam thân Phật
Năng sở không còn, vạn pháp không.

THÍCH THIỆN TÀI

Niềm vui

Em cứ thả nỗi buồn vào quên lãng
Lòng mênh mông nghĩ đến hướng ngày mai
Chuyện hôm nay sẽ trở thành dĩ vãng
Dấu mặt trời vẫn mọc phía tương lai.

Em cứ lớn như chồi non lộc biếc
Để mai này vội trở lá đơm hoa
Miền quá khứ đừng ôm hoài nuối tiếc
Vì cuối ngày nhuộm tím bởi hoàng hôn...

Em cứ giữ vùng bình yên ngọt mật
Chỉ còn lại ân nghĩa chẳng hề vơi
Bao thứ khác như sương khói trùng khơi
Dù không tin vẫn trống trải một lần...

Em cứ vui giữa khung trời vạn hạnh
Trang vở mới được ghi nhiều ao ước
Hãy bắt nguồn tin yêu về phía trước
Để chở đầy những dấu ấn niềm vui...

HUỲNH NGỌC THÀNH

Tìm em

Từ rừng thườn nay anh về biển nhớ
Tìm gặp em người con gái chốn này
Tang tăng hoa bướm thời thơ mộng
Áo Lam hiền như thấp thoáng đầu dây...
Hàng dừa xanh soi bóng dòng trong trẻo
Tóc em bay ngày tháng cũ ngoan lành
Cội Bồ Đề giữa sân chùa ngày ấy
Bao "thăng trầm thế sự" vẫn còn xanh...
Lên Thiên Ấn thăm ngôi Chùa trên núi.
Thấp cùng em một nén "hương tâm"
Xuống Trà Khúc ta ngồi bên cát trắng
Nơi bến mơ em tắm buổi trắng rằm.
Phố núi cao lòng anh luôn thăm nhớ
Biển khơi xa thôi thúc bước anh về
Để được chèo thuyền trên sông Trà nhật vớt
Chút nhân tình tặng em gái cùng quê...

HUY BÌNH

Vân Xanh

Rách - lành đùm bọc lẫn nhau
Nỗi đau ôm lấy nỗi đau mà cười
Trải qua dâu bể cuộc đời
Lá cây ngọn cỏ chân trời vẫn xanh

LÊ BÁ DUY



Ảnh: Chúc Hảo

Đón mừng Phật Đản

VÀ PHÚT HOÀI NIỆM VỀ CUỘC ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT

Nói rằng Phật Đản là ngày vui lớn, vì sự xuất hiện của Ngài giữa cuộc đời trảm thống khổ đau, con người có thêm Tình thương Trí sáng, một khả năng sung mãn và một nghị lực phi thường. Vui lớn, vì sự xuất hiện của Ngài giữa cõi Ta Bà đau khổ, chỉ vì một Đại sự Nhân Duyên là khai mở một Con đường sáng, đó là Con đường Phật Đạo để cứu khổ chúng sanh. Và Vui lớn hơn nữa, vì Ngài, Thái tử Tất Đạt Đa đích thực là một con người của lịch sử có thật như mọi người trên trần thế, chứ không phải là một nhân vật hư cấu, huyền thoại,

● CHƠN HƯƠNG

Một lần nữa ngày Khánh Đản lại trở về trong nỗi hân hoan, niềm thành kính vô biên và sự biết ơn vô hạn của hàng trăm triệu Phật giáo đồ khắp nơi trên thế giới. Phật Đản còn là Ngày Trọng Đại, Ngày Vui lớn cho cả nhân loại, chúng sanh.

huyền hoặc viễn vông. Càng không phải là một thiên sứ, hay một ân sủng nào của thần linh, Thượng Đế để xuống trần cả.

Khởi kỳ thủy, Ngài là một Con người nhờ nỗ lực tối đa, vì tình thương chúng sanh quá thâm trọng mà quyết hy sinh tất cả. Công viên quả mãn nhờ tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn mà Ngài đã thành Phật. Bất cứ ai trong cuộc đời nếu đi đúng con đường Ngài đã đi, làm đúng như việc Ngài đã làm thì cũng đạt được thành quả mà Ngài đã đạt.

Cho nên, nói rằng Phật Đản là Ngày Vui lớn và cũng là một sự kiện hy hữu vô tiền khoáng hậu, có một không hai trong lịch sử của nhân loại, là chỉ muốn nhấn mạnh rằng, Con Người đã thành Phật và Chúng Sanh là Phật sẽ



thành. Không ai độc quyền nắm giữ chân lý và ban phát Chân lý. Vì vậy, Phật là một danh từ chung chỉ cho Con Người đã Tỉnh Thức, Người Giác Ngộ, thấy biết rõ ràng như thật của mọi sự vật và nguyên lý vận hành của vũ trụ nhân sinh.

Nhưng để đạt đến quả vị Phật, cái cần và phải có, đó là phải tự chiến thắng mình, chiến thắng vô minh, dục vọng và khát ái.

Vì: ***“Chiến thắng ngàn vạn quân địch ngoài chiến trường không bằng tự chiến thắng mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất”***.

Chúng ta dễ nhận ra một điều đó là, từ xưa đến nay, chưa có một tôn giáo nào, một vị giáo chủ lập giáo mà đề cao giá trị con người đến tuyệt đối, đặt ngang hàng với vị giáo chủ như Đức Phật. Nội một sự kiện ấy thôi cũng đủ thấy rằng quả thật, Phật Đản Sanh là niềm hoan lạc vô biên. Ngày Vui lớn bất diệt. Vì đã chủ trương tinh thần Nhân Bản, Nhân Chủ, Bình Đẳng tuyệt đối của Con Người, cũng như tinh thần Vị tha, Khoan dung trong Phật giáo từ ngày nhân loại có Ngày Phật Đản.

Thế thì, đã là con người, dù là Phật tử hay không phải là Phật tử chẳng đi nữa, thì không ai mà không được thừa hưởng, dù nhiều hay ít, dù trực tiếp hay gián tiếp, cái ánh sáng trong lành thuần khiết, cái sức sống nhiệm mầu, cái ảnh hưởng lớn lao của Ngày Phật Đản.

Biết ơn Đức Từ Phụ là điều tất yếu, đó cũng là lý do mà từ xưa cho đến tận ngày nay, con người đã tốn biết bao nhiêu giấy mực, bao đầu óc thông thái của nhân

loại đã hướng về, đã xưng tán ngợi ca công hạnh giáo hóa độ sanh của Đức Phật.

Nhưng làm sao, dù tài trí đến đâu, thì cũng chẳng dùng giấy mực nào hay ngôn từ nào để có thể diễn bày, ca ngợi được cái công lao kỳ vĩ, siêu tuyệt và cái giáo lý thâm thâm vi diệu, vô cùng hiện thực sống động, vô cùng hữu ích cho nhân loại chúng sanh mà Ngài đã ươm mầm, đã thâm nhập vào mạch sống của nhân loại gần ba ngàn năm qua, đã vượt qua mọi không gian và thời gian.

Chúng ta chỉ có thể tóm tắt một lời, dù chỉ một lời ngắn gọn mà thôi, đó là: ***“Cuộc đời của Đức Phật và sự nghiệp mà Ngài đã để lại cho đời là cả một gia tài vĩ đại, một kho báu tiềm tàng sung mãn và bất tận mà không thể tìm được ở đâu khác, ngoài kho báu của Chánh Pháp Phật giáo vậy. Nếu mỗi người, mỗi đoàn thể tổ chức, mỗi xứ sở hay quốc gia nào khéo léo dùng trí tuệ để tìm tòi, để khai thác thì chắc chắn sẽ bắt gặp được những viên ngọc quý như ý”***.

Một trong những vị lãnh tụ thế giới tìm được viên ngọc quý ấy, đó là vị Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ, cũng nguyên là cựu Chủ tịch Hòa bình thế giới, ông Nehru đã phát biểu:

“Nhân loại ngày nay phải chọn con một trong hai con đường: Một là nguyên tử và khinh khí cầu là con đường của diệt vong, một nữa là Lòng Từ Bi của Đức Phật là Con đường sống còn!”.

Quả thực bức tranh ảm đạm của thế giới hôm nay càng chứng

thực cho sự thảm định đó. Thế giới không thể có hòa bình, nhân loại không thể an lạc hạnh phúc, khi vô minh còn ngự trị, khi người ta còn nhân danh tôn giáo, nhân danh giáo chủ mình để tiến hành bạo động, tiến hành những vụ khủng bố bằng bạo lực, bằng những thủ đoạn đê hèn để giết cho được nhiều người. Càng không thể tìm hòa bình hay hạnh phúc trong khoa học kỹ thuật hay công nghệ thông tin, dù chúng có tiến bộ tới tận đến cỡ nào.

Hòa bình và hạnh phúc chỉ có thể tìm được trong sự đối thoại bằng trí tuệ và tình thương, bằng tinh thần khoan dung, đức tính vị tha vô ngã. Tất cả những phương pháp để cứu khổ nhân loại chúng sanh, tất cả những liệu pháp bình an cho thế giới, hạnh phúc cho loài người để có thể tìm trong gia tài Phật giáo, chúng được khởi đầu từ ngày Phật Đản Sanh và thành tựu mỹ mãn sau ngày Phật Thành Đạo.

Vậy thì, lối thoát đích thực và hiệu quả cho một nền hòa bình trường cửu không có đầu rơi máu đổ, cho nhân loại sống trong yêu thương và tha thứ, con người chỉ có thể trở về khai thác và áp dụng lời Phật dạy. Áp dụng Chánh Pháp Phật giáo là vì muốn cứu nhân loại ra khỏi cái thế giới đang bị ngự bằng tham lam, sân hận và si mê, bằng hận thù và cố chấp, bằng sự cuồng tín, giáo điều và bảo thủ, bằng sự khủng bố bạo hành vì điên cuồng, vì khủng hoảng niềm tin, chứ không phải áp dụng Chánh Pháp để làm cho Phật giáo thêm thế lực, thêm tin đồ cho đông. Thế lực của Phật giáo nếu có, là ở



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

nơi trí tuệ sáng suốt, nơi tình thương bao la, tín đồ Phật giáo là nơi những tâm hồn dần thân để phụng sự cho số đông trên tinh thần lợi tha, vô ngã, khoan dung và tha thứ.

Trở về với hiện thực, trong không khí thơm lành của Ngày Phật Đản, người con Phật không kể là Tăng hay tục, tại gia hay xuất gia, chúng ta đã học được gì, rút ra được những gì quý báu xuyên suốt qua cuộc đời của Đức Từ Phụ, một bậc Thầy cao cả?

Là Phật tử, ai mà không thấy, không hiểu cái gương sáng nơi cuộc đời của Đức Phật. Ngày Đản Sanh dưới cây Vô Ưu trong vườn hoa Lâm Tì Ni, Thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, chuyển vận bánh xe Chánh Pháp để cứu khổ độ sanh cũng trong Vườn Nai và rừng rã suốt trong 49 năm. Sau khi đã để lại cho đời một sự nghiệp vĩ đại chưa từng có, trước phút vào Đại Niết Bàn, Ngài cũng chỉ nằm trên chiếc võng đơn sơ dưới hai cây Sa La song thọ. Rõ ràng, đời Ngài từ khi Đản sanh đến khi nhập diệt đều giữa thanh thiên bạch nhật, giữa hoa lá cây cỏ mà thiên nhiên đã ban tặng. Trong lúc ấy, gia phong của Ngài, nội cũng như ngoại nhiều đời là vua chúa. Ngài lại sống trong cung vàng điện ngọc, lầu son gác tía, cung phi mỹ nữ ngày đêm hầu hạ, ăn uống toàn là trân châu mỹ vị, Ngài lại chủ trương con đường Trung Đạo, tam thường bất tức, khiêm hạ mà thánh hóa. Và phải chăng, càng tự vây quanh mình trong nhung lụa êm ấm, trong cung điện nguy nga, trong thành cao cổng kín, thì lại càng làm tắc nghẽn sự cảm thông giữa người với người, giữa muôn người với trời đất, càng

đánh mất ý niệm thi thiết và minh mẫn của khổ đau, thì càng xa rời quần chúng, chia cách mạch nguồn cảm thông với nhân loại chúng sanh.

Thì ra, cuộc đời của Đức Phật là một cuộc đời ngược dòng của thế gian thường tình, không chịu buông thả theo thế tục tầm thường như rong rêu bấp bênh bị đẩy ra biển cả. Đời Ngài như một bản anh hùng ca Tự lực, Nỗ lực và Hướng nội, là một sự chuyển hóa không cùng và không ngừng từ xấu đến tốt, từ một vị Thái tử, là kẻ vương giả, chuyển hóa thành một Sa môn cao cả, từ một kẻ giàu sang nhất, chuyển hóa thành một người nghèo nhất, từ một chúng sanh chuyển hóa thành một kẻ tu hành rồi đạt đến một vị Phật, là có tất cả. Đúng như lời Phật dạy: **“Bỏ tất cả để được tất cả”**. Được trí tuệ siêu phàm, được một tình thương bao la hơn biển cả và một ý chí nghị lực phi thường trong sự nghiệp độ sanh lớn lao mà thanh khiết hơn cả.

Nơi gương sáng của Đức Phật, để báo ân đức Phật, để xứng đáng là người Phật tử (Tu sĩ lẫn Cư sĩ), được thừa hưởng cả một gia tài tinh thần giàu có nhất và vĩ đại nhất do Đức Phật đã để lại, chúng ta không thể phản bội lại hoài bão xuất thế của Ngài, phản lại lý tưởng của mỗi người tự mang danh mình là Phật tử. Đức Phật chủ trương bỏ tất cả để được tất cả thì chúng ta không thể tham lam, vợ vệt tất cả, rồi thì cũng sẽ mất tất cả.

Người Phật tử tại gia (cư sĩ), ngoài trách nhiệm **Phật hóa gia đình** mình, còn có bốn phận với xóm làng, với quốc gia xã hội. Không thể đồng hóa với vô minh

dục vọng, càng không thể làm bạn đồng hành với kẻ ỷ thế cậy quyền, không đồng minh với tham nhũng hối lộ, vợ vệt của cải, của công, của nhân dân để tự lợi riêng cho mình. Không để vì hám lợi ham danh mà tâm trí tầm tối. Phải thiệnhóa, mỹ hóa, làm cho xã hội công bằng hơn, nhân dân no ấm và đất nước phồn vinh hơn.

Người xuất gia (Tu sĩ) phải xem cuộc đời khổ đau là sứ mệnh của mình, không thể bùng mất bịt tai để sống trong tháp ngà của hưởng thụ, của sự ấm no, sung mãn. Nhất là đừng biến cuộc đời Tu sĩ vốn không có gì cả thành kẻ Trưởng giả, có tất cả. Những kẻ hèn nhất, nhu nhược, yếu đuối, lợi danh, lợi dưỡng không xứng đáng được gọi là Tăng sĩ Phật giáo. Người xuất gia làm Tăng sĩ, phải là những bậc đại tượng phu.

Hình bóng của người Tăng sĩ Phật giáo đích thực phải là hình bóng của một Bồ Tát Long Thọ, một Huyền Trang, một Vạn Hạnh, cận đại như một Bồ Tát Quảng Đức, đời sống thì đạm bạc gian khổ, ý chí nghị lực độ sanh thì vững chắc như kim cương, đức độ thì cao dày mà khiêm cung, nhẫn nhục, hạnh nguyện thì rộng sâu như biển cả.

Thiết nghĩ, một khi đã thẩm định và suy xét thấu đáo như vậy thì lo gì không làm **Tốt Đạo Đẹp đời**, lo gì dân tộc không hùng mạnh, nhân loại không an hòa hạnh phúc và Đạo Pháp không trường tồn.

Đó cũng là cách cúng dường có ý nghĩa nhất nhân dịp mừng Đản Sanh của Đức Từ Phụ mỗi năm ■

Kỷ niệm mùa Phật Đản PL.2548 (5-2004)



Cứ mỗi lần Phật Đản về, tôi lại nhớ về Sư Chú Diệu Huệ với tấm lòng kính mến vô hạn. Cuộc đời Sư Chú bình dị đơn sơ, sống không phô danh, mất không lưu dấu. Với đạo bạn con cháu, Sư Chú rất thủy chung thật lòng.

Sư Chú có một kho tàng hài hước tiểu lâm rất phong phú. Cái khéo ở Sư Chú là làm người nghe rất bất ngờ, như khi đang nói chuyện gì đó, Sư Chú lồng chuyện hài hước vào lúc nào không ai biết trước, khi phát hiện ra mới hay Sư Chú chọc quê mình, hoặc mượn chuyện vui để nhắc nhở ta vấn đề gì đó. Sư Chú cũng thường hay kể lại cuộc đời tu hành của mình, rồi gạn lọc từng chi tiết, từng nội dung, phân tích rõ ràng sâu sắc cho người nghe, bao gồm cả chuyện nên lẫn chuyện hư. Sư Chú nhắc nhở người nghe đừng nên phân biệt, mà nên học hỏi tất cả. Có nghe có hiểu cái hư mới sửa đổi cho tốt đẹp hơn, chứ chỉ biết nghe cái tốt thì biết đâu mà sửa sai.

Tôi nhớ, cũng nhân ngày Phật Đản, Sư Chú ghé chùa thăm, thầy trò nói chuyện tới nửa đêm mới ngủ. Sáng ra tôi pha trà, dọn điểm tâm mời Sư Chú, sau khi dùng xong, Sư Chú kêu tôi đứng bên cạnh để Sư Chú cho quà. Tôi chăm chú nín thở, chờ đợi món quà mà tôi không ngờ trước. Cái thời buổi thiếu thốn khó khăn mọi bề, ai cho thứ gì mừng thứ đó, nhất là ở cái tuổi còn ưa thích đủ thứ, thì nghe có quà là mừng no cả bụng tràn cả mắt. Sư Chú chậm rãi mở chiếc cặp da đã đứt chỉ bạc màu, lấy ra tờ giấy màu vàng



Lễ đài Phật đản Chùa Liên Trì
Ảnh: Nam Phương

● LÃNG GIÀ TÂM

có hai hàng chữ Nho viết sẵn. Thì ra Sư Chú sợ lên đây không có bút lông mực tàu, nên đã cẩn thận viết trước hai câu đối để tặng tôi. Thế hệ cha chú chúng ta, cái Ngài cẩn thận lắm, lo trước mọi chuyện nên bao giờ cũng chủ động trong mọi tình huống. Còn chúng ta thì ăn không no, lo không kịp, nên hữu sự thì lúng ta lúng túng, chạy

ngược chạy xuôi như con rối.

Sau khi trải tờ giấy ngay thẳng trên mặt bàn, Sư Chú chỉ hai câu chữ Hán, ra dấu bảo tôi đến gần để nghe Sư Chú giải nghĩa. Trời ơi! Tôi tưởng món quà của Sư Chú chắc ngon lắm, đẹp lắm, đắt tiền lắm, chứ ai lại có mấy câu chữ Nho rậm ri rậm rít, chả biết mô tê gì cả. Tôi không dám nói ra nhưng thất vọng ê chề, miệng gượng cười mà lòng tê tái. Sư Chú nào có



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

thấy sự thất vọng của tôi, tăng hăng vài tiếng rồi cất giọng đọc lớn:

Đọc bình thư cụ chiến, đọc luật thư cụ hình, đọc Phật thư chiến hình vô cụ.

Sau khi đọc hết câu, Sư Chú hỏi tôi có hiểu gì không. Tôi gật đầu, nháy nháy đôi mắt, rồi lặng im... Sư Chú bảo tôi hiểu gì nói cho Sư Chú nghe, tôi bập bẹ: ... dạ... dạ... câu này có nghĩa là: đọc trộm thơ của mấy chú bộ đội là bị đánh đòn, đọc trộm thơ của mấy ông luật sư thì bị phạt, còn đọc trộm thơ của Phật thì an toàn, không sợ gì cả. Tôi vừa nói tới đó Sư Chú ký tôi hai cái trên đầu đau quá cỡ, rồi Sư Chú cười ha hả: cái thằng này phia hay thiệt, nhưng đừng lấy đó làm đúng mà bị đòn đấy.

Tiếp theo Sư Chú đọc câu còn lại:

Canh Thang điền ưu thủy, canh Vô điền ưu hạn, canh Tâm điền thủy hạn hà ưu.

Đến câu này tôi tịt ngòi luôn, không nói được lời nào, dù chỉ là lời phia. Sư Chú chậm rãi đọc từng chữ, từng câu, cắt nghĩa rõ ràng, lý giải nội dung của mỗi câu, rồi bảo tôi dán lên vách, trước mặt bàn nước để chiêm nghiệm và học cho thuộc. Sư Chú còn nói thêm rằng đây là món quà Phật Đản, riêng tặng để khai tâm tôi. Niềm say mê thích thú dâng ngập cõi lòng, tôi chăm chú nghe từng lời của Sư Chú nói. Hai câu đối như những tiếng chuông cảnh tỉnh, luôn gọi tôi trở về với chính mình, với tình yêu thương vô bờ, với sự tĩnh thức sâu xa. Con người có quá nhiều tham giận si mê, tranh giành hơn thua.

Cuộc sống còn lắm đau khổ bất an, thì lời dạy của đức Phật mãi mãi còn có giá trị đem lại an lạc cho mọi người.

Câu thứ nhất có ý nghĩa: Nếu ta đọc bình thư, tức sách báo nói về mưu lược chiến thuật, cách bài binh bố trận sao cho thật hoàn hảo để đánh bại kẻ khác, giành nhiều phần thắng về mình, phơi bày cảnh đầu rơi máu đổ, chúng ta sẽ giạt mình lo sợ hậu quả của chiến tranh. Nếu ta đọc luật thư, tức sách báo nói về luật lệ, quy định về phạm pháp, manh động sai trái của con người, chúng ta đâm ra sợ bị phạt vạ, sợ bị tù đầy khốn khổ. Chỉ có người nào biết đón nhận lời Phật dạy, áp dụng chánh pháp trong cuộc sống, thì hoàn toàn được an lạc hạnh phúc.

Câu thứ hai sâu sắc giá trị biết chừng nào: Nếu ta canh tác đất đai ruộng vườn của người khác, cho dù là của vua Thang, vua Võ, nếu không gặp ngập úng thì cũng bị hạn hán, mất mùa, đói khát là chuyện không thể tránh. Ngược lại, nếu chúng ta không rong ruổi, không tha hóa, không cày thuê cuốc mướn trên đất đai của người khác, mà biết trở về canh tác chăm sóc trên chính mảnh đất tâm của mình thì hoa trái tâm linh nhất định được sum sê no đủ, khỏi sợ bị nắng mưa chi phối.

“Sư Chú kính mến, con cảm ơn Sư Chú, cảm ơn tấm lòng ưu

ái của Sư Chú đã dành cho con. Cứ mỗi lần ngồi lại bên bàn nước, đọc những câu đối mà Sư Chú đã tặng để khai tâm cho con, con vô cùng cảm động. Sư Chú đã hiểu con sẽ thế nào ngay những khi con còn bé nhỏ. Bây giờ Sư Chú đã dạo chơi tận Non Bồng Nước Nhục nào đó, và con cũng đã bạc đầu theo năm tháng, nhưng món quà khai tâm của Sư Chú năm nào, con vẫn giữ mãi trong lòng. Màu giấy dầu có phai mờ, nhưng nét chữ vẫn in đậm trong con như dấu ấn của sự trưởng thành nội tâm.

- Lý thuyết con người, sách vở thế gian thường đưa ta đến tranh chấp, bạo loạn, lo sợ đủ điều, trong khi lời Phật dạy chỉ có yêu thương hòa bình an lạc.

- Mặt khác, tài sản của cải thế gian dù có chăm lo gìn giữ cách nào thì cũng sẽ bị tiêu tan hủy hoại ở một lúc nào đó. Ngược lại nếu người nào biết trở về với chính mình, biết khai thác và gìn giữ kho tàng vô giá trong ta, thì người đó sẽ được giàu có và không sợ bị mất mát.

Hay quá Sư Chú ơi! Con xin phép Sư Chú cho con được ban phát món quà khai tâm này đến mọi người con Phật tín thành nhân mùa Phật Đản thiêng liêng năm nay. Con cũng xin nguyện sẽ cố gắng tiến bộ hơn để xứng đáng với tấm lòng cũng như món quà cao quý mà Sư Chú đã tặng cho con”. ■

Kính lời vàng

Lấy tâm buộc tâm, lấy tâm trụ tâm, tâm chuyên một cảnh, thứ lớp không hở thì được định tâm. Tâm thường yên lặng.

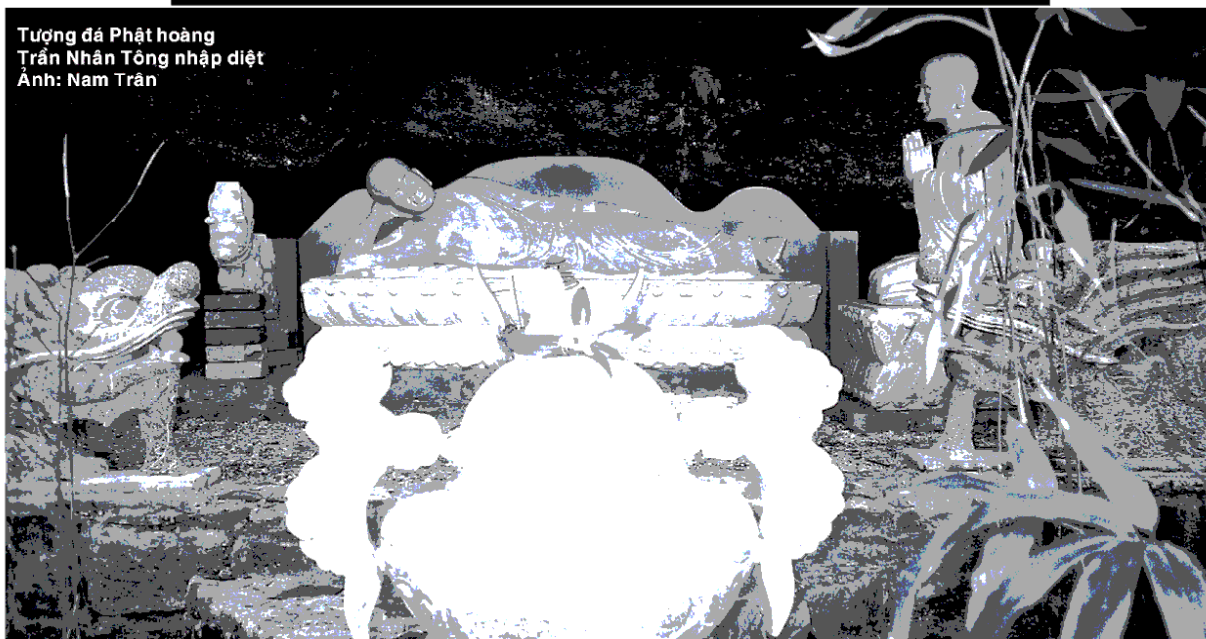
KINH BẢO VÂN



Tìm hiểu nghĩa lý

SINH & TỬ

Tượng đá Phật hoàng
Trần Nhân Tông nhập diệt
Ảnh: Nam Trân



Sự sinh và tử là nguyên lý tự nhiên của vũ trụ (thành, trụ, hoại, không) trong đó có con người (sinh, lão, bệnh, tử). Sinh và tử có những luận lý quan điểm về phương diện vật lý và tâm lý (duy linh). Về phương diện vật lý thì ngày nay đã tách rõ được các cơ cấu chức năng của từng bộ phận hình thành, phát triển và lão hóa của cơ thể con người. Nhưng về phương diện tinh thần thì hầu như mọi người đều nghĩ con người phải “*linh diệu*” nên có một tiến trình tiến hóa xuyên suốt trước khi sinh và sau khi tử, dù rằng những luận lý quan điểm về phương diện này chỉ biểu đạt trừu tượng, nhưng

● Cư sĩ TÂM QUÁN

vẫn được chấp nhận theo đức tin tín ngưỡng hay tôn giáo (duy linh).

Về nghĩa lý của sự Sinh và Tử, người Phật tử đã có đức tin vào các lời dạy của Đức Như Lai, vì Ngài đã chứng đắc “*Thiên nhân minh*” nên thấy rõ được về con người sau khi chết phải theo “*Nghiệp*” mà luân hồi sinh tử. Và “*lậu tận minh*” biết được nguyên nhân chúng sanh luân hồi sinh tử. Có được đức tin vào Đức Thế tôn, do chiêm nghiệm những phát kiến của Ngài từ thời cổ đại cách nay gần 2.600 năm nhưng vẫn như thật, phù hợp với công bố của các nhà

khoa học thời đại về từng lãnh vực họ nghiên cứu, phát hiện...

Ngày nay, thời đại khoa học nên có thể nương vào các công thức phát minh khoa học kỹ thuật để lý luận về sự sinh và chết của con người, như định lý bảo tồn năng lượng, kỹ thuật vi điện tử, vi tính hay internet... để ví dụ. Theo định luật bảo tồn năng lượng, thì năng lượng sẽ không mất đi đâu hết, chỉ biến đổi. Mỗi vật sống phải có năng lượng, cũng như vậy, cơ thể con người có cơ cấu năng lực sống, nên nguồn năng lượng nơi con người (giòng tâm thức) hay là sức sống không thể nào mất đi được, nên sự chết phải có một sự tái tạo (sinh).



Khi người chết có dòng năng lượng xuất ra, đó là nguồn điện sinh vật lý. Vì trong đời sống, nguồn năng lượng nơi thân xác là sức sống tiềm ẩn - khi chết nguồn năng lượng này xuất ra dưới 2 dạng: một là lan tỏa hòa vào vùng năng lượng vũ trụ, hai là tích tập (dạng hạt điện tích), mà Phật giáo coi là “*Nghiệp lực*” là dòng tâm sức còn kết tập “*ngiệp*” và sẽ chuyển sang trạng thái trung gian giữa sống và chết, từ Phật học gọi là “*Thân trung ấm*” và chờ cơ hội (duyên) để tái tạo đời sống sau - tức tái sinh, vì “*...bất cứ loài hữu tình nào cũng có năng lực tiến hóa và cải tạo...*”

Theo giáo lý đạo Phật, sự tái sinh của đời sau mau hay chậm, tốt hay xấu còn tương hệ với mối “*nhân - quả - báo*” tức nghiệp nhân đã tạo tác và ảnh hưởng với “*Cận tử nghiệp*” (tâm thức lúc chết). Nghiệp nhân là những hành vi của thân, khẩu, ý được tâm thức lưu trữ những ấn tượng trong “*A Lai Da*” (bộ nhớ), còn cận tử nghiệp là cảnh tượng tâm thức lúc lâm chung của con người. Đó là tri giác và ý niệm để lập trình hướng dẫn nẻo đi cho “*thân trung ấm*”, tiếp tục sự nghiệp tái sinh - luân hồi.

Tái sinh theo Phật giáo có hai loại: tái sinh do luân hồi theo nghiệp lực và tái sinh theo hạnh nguyện. Tái sinh không có nghĩa là di chuyển một chất liệu mà là sự tiếp nối trong những mối tương quan giữa các sự vật, là tiếp tục một tiến trình vận hành của dòng năng lượng tâm thức, tức nghiệp lực, đó là ý chí, tình thức và ý niệm, nên

tinh chất này rất là vi tế, giống như luồng điện giao tiếp trong tương quan giữa các sự vật. Còn tái sinh theo “*hạnh nguyện*” là người chết có ý chí mạnh mẽ, có sự tập trung tư tưởng cao vào một chủ đề, một lãnh vực thích thú có thể chưa hoàn tất, đó là yếu tố tích cực của tâm linh “*thân trung ấm*”, có năng lực định hướng tiến hóa và cải tạo, tâm linh luôn tỉnh thức để chủ đạo nơi đời sau, tức là làm chủ được tâm thức dù là “*thân trung ấm*”, không bị nghiệp lực dẫn dắt. Các trường hợp này thể hiện ở các vị “*thần đồng*” lưu trữ được tri thức đời trước nên sớm biểu lộ tài năng đời sau (dù còn rất nhỏ), hay các vị Lạt Ma Tây Tạng. Vì “*...tính chất của ý chí và ước nguyện, những niệm lực này có thể tồn tại từ đời này qua đời khác*”.

Luân hồi cũng là tái sinh, người sau khi chết bị nghiệp lực hay cận tử nghiệp ràng buộc “*thân trung ấm*” không có được tự chủ, tâm thức ở trạng thái bị lôi cuốn, có thể lưu luyến về ái dục, vật chất hay “*ngiệp quả báo*” (ân oán trong đời sống qua)... là lực cuốn hút vào dòng xoáy luân hồi không thể cưỡng được để phải sinh vào một trong sáu đường: trời, người, atula, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Luân hồi sinh tử đó là quy luật của mọi sự sống, có thể đời sống này sẽ thu thập một số kinh nghiệm cho tự thân, để khi chuyển hóa, với tiến trình của sinh tử, tử sinh sẽ cho một phương tiện thiết yếu để phát triển những cơ cấu phù hợp với môi trường, tiến hóa cho đời sau.

Theo Phật giáo, sự sinh của

chúng sinh có “*thức*” phải có sự hợp thể “*nhân duyên*” giữa cha mẹ và năng lượng nghiệp (tức nghiệp lực của thân trung ấm) giao cảm với nhau, giống như luồng điện có khả năng xuyên qua vật chất và di chuyển với tốc độ ánh sáng (hàng trăm cây số/giây) để thâm nhập. Hiện tượng này cũng như quan điểm về sự vật, là sự tiếp nối trong những mối tương quan giữa các sự vật, các đơn thể phải “*duyên*” nhau - thì thể giới hợp thể mới hình thành, đó là quy luật tất yếu tự nhiên, nên thể giới vật chất hay tinh thần cũng do các yếu tố khác nhau có sự kết hợp để tạo thành.

Theo Phật giáo, người sau khi chết không tạo thành hữu thể nữa, tức giải thoát. Khi người chết giòng điện (tâm thức) xuất ra không bị “*ngiệp lực*” chi phối thì tình thức cảm thấy thanh thản do xả ly hết tư tưởng. Chính trong giây phút trạng thái đó, năng lượng tâm thức thoát ra không tích tụ (không nghiệp lực) mà hòa vào năng lượng bao la của vũ trụ*. Là những người chết đạt trạng thái “*vô lậu*” (đã lìa dứt phiền não) là rất hy hữu, chỉ người có tri thức giác ngộ và tu tập đạt đến “*vô niệm*” mới vào cõi giải thoát Niết bàn. Giải thoát (nói theo thuật ngữ Phật giáo) là dứt bỏ, đoạn tận ái dục, chấp thủ... cũng là dập tắt ngọn lửa tham, sân, si - nên không còn tích tập nghiệp lực.

Chúng ta cũng cần nhận biết rằng vật chất cũng là nhân tố, nhưng không quan trọng bằng nhân tố “*Tâm*”. Vật chất tất nhiên đưa đến tác dụng của



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Tâm - nhưng Tâm cũng có thể dẫn khởi sự biến hóa của vật chất, do đó, vật chất diệt năng lực sinh, năng lực diệt vật chất sinh. Hai hiện tượng sự vật đó thay nhau biến hóa, nên sự sinh - tử chỉ là giả tướng biến hóa, chứ bản thể của nó không hề sinh - diệt, biến động.

Giáo lý Phật giáo luận giải cho thấy sự Sinh - Tử đều có ý nghĩa để con người đón nhận tự nhiên, làm chủ tâm trạng lúc lâm chung, không hoang mang lo sợ khi chết. Vì đã biết và tu tập phương pháp của đức Phật dạy cho chúng sinh tu hành thoát ly sinh tử (giải thoát).

Quan điểm chung của tôn giáo đều không thỏa mãn đời sống con người, còn nhiều bất cập, nên đều khuyến khích tín đồ hướng tâm linh đến các cõi cao hơn. Cũng vậy, nhưng Phật giáo còn cho con người biết những “nhân duyên” kết hợp của nhiều yếu tố để hoàn thiện tiến hóa, con người không có một tự thể độc lập nên không thể tự chủ được, bị câu thúc trong thân “tứ đại”, “ngũ uẩn” và nỗi già, bệnh, chết... theo “nhân quả-báo”. Đời sống con người cũng trong quỹ đạo “vô thường”, tùy thuộc vào những yếu tố bên ngoài... Do đó, đạo Phật thường khuyến tấn Phật tử biết các trạng huống “nhân quả” và “vô thường” để tu hành nỗ lực tự thân, chế ngự và điều luyện “tâm thế” để không bị trôi buột, ái nhiễm mà lâm vào các điều xấu hại và cũng để không quá bức xúc trong mọi cảnh huống, hầu có được sự tự do giải thoát thể hiện ngay trong cuộc sống hiện tại. Có vậy, khi lâm chung

tâm thức mới có được sự “vô cấu” và “vô niệm” là điều kiện đến cõi Niết bàn. Phải tự thân chuẩn bị, xây dựng cõi tịnh độ cho mình.

Sống và Chết là hai trạng thái trong một lưu trình tiến hóa của chúng sinh, có hiểu biết về hiện tượng sinh - tử, nên người học Phật và tu Phật được biết giá trị sự sống và ý nghĩa của sự chết, có niềm tin tín ngưỡng “tâm linh” và biết rằng “tâm thức” được kết tập tự động theo thời gian với hành động của chính mình, là yếu tố thiết lập nền tảng cho sự phát triển đời sau, cũng biết rằng không ai có thể che đậy “nhân chứng” bởi chính bản tâm mình. Ta tạo tác gì được ghi vào “A lại Da thức” (bộ nhớ tiềm thức) từ đây được phát lộ và xét xử đưa đẩy đi theo “nghiệp quả báo”. Từ đó, trong cuộc sống này người Phật tử

phải thận trọng hành nghiệp của Thân, Khẩu, ý để cải thiện hành trình của sự sống.

Lưu trình của nguyên lý sinh - tử chẳng những đối với khoa học, mà cả các nhà tôn giáo luận giải. Riêng Phật giáo với quan điểm sinh tử trong thuyết “nhân quả” rõ ràng, cho thấy vị trí thích nghi của loài người trong tự nhiên. Chính sự hiểu biết về “Sinh tử sự đại” để thiết tha tu

dưỡng “bổn tâm”, nếu Tâm được thanh tịnh có thể đạt trạng thái an nhiên, tự tại để bất động - Khi biến động trong cuộc sống và lúc lâm chung.

Kỷ niệm ngày đức Như Lai thị hiện PL.2548, Phật tử chúng ta hướng tâm nguyện vào các lời dạy của Đấng Từ phụ, đó là sự tri ân và cúng dường thiết thực. Ngài chỉ vì sự trầm luân sinh - tử của chúng sinh, với hạnh nguyện Từ bi cứu độ nhân loại, nên đức Phật giảng trần để chỉ dạy cho con người hiểu ra nguyên nhân “Khổ” và phương pháp “diệt Khổ”, mới tìm câu giác ngộ và tu dưỡng để đến bờ giải thoát

*Ghi chú: Ý này là quan niệm của người viết, không thấy rõ trong sách Phật học, chỉ nương vào ý thơ của Cố Ni Trưởng Trí Hải - Sống chết trong Ngọa Bệnh ca “Ta hòa cùng với gió Thành vũ trụ bao la”

Lên Chùa như về nhà

Đường đi có nhiều ngã
Sắc hoa đủ muôn màu
Cửa thiền tu một cõi
Tiếng chuông chùa lắng sâu
Dòng đời trôi chảy mãi
Trái rụng để đợi mùa
Ai giục lòng theo nắng
Nam mô A Di Đà
Bồ đề xanh bóng mát
Ta tìm lại trong ta
Quên nỗi buồn nhân thế
Lên chùa như về nhà

THẢO ĐIỀN



Sức mạnh của Lòng Tự Chủ

**Phật dạy: “Chiến thắng
vạn quân không bằng tự
thắng mình, tự thắng mình là
chiến công oanh liệt nhất”.
(Dhammapada-sutra)**



Minh họa:
Thanh
Nghĩa

Thật vậy, trải qua biết bao
nhiều thăng trầm biến
thiên của thời đại, tính
tự chủ vẫn luôn là chìa khóa
để mở cửa tự do. Điều này có
nghĩa rằng, hễ cá nhân nào
làm chủ được tâm mình, thì
người đó hẳn nhiên bước vào
thế giới vinh hăng. Chìa khóa
để mở cánh cửa tự do, tự chủ
chính là sự chuyển hóa tâm
thức trong quá trình tu tập
được thực nghiệm tâm linh
của đời sống hiện tại.

Một trong bốn vị tổng thống
được xem là vĩ đại nhất của
nước Mỹ, Abraham Lincoln đã
từng phát biểu: “*Có nhiều vinh
quang được xây dựng bằng sức
mạnh bạo lực, dù chiến thắng*

● THÍCH TRÍ TÀI

*tất cả, nhưng những vinh
quang của nó sẽ bị yếu vong”.*

Trên tinh thần Phật giáo,
phấn đấu để cải thiện là điều
rất cần thiết, nhưng muốn làm
chủ được bản thân phải bình
tâm trước đã. Khi tâm bình
cũng chính là lúc một vị Phật
đản sanh, một vị Phật của chính
mình ra đời. Khi tâm bình ta
mới thấy rõ tính duyên sanh
như huyễn, tính trùng trùng
duyên khởi của sự vật, mà mới
thấy được “*sắc tức thị không*”.

Theo mặt sanh diệt môn,
như đất nước Việt Nam dưới
hai ách thống trị - ngàn năm
bị giặc Tàu đô hộ, trăm năm

bị giặc Tây đô hộ, rồi thì giặc
Mỹ... nhưng đã nhờ “*tự chủ*” mà
đứng lên quật khởi, biến sợ hãi
thành quyết tâm, biến đơn lẻ
thành đoàn kết, đánh đuổi
ngoại bang giành độc lập.

Đức Thế Tôn, Bạc Đại Hùng
khi xưa cũng đã nhờ tính tự chủ
mà khắc phục được lam sơn,
chương khí, nội chương, ngoại
ma... mới có thể bước lên đài
Diệu giác, mở được cửa Niết
bàn, phá tan nhà phiền não.

Theo mặt giải thoát môn, mọi
sự vật hiện tượng vốn nó không
có tính tốt - xấu, hơn - thua,
thành - bại, khó khăn hay trở
ngại, tất cả chỉ do lòng. Tâm
hướng đến đâu sự vật sẽ xoay
chuyển đến đó. Vì vậy, muốn



chiến thắng chính mình phải tự chủ được thân, vì tự chủ được thân tức tự chủ được ngôn ngữ, tự chủ được ý tức làm chủ được tâm, và ai làm chủ được thân tâm mới gọi là chiến thắng chính mình. Đó chính là chiến công oanh liệt nhất.

Chúng ta quen nhìn trên sự vật hiện tượng và làm theo quán tính tự nhiên, rồi quên dần cái bản năng siêu tuyệt là đức Tự chủ. Tự chủ ở đây không có nghĩa là độc đoán - chuyên quyền, hay tự cường - tự cường. Tự chủ cũng như một dòng nước, nếu bỏ vào ly lập tức nó trở thành ly nước, nếu đổ vào thùng sẽ thành thùng nước, nếu chặn vào hồ sẽ thành hồ nước, nếu chảy ra đến biển sẽ hòa thành đại dương. Tính nước vốn vô song, nó luôn hòa nhưng không lệ thuộc, bằng mọi cách nó luôn thoát ly khỏi sự ràng buộc. Lại như những đóa sen tuy sống trong bùn sinh, đang vươn lên khỏi bùn sinh, bản thân vẫn không bị nhiễm mùi tanh hôi của bùn sinh.

Cho nên khi ta tự chủ là lúc ta thoát ly được mọi sự ham muốn, chế ngự được thể xác và nâng bổng tâm hồn. Hay nói cách khác, Tự chủ là không quên lãng chính mình để dòng đời cuốn trôi!

Ta biết rằng có nhiều hòn đá quý nằm trong lòng đất, có nhiều hòn ngọc đẹp nằm trong lòng đại dương. Cũng thế, chúng ta có một nguồn sức mạnh vô song nơi tự bản thân. Đó là lòng tự chủ.

Một vàng Trăng

Ngày Đản Sinh con lên chùa lễ Phật
Nghe trong lòng rộn rã một niềm tin
Ca tỳ la một sáng nọ yên bình
Bồng vang vọng chuỗi âm thanh diệu vợi

Thế nhân ơi đại nhân duyên đã tới
Hoa Ưu đàm bùng nở rộ sắc hương
Thánh Ma gia đạo gót mộng lên đường
Hồn thanh thần giữa ngàn phương hoa cỏ

Lâm Tỳ Ni là quê hương xưa đó
Đón Ngài về trong quán trọ duyên sinh
Trong khổ đau ngài đem lại yên bình
Cho nhân loại một niềm tin diệu vợi

Ngài hiện hữu tựa vàng trăng bát ngát
Tỏa hương từ ngàoi ngạt rớt tình quê
Trong khổ đau theo đuốc tuệ con về
Sống thanh thần trong hồn quê nẻo đạo

Như đóa sen bùng lên từ đạo
Ôi cánh tay nào đưa con bước lên cao
Giữa thanh không con dành lễ cúi chào
Theo ánh sáng bước chân vào chánh đạo.

THÍCH NHUẬN THẠNH
Chùa Pháp Trí 2004

Nói lại cho rõ:

NS. Vô Ưu số 17, bài “Lược sử Chùa Pháp Bảo”, trang 52, cột 2, dòng 5 (từ trên xuống) do sơ sót trong khâu in ấn, ghi là “PDD”, nay xin đọc là: “Đạo hữu Phạm Tráp được bầu làm CDD trong nhiệm kỳ 2002-2007...” chân thành cáo lỗi cùng Đạo hữu Phạm Tráp.

BBT



Có lẽ tất cả mọi người đều đã biết, thuộc lòng câu tục ngữ rất đơn giản này:

“No mất ngon, giận mất khôn”. Bụng đã no ứ rồi, thì dầu có con tôm xuất khẩu giá trên hai chục ngàn đồng một con ăn vào cũng chẳng thấy ngon lành gì! Cũng vậy, khi cơn giận nổi lên thì người dầu đã già trên bảy mươi, hay có các bằng cấp đại học, trên đại học, cũng dễ trở nên nguời... ngu như thường! (*“mất khôn”* có nghĩa là ngu si, ám muội, vô minh rồi!).

Đức Phật cũng đã chỉ dạy: *“Sự sân giận là ngọn lửa thiêu đốt hết cả mọi công đức!”*. Và *“Người nào ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy mạnh, mới là kẻ chế ngự giỏi; ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hồ”* (1)

Tục ngữ phương Tây cũng có câu: *“Sự giận dữ là cơn gió lớn làm tắt ngọn đèn thông minh”*

Ngày xưa, vợ chồng chủ một hiệu bán bánh bất hòa, cãi nhau - từ nhỏ tiếng đến to tiếng.



Ảnh: Thanh Nghĩa

“CƠN GIÓ LỚN”

Người ta nghe tiếng chị vợ hét lên:

- Anh đòi giết tôi hả? Tôi không sợ anh đâu!

Tiếng người chồng:

- Được rồi, tui nhất định sẽ giết bà!

Ông già bên hàng xóm chạy

● NGUYỄN HOÀNG TẤN HIỂN

sang khuyên can họ:

- Này hai bác ơi, làm gì mà đòi giết nhau giữ vậy? Có việc gì không nên, không phải hai bác hãy bình tĩnh mà chỉ bảo nhau, chứ đừng nên làm thế

người ta chê cười - làm sao mà dạy bảo con cháu được?

Họ không thèm nghe lời ông già. Người vợ lại to tiếng hơn:

- Cứ giết tôi đi! Tôi thách anh đó...

Người chồng cũng chẳng nhận:



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

☞ - Hôm nay tôi nhất định sẽ giết bà!

Ông già liền đến các sạp bánh của họ, thu hết tất cả các loại bánh, đem phân phát cho những người đang bu lại xem họ cãi cò, đánh nhau.

Hai vợ chồng thấy thế, lập tức không đánh nhau nữa, vội chạy ra hỏi:

- Ô kia! Ông làm cái gì vậy? Nhà người ta buôn bán sao tự nhiên ông lại đem lấy của chúng tôi cho không mọi người?

Họ trừng mắt nhìn ông già, hấp tấp ngăn cản.

Ông già thản nhiên nói:

- Vừa rồi, bác trai nói nhất định giết bác gái; tôi nghĩ, bác gái mất rồi, thì bác trai cũng sẽ không sống được, vì hối hận và buồn. Vậy cả hai người đều chết, và tiệm bánh này cũng sẽ vô dụng, nên tôi đem bố thí để gây chút công đức, tiếng thơm cho hai bác đấy chứ! Làm người khó được, mà chết như thế thì không biết đến kiếp nào được làm lại người đây?

- Không được, nếu ông đem cho hết thì ngày mai chúng tôi lấy gì mà ăn đây?

Thôi chúng tôi không cãi cò, đánh nhau nữa...(2)

“Cơn gió lớn” thổi tắt đi ngọn đèn thông minh, làm cho tâm địa con người tối tăm, không còn trí khôn, sự sáng suốt, để hướng dẫn hành động; dễ xảy ra bao việc đáng buồn, đáng tiếc; đang và sẽ nổi lên trong lòng mọi người...

Vậy có cách gì ngăn trở, dập tắt “Cơn gió lớn” hung ác, gây bất hạnh cho nhiều gia đình, tạo sự bất an, rối loạn trong xã

hội hay không?

Có nhiều phương cách để hóa giải, tiêu trừ “Cơn gió lớn” (hay ngọn lửa) nguy hại ấy; nhưng tựu trung cũng bắt nguồn từ bốn tâm lớn: Tù, Bi, Hỷ, Xả. Người đã có bốn tâm vô lượng diệu kỳ ấy rồi, thì mọi trận cuồng phong cũng sẽ tiêu tan.

Ngày xưa, Thầy tôi có dạy: *“Khi cảm nhận có điều bất bình, không được như ý, có thể đem lại sự sân giận; con hãy nhớ, đọc ngay câu này: “Nói là ngu, im lặng là khôn”...Đó là đức nhẫn nhục rất cao quý sẽ mang lại cho ta sự an bình, hạnh phúc...”*

Thầy giảng dạy cho tôi về giá trị to lớn của chữ “*Nhẫn nhục*”: Tục ngữ cũng có câu “*Một câu nhịn, chín câu lành*”. Người có đức tính “*nhẫn nhục*” là người có tâm hồn rộng lớn, có tình thương yêu chân chính, bao la. Đức hạnh “*nhẫn nhục*” là hạnh thứ 3 trong 6 hạnh mà Chư Bồ Tát luôn hành trì để tế độ (lục độ) cho mình cho người. Và Thầy đã kể cho tôi nghe về sự tích của câu “Bách nhẫn hóa thiên kim” (100 nhẫn hóa ngàn vàng): Ngày xưa, ở làng nọ, có ông lão nổi tiếng về đức “*nhẫn nhục*”. Cả huyện ai ai cũng mến phục. Bữa nọ, trong ngày làm lễ thành hôn cho cậu con trai út, có một ông già hành khất, đến ăn xin. Ông không chịu ngồi ăn chung với quan khách, cũng chẳng chịu ngồi ăn riêng một cỗ, mà lại đòi ngồi ăn trong bàn họ. Ông lão gia chủ cũng vui vẻ chấp thuận sau khi xin phép hai họ. Buổi chiều, tiễn họ về, quan khách đã vắng; ông già khất

thực chưa chịu ra đi! Lão gia chủ vui vẻ dọn cơm. Đến tối, ông già đòi ngủ lại. Lão ta sốt sắn cho người nhà dọn riêng một phòng thơm tắt. Ông già không chịu ngủ ở phòng ấy, lại đòi vào ngủ ở phòng “tân hôn” được trang hoàng lộng lẫy!

Lão gia chủ đưa con sang phòng khác, dành phòng “tân hôn” cho ông ta theo ý muốn của ông.

Hơn 8 giờ sáng chưa thấy ông già khát thực dậy ăn điểm tâm, lão gia chủ khê đẩy cửa bước vào: không thấy ông già xin ăn đâu cả, mà lại thấy nguyên một pho tượng bằng vàng ròng óng ánh!(3)

“Cơn gió lớn” sẽ nổi dậy trong ta bất cứ lúc nào, vì điều bất như ý luôn luôn xảy ra trong đời sống thường nhật. (Mà có cuộc sống nào luôn suôn sẻ, “Vạn sự như ý” đâu?). Sự im lặng trước mọi nghịch cảnh, nghịch lý, là điều vô cùng cần thiết, để ta đủ thông minh, sáng suốt, có thể quyết định chính xác, đúng đắn; tránh được mọi suy nghĩ chủ quan, đẹp được cái “ngã” tự cao mù quáng - sẽ đem lại nhiều an vui, lợi ích thiết thực cho ta và cho người. Chỉ trong phúc chốc giận dữ, ngọn lửa hung bạo sẽ thiêu đốt hết mọi công đức tích chứa nhiều tháng năm, thậm chí đến nhiều kiếp.

Vậy luôn tỉnh giác, xin đừng bao giờ để cho “Cơn gió lớn” thổi tắt ngọn đèn thông minh” vốn có trong ta nhé! ■

(1) Câu 222-Phẩm phần Nộ, Kinh Pháp cú.

(2) Theo truyền cổ Phật giáo

(3) Theo truyền cổ V.N



Nhà thơ Bùi Giáng với Đinh Hải Tường - Ảnh: Tư liệu

Bùi Giáng

Bùi Giáng là một nhà thơ tài hoa sử dụng ngôn ngữ hết sức huyền ảo thượng thừa trong vườn thi ca hiện đại Việt Nam.

Tôi được nghe nhiều người truyền tụng ngợi ca Trung niên thi sĩ từ lâu lắm rồi, dần dần tôi làm quen tìm đọc thơ của bác, lúc hồi còn làm chú tiểu ở chùa Tường Vân - Huế. Cuối năm 1978 có dịp sắp xếp lại tủ sách của thầy bốn sư, bỗng dưng tôi bất gặp được tập thơ “**Mưa Nguồn**” của Bùi Giáng, liền giở ra xem, đọc đi đọc lại chỉ cảm

TIẾNG THƠ VANG VỌNG MÃI

● ĐINH HẢI TƯỜNG

nhận thôi, cho dù không hiểu, không bình giải nổi một chữ một câu trong thơ, tôi ngưỡng mộ bác dù chưa một lần gặp gỡ. Thơ của bác lâng lâng tươi mát tràn ngập tâm hồn tôi từ dạo ấy, cho đến hôm nay (2003) đúng 25 năm trôi tôi vẫn trân trọng giữ gìn tập

thơ như một vật gia bảo quý hiếm!

Thời gian cứ vùn vụt trôi, tôi lớn lên ôm ấp một hoài bão vào đất Sài Gòn có điều kiện thuận duyên tiếp tục học hành đến nơi đến chốn, lúc đó đầu năm 1981, lần đầu tiên tôi đặt chân đến thành phố hoa lệ này, được tá túc tại thiền viện Vạn Hạnh, tôi



thiết nghĩ nơi đây hội ngộ đủ thành phần trí thức trong xã hội, là cái nôi đào tạo biết bao hiền tài cho Đạo pháp và Dân tộc.

Ngoài giờ công phu tu học, tôi hòa đồng cùng đại chúng để “sản xuất tương chao” trong những năm này kinh tế nhà chùa có phần eo hẹp phải tự lực cánh sinh “nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”. Vào một ngày đẹp trời, thoát nhiên bỗng đâu đó bác Giác xuất hiện thật là kỳ tuyệt, mọi người bàn tán theo cảm tính của riêng họ, còn tôi lấy làm sung sướng như gặp được “cố tri” đón tiếp niềm nở chu đáo. Lúc này ở Viện vào giờ chỉ tịnh ban trưa, sợ làm động chúng để bị quở trách, nhưng tôi cũng dần xếp êm xuôi cả. Tôi chế trà pha nước mời bác cùng uống, thấy bác rất hiền hòa, đôi mắt sáng ngời như Đạt Ma sư tổ, áo quần thì xốc xếch, giọng nói tiếng Quảng Nam đặc sệt, có lẽ bác nghe âm giọng của tôi, bác cũng đoán biết là người đồng hương, bác viết tặng tôi hai câu thơ:

*“Ngõ về em có nhớ không
Bóng vang đầu nước hình lồng
cuối hoa”*

Và tiếp theo là bài thơ: Tặng Tấn Tuệ đi tu

*Đi tu tu hủ ở chùa
Tuyệt trừ ở tận cuối mùa lang
thang*

*Một giờ phố thị mệnh mang
Chanh hồng quýt lục thu dần
loạn ly*

*Mất xanh hình thể trụ trì
Thường vẫn nhứt nhận báo kỳ
lai thu*

*Đường qua ngôn ngữ tuyệt trừ
Mừng xuân viễn vọng đêm bù
cho đêm*

Sau một giờ chỉ tịnh chuông thiền viện báo thức tôi cũng xin tạm biệt chia tay một cuộc hội ngộ đầy hứng thú, đầy ấn tượng đối với bác, để tiếp tục công tác chấp lao phục dịch cho tròn bổn phận của mình nhưng vẫn đôi mắt trông theo hình bóng dáng đi thơ mộng đó, nào gây gộc túi dây đeo quẩy luộm thuộm đầy người, bác lên đường làm kẻ rong chơi. Nhiều người cho bác là nhà thơ “điên” mà âu chẳng bác cũng cà rỡn thú nhận như vậy:

*Bây giờ tôi dai tôi điên
Chấp tay tôi lay cả miền Hà
Thanh.*

(Bùi Giác)

Tại sao nói bác Giác điên? Điên sao mà có lý trí viết thơ, dịch thuật, lý luận hay tuyệt vậy! Tôi cho rằng có thể bác học nhiều, đọc sách thánh hiền Đông tây kim cổ cũng bộn, tồn lưu trong tâm khảm nổi bức xúc tư tưởng gây xung đột dễ trở thành người “dại chữ”? Nhưng không, ở đây bác Giác hiện xuất nguồn năng lượng dồi dào, sung mãn, đặc sắc khác thường rất mực tài hoa!

Nhà thơ sống hồn nhiên như trẻ nhỏ vui đùa, giỡn cột miệng lắm nhảm, có khi nói tục lộn ngôn hí ngữ, trêu ghẹo... rất dễ thương: “HT Minh Châu thương yêu Sư Cô Trí Hải để ra Bùi Giác”, nếu Hòa Thượng có nghe được cũng ôm bụng cười khi.

*Thế ra thi sĩ Trung niên
Là thằng bê bối quàng xiên trên
người.*

(BG - Thích Minh Châu Ca)

Ngưỡng kính thần tượng tôn thờ hình bóng “Sư cô” cái đẹp chân thiện mỹ lồng lộng vượt trên những đam mê chi phối đời thường, nhà thơ mơ màng gọi

Phùng Khánh là Mẫu thân.

*Ra sông nằm ngủ rập rình
Mẫu thân Phùng Khánh để
mình ra sao.*

(Sa mạc trường ca)

Trong quyển Thi Ca Tư Tưởng, bác Giác viết rằng: “Huống nữa là trong cõi mộng chiêm bao tại bình diện thi nhạc phiêu bồng, Phùng Khánh đích nhiên là mẹ của tôi nốt. Tôi vốn là Trung niên thi sĩ. Ai có ngờ rằng những bài thơ bất tử tôi làm ra là do Phùng Khánh cả đấy. Mỗi phen tôi mơ màng nghĩ tới dung nghi diễm lệ Phùng Khánh thì giọng thơ bát ngát lại tuôn ra ào ào. Vậy thì hiển nhiên như nhiên thiên tài của tôi là do liên tồn Phùng Khánh để ra vậy. Tôi suy gẫm suốt bao năm trời nhận ra sự tình cổ kỳ nhiên đó, mới dám mạo muội mạnh bạo gọi Phùng Khánh bằng một tiếng Mẫu Thân. Há đâu phải bốc đồng mà gọi bướng?”

Thi sĩ đi ngang về dọc xuống đường làm “Cảnh sát giao thông”, sau một vài giờ điều khiển xe cộ mệt nhọc lão cái bang ung dung tự tại ghé lại Vạn Hạnh xin tiền, được sư cô Trí Hải (mẫu thân Phùng Khánh) nhiều lần an ủi vỗ về:

*Mẹ về bảo nhỏ con thôi
Đừng đeo đai nghiệp suốt đời
lầm than*

*Thơ là thần vậy tro than
Tàn canh con chết trên tàn
mộng kia*

(BG- Thích Phùng Khánh Ca)
Nhưng đâu cũng vào đó, rồi thì:
*Chạy quanh khu vực thần tiên
Mỗi chân mười ngón kết liên
bốn mùa*

*Vườn cây trái ngọt trái chua
Mù sương hấp dẫn về chùa ngủ*



quên

(Bùi Giáng)

Ngủ quên, một giấc ngủ hiền lành và an lành không mộng mị, một giấc ngủ thánh thiện, nằm thanh thiên bạch nhật ở trước hiên chùa thẳng cẳng ngáy kho kho.

Thế mà... lại cũng...

Nửa đêm bờ tát dề huề

Đi tu một trận còn mê khuynh thành

(Sa mạc phát tiết)

Năm 1988 tôi tá túc chùa Pháp Vân - Bình Thạnh gần đường Lê Quang Định để học Khoa ngữ văn Trường Đại học Tổng Hợp, nhà Bùi Giáng cũng ở gần đó, tôi thường qua lại thăm bác luôn, bác cũng vậy ghé đến chùa là viết thơ tặng tôi và Thầy Nguyên Tạng, ngoài ra bác nhờ cất dùm tờ khai sơ yếu lý lịch nữa chứ, tôi và bác có chụp chung một tấm hình vẫn còn lưu giữ kỷ niệm.

Mãi cho đến ngày 5-7-1996 tôi cùng nhà thơ Nguyễn Đức tác giả tập *Thế Tôn Ca* (gồm 4000 câu thơ lục bát) chưa có điều kiện xuất bản, đến thăm bác giống như mọi khi, bác nằm trên võng đu đưa xem dăm ba cuốn sách, với cặp mắt kiếng cộm dày, gầy gọng được bó cột vài sợi dây nilon, thân thể bác tiêu tụy vì nắng tấp mưa sa cũng mặc kệ cho đời, nhưng tâm hồn và trí tuệ thì quá ư là siêu việt.

Ngồi quay quần bên nhau, bác trao đổi với anh em coi văn nghệ, rồi bác xin tiền để uống rượu nhâm nhi tôi hoan hỉ biếu tặng, bác ứng khẩu thành thơ cầm bút viết ngay một mạch.

Bài thơ kính tặng đại ca

Đình - Hồi - Tấn - Tuệ - Tướng

là muôn năm

Bác ha hả cười reo hươ tay múa chân lẫn từ trên võng xuống đất, tôi và Nguyễn Đức cũng rộn rã vui theo. Sau đó bác cho anh em chúng tôi hai tập thơ, bác đề tặng "Xin kính tặng nhị vị đại ca hai tập thơ Rong Rêu khôn nạn của Trầm" ký tên. Tôi lấy làm sung sướng được bác quan tâm chiếu cố hỏi thăm nơi ăn chốn ở, tôi trả lời sau một thời gian vắng bóng ở Sài Gòn, về ở một thị trấn nhỏ ven biển Hàm Tân, chọn mảnh đất bên cầu suối Đó dựng một thảo am gọi là chùa Đây, để tập tành làm thơ, đọc sách cho vui "Bay về hàm dưỡng công phu" (Thơ - Nguyễn Đức) và cũng sắp ra Hà Nội tham quan viếng cảnh chùa, ghé thăm một số bạn bè văn nghệ, đến vấn an các cụ lão thành thi nhân tiền chiến! Nói đến đây bác Giáng rất hân hoan mở to đôi mắt miệng nhanh nhẩu nói rằng: "À Thầy đi cho tôi gởi tập thơ để kính tặng nhà thơ Huy Cận", tôi vui vẻ nhận lời, nhưng rồi cứ nhỡn nhơ rong ruổi phố thị la cà đến lúc cận túi cháy da. Phải nhờ đến tháng 3-1997 mới đi được, nhân dịp này ghé lại trụ xứ Liên Hiệp Các Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam ở 51 Trần Hưng Đạo - Hà Nội, trực tiếp xin diện kiến gặp bác Huy Cận và trao lại tập thơ Rong Rêu bác Giáng gởi tặng, bác Huy Cận tiếp đón tôi nồng hậu, chuyện trò thân mật chí tình, bác lấy giấy viết bài thơ nhỏ 4 câu bỏ vào phong bì và ghi: "Kính gửi anh Bùi Giáng" (Xin nhờ thầy Thích Tấn Tuệ đưa tận tay - Cảm ơn - H.C)

Sau khi chia tay bác Huy Cận tôi và nhà thơ Dương Hùng ghé thăm bác Tế Hanh, bác nữ sĩ Ngân Giang, bác Trinh Đường trước khi về lại Hải Phòng. Có một điều tôi bản khoăn áy náy trái ý sai lời với bác Huy Cận không trao thư "tận tay" cho bác Giáng, vì tôi còn ở lại miền Bắc cho tới tháng 6-1997 mới về lại trong Nam. Nên tôi photocopy gấp gỏi ngay bản phụ vào cho anh Nguyễn Đăng Trình kịp đăng tải trên tạp chí Thời Văn số 19, lúc đó bác Bùi Giáng bất ngờ đọc bài thơ của bác Huy Cận gởi tặng trên trang sách mới in, sẽ hài lòng và cảm động xiết bao!

Đặc san chuyên đề về thi sĩ Bùi Giáng dịp này tôi cảm tác bài thơ: "Rong chơi giữa đôi bờ mộng thực", phát họa sơ thảo vài nét chân dung Trung niên thi sĩ, lại được đăng chung cùng hội cùng thuyền.

Cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà thơ Bùi Giáng, chúng ta không thể dùng ngôn ngữ để lột tả hết được cái "Bất khả tư nghị" đó, chỉ mạo muội lấy vài giọt nước của biển cả đại dương mà nhắm thử, thì làm sao cho thấm thía tận cùng xương xẩu máu me. Chỉ gởi đến chút tình trong biết bao giai thoại, chia nhớ sót nhưng cho một nhóm anh em Văn nghệ yêu quý thi sĩ Bùi Giáng.

Ngày bác từ giã cõi đời, tôi thật bùi ngùi thương tiếc, không đến được để thắp một nén nhang đưa tiễn, xin hương linh bác niệm tình tha thứ cho, mong duyên lành "Ngàn thu rớt hột", nhà thơ hãy tái lai hội nhập cõi ta bà, để múa ca vi vút giữa trần gian thánh thiện này. ■



TỪ NHỮNG CÂU CHUYỆN CỔ



Tìm Thành Tăng

Ngày xưa, tại một ngôi chùa ở Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng về hạnh và ở dơ. Thầy lại không đủ điều kiện thân tướng trang nghiêm để thọ giới, vì thế mặc dù ở chùa đã lâu, thầy vẫn giữ chức vụ của các chú tiểu là làm các công việc ở nhà vệ sinh và trong bếp, ngoài vườn... Tất cả những công việc nặng nhọc dơ dáy đại chúng đều giao cho Thầy phụ trách. Thầy làm tất cả mọi sự với tâm hoan hỷ, không phàn nàn; lúc nào nụ cười cũng nở trên môi.

● THÍCH NỮ TRÍ HẢI

Mặc dù y phục rách rưới dơ bẩn nét mặt thầy luôn rạng rỡ. Có điều đáng phàn nàn nhất về thầy là mặc dầu đã lớn tuổi, không còn bé bỏng gì, thế mà thầy luôn luôn để mũi chảy thò lò như một cậu bé, không chịu lau chùi, không rửa mặt. Cho nên, tuy thầy dễ thương, cũng ít ai dám đến gần vì nhờm gồm. Mỗi khi các bạn đồng tu đề nghị:

- Xin chú mày làm phúc quẹt mũi giùm đi. Dơ bẩn lắm!

Chú cười hề hề:

- Em không có thì giờ quẹt mũi, Sư huynh ạ! - Rồi bỏ đi một nước.

Một hôm, nhân ngày lễ Phật Đản, nhà vua thỉnh tất cả Chư tăng trong chùa, không trừ vị nào, vào cung để dự trai Tăng. Nhà Vua tha thiết yêu cầu vị Hòa Thượng đừng để một vị nào ở chùa; Vua sẽ cho người đến giữ chùa trong thời gian Tăng chúng vào cung.

Sở dĩ nhà Vua muốn như vậy là vì Ngài có dụng ý: Vua vốn là người mộ đạo tha thiết, cầu gặp Thánh tăng để khai thị cho mình ☸



yếu nghĩa bộ Kinh Kim Cang. Do lòng chí thành, một hôm Vua được thần nhân báo mộng trong ngôi chùa lớn có vị Thánh Tăng - hãy thỉnh về cung thuyết pháp. Tỉnh dậy, nhà Vua hoang mang không biết Thánh Tăng ấy là ai, trong ngôi chùa lớn có ngàn Tăng chúng đó. Sau một hồi bàn luận với cận thần, vua được bày một mưu kế hay ho và vội thực hành ngay kế đó để tìm gặp Thánh Tăng. Thế là vua cho sửa soạn một buổi trai tăng cúng dường toàn thể Tăng chúng trong ngôi chùa nọ:

Về phần Tăng chúng trong chùa, họ bàn nhau:

- Hôm nay Vua thỉnh toàn thể Chư Tăng vào cung thọ trai không chứa một vị nào ở lại giữ chùa. Nghĩa là phải cho cái chú ở dơ của mình đi theo. Chú ấy chưa thọ giới, vậy trong khi chúng ta đắp y đi có hàng ngũ chỉnh tề hãy để chú ấy đi một mình sau rốt, khỏi mất thể diện chúng Tăng! Tăng chúng bằng lòng theo sự sắp xếp ấy và báo tin cho chú ở dơ sửa soạn theo hầu Chư Tăng vào cung dự lễ. Họ không quên dặn chú làm phúc quét mũi dùm trước khi ra đi. Chú cười hề hề:

- Dạ được rồi, quý huynh đừng lo. Lần này em xin lau mặt mũi sạch sẽ để theo hầu quý sư huynh!

Vua và đình thần đứng xếp thành hàng rào danh dự đón Chư Tăng đông đủ, uy nghi từ từ bước qua cổng chính để vào cung. Mặt nhà Vua hơi lộ vẻ thất vọng khi thấy gần hết Chư Tăng đều điềm nhiên bước qua cổng lớn. Khi người cuối cùng của hàng dài Tăng chúng đắp y đã

đi qua cửa cung, sắp có lệnh đóng cửa, thì một vị sư không đắp y, ăn mặc dơ dáy ở đầu nhảy bổ tới, lộn nhào hai ba vòng để tránh dẫm chân lên ngưỡng cửa; vừa lảo đảo nói một mình:

- Chết chưa! Ai dám dẫm chân lên Pháp bảo của Như Lai?

Vua và đình thần quỳ mọp xuống trước vị Thánh Tăng, dâng bộ y quý giá:

- Ngưỡng bạch Hòa Thượng, đệ tử xin cung thỉnh người thăng pháp tòa, để chúng con được chiêm pháp nhũ...

Thánh Tăng bước lên pháp tòa dành sẵn, giáng kinh Kim Cang như nước chảy hoa bay cho tất

cả đại chúng và triều đình. Đến đoạn: “Ly nhứt thiết chư tướng tức danh chư Phật”, nhà Vua thoát nhiên đại ngộ.

“Sau thời thuyết pháp, nhà Vua quỳ xá hối trước đại chúng. Vì lòng tha thiết cầu gặp Thánh Tăng, nhà Vua buộc lòng phạm đến Pháp bảo bằng cách chôn một quyển kinh Kim Cang ngay lối vào cung điện. Với kế đó, nhà vua đã tìm ra vị Thánh Tăng trong hơn hai nghìn Tăng chúng. Ấy là vị có thần thông biết được chỗ chôn kinh và tránh dẫm chân lên Pháp bảo bằng cách lộn nhào qua cửa ngõ môn...”

Truyện cổ Phật giáo IV

LỜI BÀN THÊM:

Câu chuyện kể lại một trường hợp khá đặc biệt về một vị Tăng có “hạnh ở dơ”. Có thể là đã có xảy ra như vậy, và cũng có thể để cho câu chuyện lý thú hơn, người kể đã hơi hư cấu về “hạnh ở dơ” này. Tuy nhiên, cốt lõi của câu chuyện là muốn đề cập tới cái “hình tướng” giả tạm bên ngoài là không quan trọng bằng cái phẩm hạnh bên trong. Sự thể hiện của Chư Thánh là qua vô số hình tướng, trong đó hình tướng quê mùa, xấu xí, nghèo hèn (v.v) là rất thông thường, để có thể gần gũi, thử thách, hóa độ chúng sanh; và cũng chẳng lưu lại dấu vết như bóng nhận thoáng bay qua dòng sông:

*“Nhạn quá trường giang,
Ảnh trầm hàn thủy...
Nhạn vô lưu dấu chi ý,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm!”*

Giữ cho hình tướng trang nghiêm, phong cách an lạc, giải thoát - là điều tối cần thiết cho người xuất gia. Đó là oai nghi của vị sư giả Như Lai. Tuy vậy, nếu cứ chấp chặt vào bên ngoài, mãi lo cho cái hình sắc giả tạm được sang trọng, sung túc mà lãng quên sự hành trì tu tập bên trong; lo là sứ mệnh thiêng liêng cao cả của “vị sư giả Như Lai” là một nạn lớn cho Đạo!”

Câu chuyện còn có thâm ý nhắc nhở mọi người rằng, chớ có thói quen “xem mặt, đặt tên” - “giàu sang thì tôn trọng; nghèo khó lại khinh thường”. Cái giá trị đích thực, cao quý đáng tôn trọng ở mỗi người, chính là cái chất “Thánh” bên trong của người ấy nhiều hay ít mà thôi. Mọi cái “đeo bám” trang trí bên ngoài chẳng là gì cả!

HUỆ THÀNH

Con người chúng ta ai cũng cần có sức khỏe

Ông bà nói: “Sức khỏe là vàng”

Đức Phật nói “Sức khỏe và Trí tuệ là tài sản lớn nhất của con người”

Vậy con người chúng ta muốn có sức khỏe phải làm gì?

Có rất nhiều phương pháp để nâng cao sức khỏe, nhưng vì khuôn khổ có hạn nên tôi chỉ bàn đến phương pháp khẩu phần ăn.

ĂN GÌ ĐỂ CÓ SỨC KHỎE?

Một vấn đề mà quý Tăng ni, Cư sĩ, Phật tử hiện nay quan tâm.



ĂN CHAY - NGỒI THIỀN - SỨC KHỎE

Với cái nhìn từ khoa học

Người có thu nhập cao luôn quan tâm đến khẩu phần ăn bổ dưỡng đắt tiền.

Người có thu nhập trung bình và nghèo, khẩu phần ăn của họ là: Rau, mắm, đậu... vài ba ngày hoặc cả tuần mới có bữa cơm thịt cá.

Còn quý Tăng ni, Cư sĩ, Phật tử thì khẩu phần ăn hoàn toàn bằng thực vật (ăn chay)

Vậy chúng ta hãy so sánh ba cách ăn của ba tầng lớp trên về lợi ích: Kinh tế, Sức khỏe, Trí tuệ.

- **Về kinh tế:** thì chúng ta khỏi phải bàn tới, vì ai cũng hiểu được chi phí cho ăn chay sẽ ít tốn kém và tiện lợi hơn so với ăn mặn.

- **Về sức khỏe:** trước kia chúng ta quan niệm rằng: thấy người béo tốt thì cho là khỏe. Nhưng ngày nay Y học coi người

● BS THỜI VĂN ĐOÀN

có cân nặng quá mức bình thường gọi là bệnh béo phì. Mà có bệnh béo phì thì lại phát sinh ra bao nhiêu bệnh khác như: cao huyết áp, đái đường, gan nhiễm mỡ, ung thư...

Nguyên nhân chính là do ăn thừa chất dinh dưỡng, ăn quá nhiều mỡ và đạm, chủ yếu là đạm động vật. Bệnh này hay gặp ở tầng lớp có thu nhập cao.

Ăn thức ăn động vật, bản chất của thịt động vật gồm Lipit và Protid, mà Protid được cấu tạo gồm nhiều chuỗi Polipeptid, cấu tạo nên chuỗi Polipeptid là 24 loại

Acid Amin. Vậy Acid Amin là đơn vị cấu tạo nhỏ nhất của cơ thể.

Thức ăn từ thịt động vật có đủ 24 loại Acid Amin. Nhưng khi chúng ta ăn vào, phải nhờ các men tiêu hóa như: nước bọt, dịch dạ dày, dịch mật, dịch tụy.v.v... thì đạm động vật mới được thủy phân ra 24 loại Acid Amin, lúc bấy giờ cơ thể mới sử dụng được.

Điều ở đây chúng ta quan tâm là phản ứng thủy phân đạm động vật (Protid) đã tạo ra nhiều chất hóa học trung gian có hại cho sức khỏe, mà các chất đó có thể tồn tại vĩnh viễn trong cơ thể. Còn một số chất khác, phải nhờ



đến gan và thận làm việc nhiều để loại bỏ ra khỏi cơ thể.

Vì vậy, khi ăn uống chúng ta phải biết cái hại khi ăn đậm động vật. Còn tầng lớp có thu nhập trung bình và nghèo thì khẩu phần ăn của họ rất đậm bạc. Nhưng sức khỏe của họ thì sao? Mặc dù họ không được béo tốt, da dễ không hồng hào, mà sức khỏe rất tốt, ít bị cảm nắng, cảm lạnh, sức đề kháng rất cao, sức chịu đựng dẻo dai, làm việc nặng nhọc cả ngày quanh năm suốt tháng, họ rất lanh lợi và dẻo dai.

Còn quý Tăng ni, Cư sĩ, Phật tử các vị ấy ăn khẩu phần ăn hoàn toàn bằng thực vật, trông bề ngoài các vị ấy hơi gầy, nhưng sức khỏe rất tốt. Tôi may mắn có duyên gặp được quý Đại đức, quý Sư cô, Cư sĩ, Phật tử ăn chay trường, khi đo huyết áp cho các vị ấy, chỉ số huyết áp ở mức bình thường hoặc dưới mức bình thường một ít, sức chịu đựng rất dẻo dai, thức khuya, dậy sớm mỗi đêm chỉ ngủ dưới 6 tiếng đồng hồ, ngày

chỉ ăn hai bữa sáng, trưa, có vị chỉ ăn một bữa trưa.

Hoặc tuyệt thực 10 ngày, 20 ngày, 30 ngày có khi nhiều hơn nữa.

Các vị ấy ăn gì mà có sức khỏe phi thường vậy?

Câu hỏi này bắt tôi phải suy nghĩ tìm tòi. Liệu khẩu phần ăn trên có đủ 24 loại Acid Amin hay không? Nếu thiếu thì sao sức khỏe các vị ấy lại tồn tại và phát triển cơ thể, tinh thần trí tuệ tốt như vậy. (vì có vị đi xuất gia còn rất nhỏ).

Còn nói đủ 24 loại Acid Amin thì không thể đủ được, vì khẩu phần ăn của các vị ấy rất đậm bạc, toàn cơm rau chấm nước tương, mà món này vị tu sĩ nào cũng rất thích. Xin nói thêm về 24 loại Acid Amin, như tôi đã nói ở phần trên, Acid Amin là đơn vị cấu tạo nhỏ nhất của cơ thể, mà mỗi Acid Amin được cấu tạo từ nguyên tố vũ trụ.

Để tạo nên Protid của cơ thể phải có đủ 24 loại Acid Amin (được cấu tạo từ nguyên tố vũ trụ) trong đó 8 loại Acid Amin cần thiết, còn 16 loại Acid Amin còn lại, có khả năng chuyển đổi từ loại này sang loại khác, nếu một trong 16 loại Acid Amin bị thiếu. Riêng 8 loại Acid cần thiết, là phải bắt buộc đưa từ ngoài vào bằng đường thức ăn, hay đường truyền tĩnh mạch (truyền đậm).

Như vậy nhu cầu Acid Amin cần thiết cung cấp qua đường truyền tiêu hóa của

các vị tu sĩ chắc chắn sẽ bị thiếu hụt, để bù lại lượng Acid Amin thiếu hụt đó các vị tu sĩ ấy phải làm gì? Điều này rất thú vị mà khoa học đã bỏ qua hoặc chưa nghiên cứu.

Vậy hãy cùng nhau phân tích vấn đề trên, như quý Tăng ni, Cư sĩ, Phật tử đã biết, thực vật tồn tại và phát triển được là nhờ trao đổi (ăn) trực tiếp với nguyên tố vũ trụ. Động vật ăn thực vật để tồn tại và phát triển, là ăn nguyên tố vũ trụ gián tiếp một lần. Con người ăn thực vật cũng vậy, là ăn nguyên tố vũ trụ gián tiếp một lần.

Con người ăn thịt động vật là ăn nguyên tố vũ trụ gián tiếp 2 lần.

Vậy tại sao con người chúng ta không ăn trực tiếp nguyên tố vũ trụ (ngôi thiên) hoặc gián tiếp 1 lần (ăn chay) để có thức ăn tinh khiết hơn, thuận tiện hơn, chắc chắn sẽ có sức khỏe tốt hơn.

Mọi sự sống trên trái đất này tồn tại và phát triển được đều nhờ trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp với nguyên tố vũ trụ. Xin nói về phần thiếu hụt Acid Amin của các vị tu sĩ. Các vị ấy biết cách bổ sung lượng Acid Amin thiếu từ đường tiêu hóa, bằng phương pháp ngôi thiên, qua hơi thở và cách điều khiển hơi thở, như chúng ta nói ở trên, Acid Amin được cấu tạo từ nguyên tố vũ trụ, nên các vị ấy đưa nguyên tố vũ trụ vào cơ thể bằng đường thở. Có nghĩa là ăn trực tiếp nguyên tố vũ trụ thông qua đường hô hấp. Phương pháp ngôi thiên này Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã lưu truyền cách đây hơn 2.5 00 năm. Nói cho cùng, nếu cơ thể thiếu Acid Amin là do thiếu nguyên tố vũ trụ.
(còn tiếp)



Ảnh: Giác Châu



Làm trụ trì là làm chủ một trú xứ, đảm trách công việc hoằng pháp trong trú xứ đó, hai chức năng quan trọng của trụ trì là đối nội và đối ngoại.



CHỨC NĂNG ĐỐI NỘI VÀ ĐỐI NGOẠI CỦA TRỤ TRÌ

● MINH ĐỨC

Chức năng đối nội của trụ trì bao gồm việc quản lý tự viện và điều hành sinh hoạt Tăng chúng trong tự viện. Làm thế nào để sinh hoạt nội bộ tốt đẹp, quan hệ trên dưới thông suốt, thuận hòa? Thiết nghĩ điều chính yếu là phải tổ chức sinh hoạt trên nền tảng giáo pháp, sống đúng với tinh thần đoàn kết lục hòa.

Mặc dù thân phận của vị trụ trì là người trên, đóng vai trò lãnh đạo nhưng cần phải có thái độ bình đẳng trong sinh hoạt. Trụ trì và chúng Tăng đều có chung một nghĩa vụ là tu tập giải thoát và phục vụ đạo pháp, phục vụ chúng sanh. Tu tập giải thoát là bốn phận đối với bản thân, còn phục vụ đạo pháp, phục vụ chúng sanh là để báo ân đức của Phật và khế hợp với bốn hoài chư Phật. Trụ trì và chúng Tăng đều có những quyền lợi chung, đó là: Thứ nhất, ai tu tập đúng với chánh pháp, chuyên cần tinh tấn

thì thành tựu đạo quả, tu tập ít thì lợi lạc ít, đây là điều tất yếu theo quy luật nhân quả chứ không ai thưởng phạt. Thứ hai là được hưởng các quyền lợi của Tăng đoàn, được bảo hộ của giáo hội và pháp luật nhà nước. Vị trụ trì không tu tập, không sống đúng với tinh thần chánh pháp là đánh mất nghĩa vụ của mình, từ đó, không được thừa hưởng những quyền lợi nói trên. Trên tinh thần phục vụ đạo pháp, phục vụ chúng sanh, vị trụ trì cần phải tích cực hơn ai hết trong mọi hoạt động của Phật giáo. Trong sinh hoạt hằng ngày của tự viện, vị trụ trì phải có thái độ bình đẳng đối với tăng chúng khi làm việc và khi hưởng các lợi ích cá nhân như trong vấn đề tứ sự (ăn, mặc, ở, bệnh).

Ngày xưa, các vị Tổ đức sẵn sàng gánh lấy những công việc nặng nhọc nhất, làm thay cho

Tăng chúng những việc khó làm mà không hề phân chia cao thấp, không câu chấp nặng nhẹ. Chính vì thế mà đức cảm lòng người, ai ai cũng đều tôn kính theo về dưới sự giáo hóa của các Ngài. Các Ngài sống đời sống bình dị không phô trương, chỉ chú trọng việc tích công bồi đức, lấy giáo hóa làm sự nghiệp, tuy không thị uy mà mọi người tôn kính, không phô trương danh tiếng, thân phận mà mọi người quý trọng, không dùng lợi lộc lôi kéo, khuyến dụ mà mọi người nghe theo.

Vị trụ trì là người trên cần phải giữ lễ đối với kẻ dưới chứ không thể tùy tiện cư xử theo ý riêng của mình. Đối đãi với Tăng chúng phải tôn trọng và thành tín, phải công minh, không vì cảm tình hay lợi ích riêng tư mà thiên vị.

Việc của tự viện là việc chung của Tăng chúng, Trụ trì và Tăng chúng đều có trách nhiệm, vì thế



vị Trụ trì không nên độc đoán khi hành sự, mà cần phải hợp mặt chúng Tăng để bàn bạc cách thực hiện, giải quyết các vấn đề trong tự viện, có những việc Trụ trì đóng vai trò chủ xướng nhưng cần phải có sự nhận xét đóng góp và đồng tình của chúng Tăng. Vị Trụ trì không nên xem chúng Tăng là người để mình sai bảo, cất khiến, không nên nghĩ chúng Tăng là người ăn nhờ ở đậu, mà phải nghĩ đó là những cộng sự, là pháp lữ của mình. Có nhiều vị Trụ trì mắc phải sai lầm rất lớn là bắt chúng Tăng làm theo ý mình dù đó là điều không đúng. Đây là cách làm việc thiếu công bằng, dân chủ, không thích hợp với nếp sống văn minh, tiến bộ.

Trong chức năng đối nội của Trụ trì có rất nhiều vấn đề cần quan tâm nhưng chung quy là việc tổ chức sinh hoạt theo chánh pháp và đường lối, chủ trương của Giáo hội, pháp luật, chính sách của Nhà nước. Ngoài ra điều thiết yếu mà vị Trụ trì cần nhớ là đặc nhân tâm.

Về chức năng đối ngoại của Trụ trì, đó là việc ngoại giao, tạo các mối quan hệ tốt với bên ngoài, phát huy chức năng giáo hóa. Trụ trì cần tạo niềm tin yêu nơi chính quyền địa phương và quần chúng. Trụ trì cần nhiệt tình ủng hộ chính quyền địa phương thực hiện các chính sách của nhà nước, khuyến khích Tăng chúng thực hiện tốt các chủ trương nhà nước đề ra, tích cực tham gia các hoạt động công ích, an sinh xã hội. Với tinh thần tùy duyên bất biến, vị Trụ trì cần phát huy tinh thần nhập thế của đạo Phật. Thấy được sự đóng góp tích cực của đạo Phật cho cuộc đời, lợi

ích thiết thực của sự tu hành Chánh pháp thì nhà nước luôn luôn bảo hộ đạo Phật, nhân dân hướng về đạo Phật, ủng hộ đạo Phật giúp vị Trụ trì dễ dàng thành tựu sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, phát huy đạo Phật được thường trụ ở đời.

Đạo Phật đã gắn bó với dân tộc Việt Nam hơn hai ngàn năm lịch sử, trở thành đời sống tinh thần của người dân Việt Nam và đóng một vai trò nhất định trong công cuộc dựng nước và giữ nước, đánh đuổi các thế lực ngoại xâm: phong kiến, thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập, tự chủ

nước nhà. Đó là nhờ vào sự vận dụng tinh thần tùy duyên bất biến, sự phát huy tinh thần nhập thế với lý tưởng Bồ Tát của Đạo Phật. Làm Trụ trì lãnh đạo Tăng Ni, Phật tử, chúng ta nên ghi nhớ điều này để nối bước chư vị Tổ sư tiền bối, tiếp tục làm rạng rỡ, vẻ vang những trang sử vàng Phật giáo. Điều cốt yếu để thực hiện tốt chức năng trụ trì là sống và làm việc trên nền tảng Chánh pháp, đối nhân xử thế hợp tình người lẽ đạo, có tinh thần phụng sự, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của đạo pháp và dân tộc vì lợi lạc chúng sanh. ■

CẨM TÁC

*Tìm về bản thể nguồn chơn
Vượt ngàn dốc đến Linh Sơn Bửu Thiền
Chìm trong cảnh tịch non thiêng
Bao trần cấu, bao ưu phiền biến tan!*

VŨ KHÁNH

MỘT VÀI LƯU Ý KHI SỬ DỤNG HỘP THƯ ĐIỆN TỬ.

Trong thời gian qua, chúng tôi có nhận được một số bài viết gửi qua đường Email. Để thống nhất cách gửi và nhận, chúng tôi xin trao đổi mấy vấn đề sau:

1. Gửi theo mặc định: Chỉ dùng duy nhất một font Arial (font mặc định). Font này trong hệ thống Unicode, và gõ tiếng Việt có dấu.

2. Gửi theo dạng Attach: Gõ nội dung vào Word, ngoài cách trên, có thể dùng Font phổ thông trong văn bản là VNI-Time (xác lập bộ gõ cho phù hợp)

Cho dù sử dụng cách 1 hoặc 2 thì cũng không nên trang trí và sử dụng kèm cặp thêm các Font khác mà chỉ sử dụng 1 Font, 1 kích cỡ duy nhất. Khi bài vở nhận xong, chúng tôi sẽ làm những việc còn lại nếu thấy cần thiết.

Để đáp ứng cho nhu cầu gửi và nhận. Bắt đầu từ số này, Quý vị có thể chọn 1 trong 2 địa chỉ sau để gửi:

Địa chỉ 1: noisanvouu@gawab.com

Địa chỉ 2: hopthu@pmail.vnn.vn



Ý KIẾN BAN ĐỌC

PHẬT GIÁO DAKLAK CẦN CÓ HƯỚNG DẪN NHIỆM VỤ VÀ ĐIỀU CHỈNH CƠ CHẾ CHÙA

● THIÊN TÂM

Phật giáo đã thể hiện trên đất nước ta trên 2.000 năm. Để hoàng dương chánh pháp, đạo Phật luôn thể hiện “tùy duyên” để hóa thân trong xã hội, nên từ thuở ban đầu đặt nền móng cho Phật giáo Việt Nam và suốt chặng đường xây dựng và phát triển, hình thành các cơ sở Phật giáo như chùa, viện... cho “tứ chúng đồng tu”. Chư Tổ, Thiền Sư Tôn đức đã gây dựng theo xu thế từng thời đại và bối cảnh từng vùng, miền... các chùa được truyền đăng nối tiếp có chư Tăng Ni trụ trì hành đạo, do vậy đã có nề nếp thiền môn và cũng cải thiện các tập tục dân gian phù hợp với Đạo pháp.

Tỉnh Daklak, đạo Phật mới hiện diện hơn 50 năm, khởi đầu là Chùa Sắc Tứ Khải Đoan, đến nay đã phát triển rộng khắp tỉnh và đã có trên 100 cơ sở Phật giáo. Nhưng việc xây dựng cơ sở Phật giáo trên miền đất bazan này lại có đặc thù riêng. Duyên khởi từ năm 1960 trở lại, tức là thời kỳ Nhân ước (trước và sau năm 1975) mới chú ý khai phá vùng đất đai màu mỡ Tây Nguyên, đất rộng người thưa. Từ đó đưa nhân dân miền xuôi đi xây dựng vùng kinh tế vào vùng đất này, gốc người lên đây gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và các tỉnh miền Bắc... Vì đa số nhân dân Việt Nam là tín đồ Phật giáo hoặc tín ngưỡng truyền thống thờ cúng tổ tiên (Lương giáo cũng đến chùa lễ bái).

Khi đến vùng đất mới định canh định cư, lập những thôn xóm còn rừng núi hoang vu, hạn chế sự lưu thông, trong khi đó nhân dân cần việc tụ họp người “cùng hội” để giao lưu tâm tư trong cuộc sống và nhất là tín ngưỡng, tôn giáo nên đã cùng nhau tự gây dựng nơi hội tụ, lấy đó là Chùa hay Niệm Phật đường là nơi thờ tự, lễ bái nương tựa tâm linh và cũng là nơi chia vui xẻ buồn... Ban sơ chỉ là những gian nhà bằng nguyên liệu tranh tre, từng bước với sự nhiệt thành đầy tâm nguyện mà nhiều nơi đến nay đã được nâng cấp củng cố thành các chùa khang trang, thành lập ban quản lý và hướng dẫn sinh hoạt. Hầu hết các chùa nằm trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hiện nay, các chùa thực hiện cơ chế bầu cử Ban Đại diện chùa từng nhiệm kỳ theo quy định của Tỉnh hội Phật giáo Daklak, Ban Đại diện chùa quản lý, điều hành công việc chùa và đại diện cho tín đồ Phật giáo tại địa phương. Về Tỉnh hội Phật giáo Daklak rất ít tu sĩ, nên hầu hết các chùa không có chư Tăng trụ trì, do đó Ban Đại diện toàn là Cư sĩ, do vậy các sinh hoạt của nhà chùa đều tùy theo sự nhiệt tình và hiểu biết Đạo pháp hay tín ngưỡng của một vài vị trong Ban Đại diện chùa, nên không tránh khỏi có số



chùa không thể thực hiện được “Đoàn kết hòa hợp...” mà đoàn kết hòa hợp lại là yếu tố quan trọng đem lại thuận duyên để “... Trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội”. Ngoài ra, có nơi còn sinh hoạt pha tạp, lẫn lộn nhiều tín ngưỡng dân gian... gây hiểu sai đạo Phật.

Các Cư sĩ tham gia Ban Đại diện, phụng sự Đạo pháp phải tán thán là người hăng công hăng sản, có tâm nguyện đáng trân trọng, nhưng tùy chỗ tùy người có những khiếm khuyết hạn chế.

- Về sinh hoạt nếu sai lệch chánh pháp sẽ đẩy lớp trẻ tiến bộ, có văn hóa bị hoang mang qua tìm hiểu Phật học bằng kinh sách và đối chiếu thực tế các hoạt động tín ngưỡng ở Chùa.

- Một vài vị (Ban Đại diện) vẫn có tính cách lão làng, tư tưởng bảo thủ, chủ quan duy ý chí, địa vị hình tướng, biểu hiện cục bộ phe nhóm... làm đẩy những người nhiệt tình, có thiện chí khó góp sức và đến chùa. Vì chùa như vậy không còn là nơi thanh tịnh và khó trao đổi học hỏi chánh pháp...

Đại đa số Phật tử đều khát ngưỡng và mong muốn có Chư Tăng Ni trụ trì Chùa để được tu học căn bản Phật pháp, tu tập hành trì đúng pháp hầu tinh tiến trên đường Đạo. Nhưng cũng có người chỉ nhận Chư Tăng Ni như để giữ Chùa, trong đó có Vị Ban Đại diện là chướng ngại. Dù không tuyệt đối hóa vai trò của chư Tăng Ni với quá trình phát triển đạo Phật, nhưng với truyền thống “Tôn sư trọng đạo” và quá trình lịch sử Phật giáo Việt Nam, do đó xin phải loại trừ tư tưởng xem nhẹ vai trò và vị trí của chư Tăng Ni, phải trân trọng chứng nhận vị trí chư tôn Thiền Đức đối với quá trình tiến triển cho đạo Phật có được ảnh hưởng, địa vị trong lòng xã hội, dân tộc Việt Nam.

Đạo Phật không đặt nặng giáo điều và giáo quyền, nhưng cũng phải có phân định để tránh sự hỗn độn không kỷ cương, mới ổn định cơ cấu, thúc đẩy hoạt động tiến bộ. Phải duy trì phẩm vị của chư Tăng Ni, chẳng những hiện tại và cả tương lai của đạo Phật với xã hội Việt Nam. Tăng Già là người lãnh đạo Giáo hội, Cư sĩ là thành phần cộng sự. Trong các Phật sự (ban, ngành) phải có Cư sĩ tham gia và góp ý kiến là rất cần thiết (trừ ngành đặc thù Tăng Già). Một tổ chức có hệ thống, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và biết phối hợp đoàn kết mới có sức mạnh và phát triển. Vì vậy nên phải tránh xa được những biểu hiện bảo thủ, độc tôn tự đại, cục bộ... (cả tu sĩ và cư sĩ). Khi có được điều này thì đạo Phật mới thực hiện được tiêu chí, đem tư tưởng đạo Phật tác động sâu rộng trong đời sống xã hội nhân dân ta. “Phật giáo từ thế gian sinh ra và phải vì thế gian”.

Với Phật giáo xét quan điểm về phương diện hệ thống thì thấy không được tổ chức quy củ, cơ chế chức năng và nhiệm vụ không có bài bản cụ thể. Nhưng thời đại mà Phật giáo cần thấy, vì cũng phải song hành với xã hội hiện nay, thời kỳ trình độ khoa học kỹ thuật, dân trí đã cao. Phật giáo Việt Nam cũng phải điều chỉnh cơ chế hoạt động tương ứng với xã hội, đặt vấn đề tổ chức, quản lý điều hành... sao để không bị tụt hậu. Vì vậy, nên cần có văn bản hướng dẫn, quy định về chức năng, nhiệm vụ..., dù rằng tùy chỗ tùy nơi có thể “tùy duyên” điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp, cũng không sai lệch. Cũng nên biết rằng tình hình chư Tăng Ni có vị có khuynh hướng thu mình trong Tự viện và cũng có Cư sĩ có vị chỉ “hữu danh” vì không muốn khó khăn với công việc, hay không thấy việc... thờ ơ không có trách nhiệm công việc được giao.



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Với tình hình rất ít chư Tăng của Tỉnh hội Daklak (so với các Tỉnh hội phía Nam) nên khó khăn nhân sự chỉ đạo hoạt động Phật giáo tại cơ sở. Ban Trị sự Tỉnh đã cung cấp Ban Hộ tự chùa (theo hiến chương) lên thành Ban Đại diện Chùa chủ yếu tăng nhân sự và nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu Phật sự. Nhưng khi chùa có Thầy trụ trì, có các vị trong Ban Đại diện không tách rõ được việc nào của Chùa và phần việc nào của Ban Đại diện, nên đã hiểu lộn lạo xen lẫn. Nhìn lại cuộc bầu cử Ban Đại diện Phật giáo nhiệm kỳ 2002-2007 tại Tỉnh nhà, có nơi đã xảy ra tình trạng Thối đời đã lấn lướt Nghĩa đạo, đã cho thấy vì chủ quan thiếu sâu sát để chỉ đạo. Không thể để quan điểm việc Đạo, vì việc Đạo không có lợi ích vật chất gì. Thiển nghĩ Tỉnh hội Phật giáo Daklak nên quan tâm:

- Chùa có chư Tăng Ni trụ trì, chỉ tổ chức Ban Hộ tự chùa để trợ giúp cho Vị trụ trì. Ban Hộ tự do vị trụ trì để cử từ 3 đến 5 người, qua sự đồng ý của đa số Phật tử (danh sách thông qua chính quyền địa phương chứng nhận và trình lên Ban Trị sự).

- Ban hành văn bản hướng dẫn nhiệm vụ, chức năng của các Ban Đại diện chùa và Huyện hội Phật giáo, từ đó cũng là nội dung phương hướng để các Ban ngành Ban Trị sự Tỉnh hội bám sát chỉ đạo.

- Ban Đại diện Huyện hội Phật giáo, nếu có chư Tăng trụ trì Chùa trong Huyện phải được thỉnh vào chức vụ Chánh Đại diện, nếu vị Tăng không thể đảm nhiệm (khả năng hành giáo) phải thỉnh vào chức vị chứng minh cho Ban Đại diện (dù chỉ là tượng trưng).

- Trình HĐTS/TƯ Phật giáo và đề xuất chính quyền Tỉnh giúp đỡ cho bổ sung tiếp nhận chư Tăng Ni có kiến thức, đức hạnh đến trụ trì các Chùa, mỗi huyện ít nhất có từ 3 đến 5 vị, có như vậy đạo Phật mới thống nhất hành đạo đúng chánh pháp, có trách nhiệm thực hiện đường hướng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mới có khả năng hoằng dương Đạo pháp đến với các dân tộc địa phương.

Phật giáo Việt Nam từ ngàn xưa, Chư vị Thiền đức lập lý tưởng cao đẹp, lấy mục tiêu là phục vụ xã hội và dân tộc không vì danh tước, lợi lộc... Các Ngài hoằng dương, đạo lý hướng dẫn thiết thực cho con người điều chỉnh, cân bằng nhu cầu vật chất và tinh thần trong đời sống, con người biết tự chủ, tự kiểm chế, rèn luyện đạo đức, biết tương kính yêu thương, bao dung và tương trợ để cho cuộc sống xã hội điều hòa, thăng hoa. Vì thế đạo Phật có được vị trí trang trọng trong xã hội và dân tộc Việt Nam.

Truyền thống là những sự kiện đã thử thách, được chấp nhận thành nề nếp. Giữ gìn giá trị truyền thống và bốn phận của Phật tử, chẳng thể vô tình, thiếu thông tuệ để ảnh hưởng giá trị phẩm vị của Pháp Phật. Phải nhận biết khuyết điểm, phân tích và chấn chỉnh mới học được kinh nghiệm để là tốt hiện tại và cả ngày mai, đó là một yếu tố cần thiết cho sự phát triển, thì sẽ tạo ra sự tiến bộ mới cho Đạo Pháp và xã hội. Đó cũng là lý tưởng “tùy duyên nhưng bất biến” trở thành điểm đặc trưng quan trọng mà đạo Phật có, để Phật giáo tồn tại lâu dài và tiến triển rộng khắp.*

Ghi chú:

* Từ ngữ tên gọi “Ban Hộ tự” và “Ban Đại diện” có vị trí pháp lý khác nhau.

* Thuật ngữ “người cùng hội” tức cùng hoàn cảnh.



Trong thời gian qua, Nội san Vô ưu được tác giả Trần Trọng Trí gửi bài vở về cộng tác một cách nhiệt tình bao gồm nhiều thể loại và nhiều đề tài phong phú.

Dần dà, chúng tôi hiểu ra anh đã gắn bó với Thơ, truyện ngắn, khảo luận từ thập kỷ 50, 60 của thế 20. Nhiều tác phẩm anh đã cho ra mắt bạn đọc như: *Bến tâm hồn*, *Hoa muôn phương* (thơ), *Tình bạo loạn*, *Giọt nước mắt muôn màng* (truyện ngắn), *Hồ nam bộ*, *Giai điệu cội nguồn* (khảo luận)... Và nhiều bài viết đăng rải rác trên các báo đã khẳng định sự bền bỉ của mình đối với Văn học Nghệ thuật như anh đã có lần tâm sự: “Tôi làm thơ... như gió phải lay cây, như trăng rải ánh sáng cho đêm tối. Tôi là người chịu ơn Thơ, tôi phải đền ơn, đáp nghĩa cho Thơ...”

Trần Trọng Trí sinh năm 1942 tại Long Kiến, An Giang. Anh là một nhà giáo đồng thời cũng là Hội viên hội VHNT An Giang. Anh như cánh chim lặn lội nhiều với miền đất này nên thơ văn của anh mang hơi thở của sông



TỪ CHÂU THỎ SÔNG NƯỚC ĐẾN CAO NGUYÊN XANH THẮM

● TIẾN THẢO

nước Nam Bộ.

Anh đến với Nội san Vô ưu bằng những bài viết với đề tài Phật giáo. Nhân dịp NS.Vô ưu chào mừng kỷ niệm Ngày Đản sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni PL 2548. Chúng tôi trân trọng giới thiệu anh với độc giả Vô Ưu - một người sinh ra và lớn lên ở Vùng Châu thổ sông Cửu Long nhưng vẫn thiết tha với sự nghiệp hoàng dương Phật pháp ở miền đất Tây Nguyên này.

Sau đây là một trong những bài thơ anh vừa gửi đến cho chúng tôi:

TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Kính tặng TT.Giác Mỹ
- Viện chủ Tịnh xá Ngọc Ánh

*Thâm trầm xa vắng tiếng
chuông đưa*

*Như gọi lòng ai cảnh muối dưa
Địu dặt xua tan cơn giận dữ*

*Bàng hoàng khơi động giấc mơ
xưa*

*Cũng mong nương bóng... với
sầu khổ*

*Nhưng trót đem thân... phải sống
thừa*

*Nguyện với Ba ngôi lời sám hối
Nợ trần vay trả biết xong chưa?*

TRẦN TRỌNG TRÍ

Giới thiệu thơ

Ban Biên tập đã nhận được 2 tập thơ của các thi hữu gửi tặng:

1. HƯƠNG ĐỜI QUÊ MẸ của Liên Thao, NXB Văn Nghệ Tp.HCM ấn hành tháng 12/2003. Liên Thao tên thật là Phạm Thao, Phan Ngọc Ấn là thầy thuốc nghỉ hưu, hiện đang sống tại TP. Phan Thiết. Trong 2 năm, Anh đã xuất bản 5 tập thơ: *Cội nguồn xuân*, *Bút xưa V*, *Cội nguồn Hạ*, *Những nẻo tình thơ*, *Hương đời quê mẹ*. Gần đây anh đã cộng tác với NS. Vô Ưu.

2. TƯỢNG NHỚ của Kiều Trung Phương, NXB Thuận Hóa Huế phát hành tháng 12/2003. Kiều Trung Phương tên thật là Trần Văn Thuận, sinh năm 1941, quê ở Thừa Thiên Huế. Sự nghiệp thơ văn của anh đã góp mặt trong nhiều tập thơ tuyển từ năm 1958 đến nay. Tượng nhớ là tập thơ thứ 2 của Anh sau *Gỗ đá buồn* (1972). Hiện tại anh đang cộng tác với NS. Vô Ưu.

Chân thành cảm ơn và chúc mừng các thi hữu, trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc yêu thơ.



Thiền Viện

Trúc Lâm Đà Lạt

Du khách có dịp đi nghỉ mát Thành phố Cao nguyên Đà Lạt, với thác mộng đời mơ, mà không đến tham qua công trình kiến trúc Phật giáo độc đáo Thiền viện Trúc Lâm là điều vô cùng thiếu sót.

Tái hiện Thiền Tông Trúc Lâm Yên Tử

Thiền viện Trúc Lâm đã làm sống lại tinh thần Phật giáo Thiền Tông đời Trần (thế kỷ XIII - XIV). Chính vua Trần Nhân Tông đã lãnh đạo đất nước chống Nguyên - Mông hai lần chiến thắng vẻ vang, và nhường ngôi lại cho con là Trần Anh Tông, chọn con đường xuất gia tu hành tại núi Yên Tử với Pháp hiệu Trúc Lâm Đầu Đà. Cuộc đời tích cực hành đạo của Ngài ứng xử thực tiễn ngoài đời sống xã hội, tham gia việc nước, nhưng vẫn không màng danh lợi trần thế. Đường lối tu tập dẫn đến bản thân thanh tịnh, lòng không còn vướng mắc may ngoại cảnh và tự tánh hiển lộ. Đó là thực trạng bình ổn nội tâm, không cần tìm kiếm cực lạc ở cõi Tây phương xa xăm diệu viển, được thể hiện qua câu kệ kết thúc bài thơ Phú “Cư Trần Lạc Đạo”

“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

*Cư tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch*



Ảnh: Thích Huyền Ý

● TRẦN TRỌNG TRÍ

Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền”

(Trúc Lâm)

Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch:

*Ở trần vui đạo hãy tùy duyên
Đối đến thì ăn, nhọc ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm*

Đối cảnh không tâm, chớ hỏi thiền

... Từ khu vực Hòa Bình thuộc trung tâm Thành phố sương mù... đi đến giữa đèo Prenn, theo con đường tay phải lần lượt đến hồ Tuyền Lâm (nay gọi là Quang Trung) dẫn đến Thiền Viện Trúc Lâm khoảng 10 cây số. Du khách đi trên con đường vòng theo núi lên Thiền Viện,



xa xa thấp thoáng ẩn hiện lâu chuông và mái nóc Chánh Điện giữa ngàn thông vi vu gió, tâm hồn thơ thới như thoát cảnh đời tham luyến thế tục. Lúc đến ngã rẽ, theo tay phải con đường láng nhựa là đến cổng với 61 bậc thềm, hoặc thẳng đến hồ Tuyền Lâm rồi vượt 222 bậc cấp qua 3 cổng Tam quan vào trước chánh điện.

Thiền Viện Trúc Lâm tọa lạc trên ngọn đồi diện tích 24ha tựa lưng vào núi Phượng Hoàng thuộc đồi Thanh Lương, quanh năm bao phủ bởi rừng thông xanh biêng biếc. Phía cảnh phải là đồi Mã Yên (yên ngựa) phía trái là đồi trà ngút ngàn xanh um mát dịu tầm mắt. Chính giữa hai ngọn đồi thơ mộng và hữu tình đó là cảnh quan Trúc Lâm, nổi tiếng trông tựa hồ bông sen thắm đậm đời sống thanh tịnh. Diện tích xây Thiền Viện chiếm khoảng 2ha gồm 2 khu: nội và ngoại viện. Nội viện chia 2 khu vực Tăng và Ni. Ngoại viện là khu đất rộng phẳng lì, độ cao 1.300 mét (so với mặt biển) nơi đây gồm nhiều công trình tiêu biểu của Thiền Viện được xây dựng do Kiến Trúc sư Ngô Viết Thụ phác thảo cùng sự hợp tác của Kiến Trúc sư Nguyễn Tín, Thầy trị sự Thích Thông Tạng và nhiều Tăng - Ni, Phật tử đóng góp.

Sau gần 2 năm thực hiện, Thiền Viện hoàn tất và khánh thành vào ngày 19-3-1994. Đây là ngôi Chánh Điện uy nghi đường bệ ở vị trí Trung tâm. Một vườn hoa trước sảnh đường tiếp tân, sắc màu rực rỡ, với nhiều loại cây kiểng quý, có giá trị kinh tế cao. Tại triển dốc xuống phía trước

cổng là một hồ nước nhân tạo do công sức lao động của Tăng, Ni, Phật tử ra sức đào, dung chứa khoảng 15 ngàn mét khối để Tăng Ni, Phật tử tắm rửa sử dụng. Công trình kiến trúc Thiền Viện vừa cổ kính vừa tân kỳ kết hợp nhuần nhuyễn nghệ thuật kiến trúc thuần phác phương Đông. Mặc dù không hoành tráng, nhưng rất công phu mang đậm đường nét cổ đại Trung Quốc kết hợp hài hòa nét phóng khoáng hiện đại Nhật Bản. Mặt tiền Thiền Viện được ghép nhiều khung gỗ chạm khắc hoa văn tỉ mỉ trông thanh thoát, đáng vẻ trang nghiêm. Cột kèo xây dựng hoàn toàn bằng danh mộc quý, bóng loáng tăng vẻ mỹ quan, mang sắc thái vừa cổ sơ vừa hiện đại. Mái ngói đỏ rực hai tầng, uốn cong vút trông trắng lẹ, uy nghi.

Phần trang trí trần viện cũng được thiết kế ván ghép sơn màu đà bóng láng. Trong cùng nội viện tôn trí Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sơn son thiếp vàng ngự trên bệ thờ chạm trổ hoa văn tinh tú bằng đường nét văn hóa dân tộc thể hiện tinh thần Phật giáo tôn nghiêm kính cẩn từ ái chan hòa. Ngôi nhà tiếp khách ở cánh phải Thiền Viện có một tầng gác làm bằng gỗ trang nhã. Cánh trái là Tham Ván đường, bao bọc bởi dàn cửa kiến trong suốt pha lê. Trước nhà khách và Tham Ván đường là lầu chuông, mái ngói hai tầng đỏ au, bên trong treo Đại hồng chung có chạm khắc bài kệ **“Cáo tật thị chúng”** của Mãn Giác: **“Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận - Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”**. Tạm dịch: **“Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết - Đêm qua sân trước một cành mai”**. Nơi Thiền Viện tiếp

giáp Hồ Tuyền Lâm là cổng tam quan, có đôi liễn đối:

*Thiếu thất cửu niên đãi ngộ
Thần Quang truyền tâm ấn*

*Trúc Lâm thập tải dĩ tương
thập hỉ hóa nhân gian*

Dịch:

*Thiếu thất chín năm đợi gặp
Thần Quang truyền tâm ấn*

*Trúc Lâm mười kỷ đã đem
thập thiện hóa nhân gian.*

Thiền Viện đúng là nơi thực tế tu tập ba học pháp: Giới - Định - Huệ rất phù hợp với giáo lý đức Phật, được Thiền Tông Phật Giáo Việt Nam triều Trần áp dụng, nay tái hiện Thiền phái Trúc Lâm do Hòa thượng Thích Thanh Từ xiển dương những đặc điểm sâu sắc đó, nhằm phục hưng niềm tự hào dân tộc cho Phật tử nước nhà.

Đứng trên Thiền Viện Trúc Lâm nhìn xuống trông rõ toàn cảnh hồ Tuyền Lâm được xây thành chữ Tâm. Thật là: **“Tam điểm như tinh tượng - Hoành câu tợ nguyệt tà - Phi mao từng thử đắc - Tổ Phật đã do tha”**.

Thiền Viện Trúc Lâm là công trình văn hóa đặc sắc có sức thu hút du khách mọi miền đất nước về thưởng ngoạn danh lam thắng cảnh, tận hưởng cái khoáng đạt của phong cảnh thiên nhiên với nhiều kỳ hoa, dị thảo, chiêm bái vẻ đẹp trác tuyệt của công trình mang đậm tính dân tộc.

Kết hợp với những công trình trên, trong phút giây tĩnh lặng thư thái tâm hồn, du khách bất giác trở về thời quá khứ hình dung thời Thiền phái Trúc Lâm trên non cao Yên Tử mà Sơ Tổ Giác Hoàng đã vun đắp và truyền thừa cho đời sau. ■



Ngày ấy tại một vùng kinh tế mới xa xôi.

Trong ngôi chùa lá nhỏ nằm cạnh chân núi, Thầy trò tôi đã có một đời sống tu hành đậm bạc yên vui. Sáng sáng Thầy cùng các vị sư huynh ra vườn cuốc đất trồng cây. Tôi mới hành điệu, lại yếu ớt nên được phân công lo chuyện cơm nước. Những chiều nắng gắt hoặc mưa dầm, Thầy thường dạy chúng tôi học giáo lý, học chữ nho... Cuộc sống cứ bình lặng trôi qua như thế...

Một lần có người đem đến chùa một con Bê. Thầy tôi nhận nuôi với ý định lấy phân chằm bón cho vườn cây mới gầy dựng, Thầy vốn rất yêu thương loài vật, nên xem con Bê như một thành viên mới trong chùa. Thầy giao nó cho hai chú điệu Hạnh Tri, Hạnh Lễ chăn giữ. Khi con Bê được một năm tuổi

thì nó đã trở thành con bò mộng to lớn, với bộ lông màu vàng óng ả. Thầy tôi thường vuốt ve và gọi nó bằng cái tên “Vàng” thật trìu mến. Thầy còn nói nó là con Bò có bộ lông đẹp nhất, còn đôi mắt rất đôi hiền lành trong sáng như trẻ thơ.

Riêng tôi thì không hề ưa thích nó chút nào cả. Tôi luôn thấy nó dữ dằn đáng sợ. Với đôi chân khỏe khoắn, lúc nào nó cũng sẵn sàng đá vào bất cứ ai tiến đến gần nó. Nó lại còn phe phẩy cái đuôi đáng ghét, vừa như đang tự mãn sau bữa ăn, vừa như muốn xua đuổi hết mọi vật xung quanh.

Tôi thật sự ghét nó nhất, kể từ hôm Thầy tôi bắt ngờ bảo tôi cũng phải thay phiên đi chăn Bò. Do hai chú điệu cứ phân bì với tôi. (thể còn việc bếp núc trong chùa, tôi có bao giờ nạnh hẹ với mấy chú đâu). Tôi cảm

thấy uất ức, chưa biết phải nói gì thì Thầy đã ôn tồn bảo:

- Hai chú nhỏ ham chơi quá, cứ để Bò dẫm nát ruộng vườn của người ta. Con lớn phải có trách nhiệm nhắc nhở và phụ giúp mấy chú coi con Vàng dùm Thầy.

Tôi không thể cãi lời Thầy, nên đành làm một kẻ chăn Bò bất đắc dĩ. Công việc không lấy gì làm khó nhọc lắm. Mỗi chiều tôi chỉ việc ra mở cửa chuồng (tôi chỉ giữ buổi chiều) cầm sợi dây ràng nơi mũi nó, dắt đến một bãi cỏ nào đó rồi buộc dây vào một gốc cây. Sau đó bỏ mặc cho nó tha hồ gặm những cọng cỏ non xanh mướt... Tôi cũng đi tìm một bóng cây im mát, ngồi xuống mở Kinh ra học. Hoặc có lúc tôi thả tâm tư mình theo dõi những áng mây bàng bạc trên không, hay nhìn ngắm mấy dãy núi cao xa tít chân trời.

TRUYỆN NGẮN

Chuyện con Bò Vàng

(BÀI HỌC ĐẦU TIÊN)

● LAM KHÊ



Ảnh: Đào Thọ



Nếu mọi việc cứ mãi bình lặng như thế không có việc gì phải nói... (bởi lẽ bản tính nó không được hiền lành như thầy tôi đã nhận xét). Mỗi khi có cơ hội thì nó liền tìm cách thoát đi, để được tung tăng chạy nhảy hết khu vườn này để đám ruộng khác cho thỏa cái chí bình sinh. Thế rồi cái chuyện để cho Bò dẫm đạp, ăn lúa bị người ta đến chùa mắng vồn, không chỉ xảy ra một vài lần. Dĩ nhiên tôi bị quy trách nhiệm nhiều nhất. Tôi hậm hực lắm và nghĩ cách phải tống khứ con Vàng đi cho sớm.

Một hôm, lại có người đến mách với thầy là đám bắp mới ra hoa của họ bị bò phá nát. Thầy tôi buồn bực ra mặt. Vì sợ quả trách, lại muốn trút hết những gì đè nén lâu nay, tôi liền mạnh dạn bước đến thưa trước với thầy:

- Con thấy con Vàng không đem lại chút lợi ích nào cho chùa cả, mà toàn gây ra những chuyện phiền phức. Thôi thì Thầy nên bán quách nó đi, lấy tiền mua phân bón cây mà được việc hơn, và chúng con cũng không phải đi chặn giữ cực khổ.

Trước những lời nói ngây ngô của tôi, Thầy chỉ trầm ngâm im lặng. Ít lâu sau, một người ở xóm trên đến thưa chuyện gì đó với Thầy. Khi ông về rồi, Thầy mới gọi mấy huynh đệ tôi đến nói:

- Thầy sẽ giao cho con Vàng cho ông Hai nuôi giữ. Rồi ông sẽ cho lại chùa vài xe phân bò và một ít cây giống. Từ nay các con không phải chặn giữ nó nữa.

Tôi mừng lắm, nhưng vẫn

làm bộ băn khoăn ái ngại hỏi Thầy:

- Nhưng ông ta có làm thịt nó không Thầy?"

- Không! Thầy đã hỏi kỹ rồi mới bằng lòng. Ông đem nó về nuôi chung với mấy con bò ở nhà để lấy phân... Thầy thấy ông cũng hiểu đạo...

Tôi biết Thầy rất quý con Vàng. Nay phải đem giao cho người khác là việc chẳng đáng dừng. Tuy có chút áy náy, nhưng tôi cảm thấy nhẹ hẫng người. Thế là từ nay tôi sẽ không còn phải lo lắng khổ sở vì chuyện con bò Vàng này nữa.

Ngày người ta tới bắt nó, các huynh đệ ai cũng chạnh lòng lưu luyến. Con Vàng dường như có linh cảm điều gì, nó cứ ghi chặt lại không chịu bước. Hai người thanh niên vạm vỡ mà cũng không làm lại. Đến lúc này, Thầy tôi mới đến gần nó, vỗ vỗ vào lưng và nói với nó mấy câu gì đó. Rồi Thầy quay lại bảo với chúng tôi:

- Các con hãy đưa nó một đoạn. Có người quen dắt nó sẽ chịu đi.

Tôi nhanh nhẹn cầm lấy sợi dây đi lên phía trước. Hai chú điệu cũng đi kèm theo hai bên lưng nó. Con Vàng nặng nề bước từng bước theo chúng tôi. Thỉnh thoảng nó chùn chân như muốn quay đầu lại. Tôi nhìn vào đáy mắt trông đượm vẻ buồn bã của nó, nhưng vẫn không có ý niệm gì cả.

Khi về đến cổng nhà, ông Hai vội dành lấy sợi dây trên tay tôi rồi nói:

- Thôi để bác dắt nó vào nhà được rồi. Các chú trở về chùa đi.

Tôi nhìn vào nhà ông qua hàng rào dâm bụt, thấy ngoài sân có rất nhiều người, họ đang sửa soạn gì đó và có vẻ nhốn nháo lắm.

Con vàng lại trở chứng không chịu đi theo người chủ mới. Mấy người trong nhà chạy ra phụ lôi kéo và đánh tới tấp vào mõng con vật. Con Vàng kêu rống lên và cố trì lại. Tôi thấy bất nhẫn quá mà không biết phản ứng ra sao. Cảm nhận có điều gì đó bất thường, nên tôi chưa vội ra về.

Sau đó, những gì xảy ra quả thật quá sức tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ. Ở giữa sân họ đã giăng sẵn một sợi dây thừng. Khi người ta dắt bò đi ngang qua sợi dây, một người khác đứng gần đó giật mạnh sợi dây làm cho hai chân trước của nó ngã khụy xuống... Một người khác thì cầm con dao nhọn hoắt nhào tới đâm vào cổ con vật. Một dòng máu phun bắn lên... đỏ thẫm. Cả một đám người vây lấy con Bò tội nghiệp... Tôi thoáng thấy một vài người bà con của mình cũng có mặt ở trong đó.

Con Vàng vẫn chưa chết... Nó kêu lên mấy tiếng thảm thiết cuối cùng, rồi giẫy giụa một hồi... Trước khi nằm yên nó còn kịp quay đầu nhìn ra ngoài. Lúc này tôi nhìn thấy rất rõ hai hàng nước mắt đang chảy dài trên khuôn mặt của nó. Mọi người phấn khích bận rộn đến những miếng thịt sẽ được dự phần, nên không buồn chú ý đến chúng tôi. Bàng hoàng vì cảnh tượng khủng khiếp vừa xảy ra, hai chú điệu ù té chạy về chùa. Còn tôi vẫn đứng chết lặng tại



chỗ. Chứng kiến cảnh con Vàng bị phân thây xẻ thịt mà lòng quặn đau như chính mình đang bị người ta đâm dao vào ngực.

Lần đầu tiên tôi xúc động thật sự khi nhìn thấy những giọt nước mắt rơi ra từ con bò. Lần đầu tiên tôi cảm thương sâu sắc bởi cái chết thương tâm của nó; và lần đầu tiên tôi thấy người ta tàn ác như thế nào khi hạ thủ một con vật vô tội. Cái chết của con Vàng đã biến thành một bữa tiệc ngon cho cả xóm. Trong đó có những người mà Thầy tôi thường tin tưởng. Thầy chắc sẽ đau lòng lắm và trách mình sao quá tin vào người khác. Nhưng nếu tôi không hối thúc quá, không bê trễ công việc và không quá ích kỷ thì Thầy không quyết định vội vàng như thế.

Cả ngày hôm đó và rất nhiều năm sau này, tôi vẫn không làm sao quên được ánh mắt của con Vàng. Lúc biết mình đã rơi vào tay người xấu, nó nhìn tôi chỉ thoáng vài giây thôi mà đầy vẻ trách móc buồn bã. Trái tim của một con thú từng được mệnh danh là “ngu như bò” cũng đã biết khóc. Nó khóc cho sự dã tâm và nhiều toan tính của con người. Nó khóc vì không làm sao thoát được thân phận phải làm miếng mồi ngon cho miệng thế. Tôi cảm thấy mình có lỗi thật nhiều... Có lỗi với Thầy, với con Vàng, và với tâm nguyện xuất gia ban đầu của mình. Thầy tôi không nói gì cả... mãi mãi không bao giờ nhắc đến chuyện con bò Vàng ấy nữa. Nhưng tôi thì không cho phép mình được quên. Tôi nhớ để luôn tự nhắc nhở với lòng mình rằng: Một sinh vật dù nhỏ bé

cũng cần được sống, được bảo vệ dùm học bằng tấm lòng nhân ái của con người.

Bài học đầu tiên của tôi về tình thương đối với muôn loài cũng bắt đầu từ đây. ■

DẤU TÌNH RƠI

1. Dấu ngày lẫn khuất
mây chơi
Non thiêng nghe có một người
cổng non
Đem lòng rửa suối
mưa mong
Hóa duyên
duyên lại đèo bông
nợ vay
2. Đèo em lên núi
lìm ngày
Vườn nơi dâu
Chẳng về đây với người!
Tìm mình vương phải
hổ người
Chông chênh bóng núi
hình rơi dưới trời
3. Ai còn nặng nghiệp
thế duyên
Lên non tìm bóng
hư huyền
không không

KIỀU TRUNG PHƯƠNG

Tịnh độ là đây

Ta là kẻ rong chơi trên trần thế
Mãi sa đà chẳng suy tính thiệt hơn
Mặc thế nợ đây với dâu bể
Mặc áo cơm nheo nhóc tử hờn
Nếu một mai tử đại này tan rã
Thì nguyện xin trở lại kiếp người
Để tiếp tục hí du cho đã
Di Đà ơi - Tịnh độ đây rồi.

LÊ SA ĐÀ

(Trích trong tập thơ Nửa đời sám hối)



Bài học từ cái cây



Sáng nào tôi cũng thấy ông cụ người hàng xóm ra vườn tưới cây cảnh. Thỉnh thoảng tôi thấy ông dùng kéo cắt tỉa cành lá của cây, dùng dây kéo rịt nhánh cây hoặc uốn quanh thân cây sửa cho cây có dáng.

Một sáng tôi hỏi ông: “Sao cụ không để cho cây phát triển một cách tự nhiên?”.

Ông cụ cười bảo: “Nếu chúng ta không khổ công uốn nắn mà để nó đâm cành nảy lộc tự do thì cây không có giá trị. Cành lá sẽ um tùm tua tủa, thân cây không có hình thế đẹp, như thế có khác gì những giống cây hoang, chỉ có thể đem ra làm củi”.

Bất giác tôi liền tưởng đến con người chúng ta. Nếu bản thân con người không có sự rèn luyện, uốn nắn, trau dồi thì cũng vô dụng như cái cây kia không được cắt cành tỉa lá. Con người sống không có ích gì cho xã hội cũng như những cây mọc hoang làm mất vẻ đẹp của khu vườn. Tôi nghĩ đó là một bài học mà ông lão đã dạy cho tôi. ■

PHẠM MINH ĐỨC

Đông Thi nhãn mặt

Tây Thi là một trong Tứ đại mỹ nhân tuyệt sắc của Trung Quốc. Chính nhờ nhan sắc kiều diễm của mình mà tên tuổi nàng đã gắn liền với lịch sử. Tương truyền rằng mỗi khi nàng đau bụng thì nét đẹp kia càng diễm lệ hơn. Cùng thời với Tây Thi có nàng Đông Thi, cũng là giai nhân nhưng so với Tây Thi nét đẹp này kém xa từ ngoại hình lẫn tâm tính. Nghe mọi người khen nét đẹp

của Tây Thi khi đau, Đông Thi cũng muốn mình được mọi người chú ý, liền giả vờ ôm bụng nhăn nhó kêu đau. Nào ngờ, chẳng được sự thương cảm, mà còn trở nên xấu xí khiến mọi người cười chê.

Các bạn thân mến! Đã là người đẹp thì làm gì dù vui hay buồn, vẫn không thay đổi dung nhan vốn có. Cũng như Phật Tổ, nhất cử nhất động của Quý Ngài đều trên tinh thần Giác

ngộ, đều không ngoài ý nghĩa Phật pháp. Còn chúng ta là những phàm phu, có làm gì đi nữa thì ta vẫn là con người phàm tục, cho nên ta phải biết an phận với hiện tại, bình tĩnh để tạo duyên lành cho tương lai, khi còn là phàm nhân thì nên chuyên cần tu sửa tâm tánh, từng bước học hỏi. Một khi sự tu đã thông thì lý tánh mới tỏ. Sự lý chưa thông chớ học đòi tâm hạnh Bồ Tát thị hiện, đảo lộn nếp sống Thiền môn, vượt ngoài phạm vi Giới Luật... Làm thế chẳng những tổn hại cho bản thân mà còn khiến Tăng đoàn phải chịu vạ lây bởi cảnh *trùng trong thân sư tử trở lại hại sư tử*. Xin huynh đệ mình chớ ngấu húng như nàng Đông Thi kia nhé! ■

LƯU NGỌC CHI



TRANG TIN PHẬT SỰ

CHÙA AN LẠC - THỊ TRẤN BUÔN HỒ TỔ CHỨC LỄ CẦU NGUYỆN RÓT ĐỒNG ĐẠI HỒNG CHUNG

Chùa An Lạc - Trụ sở Huyện Hội Phật giáo Huyện Krông Buk, tọa lạc tại khối 5 thị trấn Buôn Hồ. Với sự nỗ lực của Ban Đại diện Phật tử ĐĐ. Thích Quảng Đàm, quản tự chùa An Lạc. Sau thời gian chuẩn bị, vào lúc 9h00, sáng ngày 3-5-2004 (15/3 Giáp Thân) đã tổ chức trọng thể lễ cầu nguyện rót đồng Đại Hồng chung dưới sự chứng minh của Thượng tọa Thích Giác Chí, Ủy viên kiểm soát Ban Trị sự PG Tỉnh, TT. Thích Đạt Minh trụ trì chùa Pháp Bảo - Long Thành Đồng Nai, ĐĐ. Thích Đức Minh trụ trì Tịnh Thất Nguyên Phong, Đại Tông Lâm tểnh Bà Rịa Vũng Tàu. Cùng sự tham dự của Chư Tôn đức Tăng Ni trong tỉnh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu và TP.HCM.

Đại diện Chính quyền và Mặt trận Thị trấn có ông Nguyễn Xieu - Chủ tịch UBND TP. Buôn Hồ đã đến dự. Các vị Cư sĩ trong thường trực BTS/PG tỉnh, huyện hội PG huyện Krông Buk, Krông Năng, Ban Đại diện các Chùa, Tịnh xá, Phật tử, GDPT trong huyện cũng như Ban tự An Lạc đã về dự lễ và phát tâm hỷ cúng tịnh tài tịnh vật cho buổi lễ đúc Đại Hồng Chung ngay trong khuôn viên

NAM TRÂN phụ trách

chùa An Lạc này.

Được biết, các nghệ nhân Phường đúc Bùi Thị Xuân Tp. Huế đảm nhận công trình này với kinh phí gần 80.000.000đ, Đại Hồng Chung cao 1m55, đường kính 90cm và nặng 500kg.

Trong phần đạo từ chứng minh lễ, thượng tọa Thích Giác Chí, Ủy viên Kiểm soát BTS/PG tỉnh đã giải thích tường tận ý nghĩa và lợi ích của việc đúc Đại Hồng Chung qua bài kệ nguyện chuông:

*“Văn chung thỉnh thiền nào
Khinh*

Tứ huệ trưởng bồ đề sanh...”

Và các nghệ nhân phường đúc đã rót đồng vào khuôn trong tiếng niệm Phật trầm hùng của đại chúng Tăng Ni và toàn thể pháp hội.

LỄ TƯỜNG NIỆM LẦN THỨ 20 CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ, NGUYÊN CHỦ TỊCH HĐTS/GHPGVN NK 1



VIÊN TỊCH (2.3.1.1984 - 2.3.1.2004)

Vào lúc 8 giờ 00 ngày 19.4.2004, nhằm ngày 01.3.1. Giáp Thân. Thường trực BTS/THPG DakLak đã cử hành trọng thể tại Chùa Sắc Tứ Khải Đoan lễ tưởng niệm húy nhật lần thứ 20 Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ, nguyên Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVN, nguyên Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự GHPGVN khóa đầu tiên 1981-1986. Buổi lễ dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Giác Dũng, Ủy viên HĐTS/TW, Trưởng Ban Trị Sự cùng chư tôn giáo phẩm trong thường trực THPG DakLak. Về tham dự lễ có đông đảo chư tôn Thượng Tọa, Ni Sư, Đại Đức và Cư Sĩ trong BTS, Các ban ngành trực thuộc, Chư tôn Đức Tăng Ni trú sĩ các chùa, Tịnh xá, Tịnh thất, các BDD Huyện Hội PG, các đơn vị Phật giáo cơ sở, Phật tử các đạo tràng, Huynh trưởng GDPT tại TP. Buôn Ma Thuột - Bà Nguyễn Thị Thu Thúy-CV

Ban tôn giáo Tỉnh đã đến dự và dâng hoa tưởng niệm.

Sau lời khai lễ của Thượng Tọa Thích Giác Thanh phó BTS Thượng



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Tọa Thích Châu Quang Ủy viên BNL/TW Phó BTS trực đã cung đọc tiểu sử Hòa Thượng Thượng Trí hạ Thủ là một bậc danh tăng của thời đại với công đức và đạo nghiệp sâu dày trong sự nghiệp chấn hưng và thống nhất Phật giáo Việt Nam. Thượng tọa Thích Giác Dũng Trưởng ban Trị sự thay mặt TWGH đọc lời tưởng niệm của GHPGVN và Tăng Ni Phật tử Tỉnh DakLak bày tỏ lòng tri ân một bậc Ân Sư trọn đời đã đem hết tâm lực, trí lực và thời gian cho công cuộc hoằng dương chánh pháp, đào tạo Tăng tài tiếp dẫn hậu lai kế tục sự nghiệp truyền thừa mạng mạch PGVN. Với tinh thần hộ quốc an dân, cố Hòa Thượng đã đóng góp nhiều công sức trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Ngài đã để lại cho Tăng ni Phật tử Việt Nam một gia tài Pháp bảo đồ sộ và một câu nói bất hủ: *“Những gì tôi làm lợi ích cho Đạo Pháp tức là lợi ích cho Dân tộc; những điều tôi làm lợi ích cho Dân tộc tức là lợi ích cho Đạo Pháp...”*

LỄ RA MẮT BAN ĐẠI DIỆN VÀ BHT/GĐPT ĐƠN VỊ PHẬT GIÁO LỘC HÒA XÃ EATÓH -

HUYỆN KRÔNG NĂNG

Xã EaTóh -Huyện Krông năng là vùng kinh tế mới được thành lập năm 1989 có dân số 11.253 khẩu, trong đó 152 hộ Phật giáo. Bên cạnh việc xây dựng cuộc sống vật chất ngày một ổn định và phát triển, đời sống tâm linh cũng được bà con Phật tử quan tâm. Mặc dù chưa có chùa, song bà con Phật tử đã sinh hoạt, tu niệm tạm thời tại nhà đạo hữu trong hơn 10 năm qua. Nay, Chính quyền, Mặt trận các cấp và BTS/PG Tỉnh đã có quyết định công nhận chính thức đơn vị PG Lộc Hòa - xã EaTóh, là đơn vị thứ 5 của Huyện hội PG Krông Năng.

Phấn khởi trước tin vui này, bà con Phật tử đơn vị Lộc Hòa đã tổ chức lễ đón nhận Quyết định và ra mắt Ban Đại Diện, Ban huynh trưởng GĐPT Lộc Hòa vào ngày 30.3.2004.

Về chứng minh lễ có Thượng Tọa Thích Giác Dũng, ủy viên TWGH Trưởng Ban Trị sự, Thượng Tọa Thích Châu Quang Phó TT.BTS, Thượng Tọa Thích Giác Chí uv. Kiểm soát và các ủy viên Chánh phó Thư ký, các ban ngành trực thuộc BTS/PG

Tỉnh. Về phía Huyện hội PG Krông Năng có Cư sĩ Nguyễn Muôn quyền Chánh Đại diện Huyện hội. Thay mặt Đảng, Chính quyền và MT địa phương có quý ông: Quách Thành CV. Tôn giáo Huyện Krông Năng; Phan Cư CT/ UBND và ông Nguyễn Văn Cừ PCT/ UBMTTQVN xã EaTóh cùng đại diện các đơn vị Phật giáo trong Huyện, Huyện Krông Buk và rất đông Phật tử + GĐPT trong xã về dự lễ.

Sau phần nghi thức và diễn văn khai lễ, CS. Trần Công Trung Chánh Thư ký, thay mặt thường trực BTS/PG Tỉnh công bố QĐ số 037/BTS/QĐ ngày 22.3.2004 và QĐ số 038/BTS/QĐ ngày 28.3.2004, v/v công nhận chính thức và bổ nhiệm nhân sự Ban Đại Diện và BHT/GĐPT đơn vị Lộc Hòa, Thượng Tọa Trưởng BTS trao quyết định cho Ban Đại Diện và CS. Trần Châu thay mặt tân BDD phát nguyện nhận nhiệm vụ. Tiếp đó, đại diện phân BHT/ GĐPT Tỉnh trao cờ và quyết định cho tân Ban Huynh Trưởng GĐPT/Lộc Hòa, toàn BHT ra mắt và phát nguyện nhận nhiệm vụ.

Tiếp theo là phần phát biểu ý kiến của CS Nguyễn Muôn Q CDD Huyện hội Krông Năng, HT Cấp Tấn Hoàng Văn Hiếu Phó PBHD/GĐPT Tỉnh và ông Phan Cư Chủ tịch UBND xã EaTóh.

Sau cùng là đạo từ chứng minh của Thượng Tọa Thích Châu Quang Phó TT.BTS, Thượng Tọa nói: *“cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Đảng, CQ, Mặt trận các cấp đã dành mọi sự dễ dàng cho bà con Phật*





Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

“tử xã nhà được sinh hoạt tu học trong thời gian qua, đồng thời tán dương tinh thần tu học và phụng sự đạo pháp của đồng bào Phật tử xã nhà. Kêu gọi Ban Đại Diện hãy hướng dẫn Phật tử sinh hoạt tu học đúng chánh pháp, đúng hiến chương, đường lối của GHPGVN và pháp luật nhà nước. Phát huy đạo lực, trưởng dưỡng đạo tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ của Giáo hội và xã hội giao phó, nhanh chóng xây dựng cơ sở thờ tự tôn nghiêm để bà con Phật tử có nơi tu học lễ bái...”

Được biết, tân BDD Lộc Hòa gồm có 7 thành viên, do đạo hữu Trần Châu PD Nhật Hoàng làm chánh đại diện. BHT/GĐPT gồm có 14 Huynh Trưởng do Huynh Trưởng Nhuận Quang Nguyễn Đại Dương làm Liên Đoàn Trưởng và Đạo hữu Hứa Thi Liên làm Gia Trưởng; sau lễ ra mắt, tân BDD sẽ xúc tiến các thủ tục xin phép xây dựng chùa trên diện tích 4000m² hiện có.

LỄ KHÁNH THÀNH CHÙA PHƯỚC HÒA - TP. BUÔN MÊ THUẬT

Chùa Phước Hòa tọa lạc tại số 261 Nguyễn Thị Định, Phường Khánh Xuân là một công trình văn hóa mỹ thuật Phật giáo nằm ở cửa ngõ Tây nam vào Thành phố Buôn Mê Thuột vừa mới được hoàn thành sau một năm xây dựng.

Ngày 28.3.2004, Ban Đại Diện và Phật tử chùa Phước Hòa đã tổ chức trọng thể lễ Khánh tạ lạc thành dưới sự chứng minh của Chư tôn giáo phẩm thường trực Ban trị sự: TT. Thích Giác Dũng, UV.HĐTS / TƯ trưởng BTS, TT. Thích Châu Quang Phó BTS Thường trực, TT. Thích Giác Thanh Phó BTS kiêm TB. Hoằng pháp + GDTN, TT. Thích Giác Chí UV. kiểm soát cùng chư Tôn Đức Tăng Ni, Cư Sĩ thành viên BTS, trụ trì các chùa, tịnh xá, các huyện hội PG và BDD cơ sở Phật giáo trong tỉnh. Về phía chính quyền + Mặt trận địa phương có quý ông Đoàn Văn Thống PCT / UBMTTQVN TP. Buôn Mê Thuột, Lê Trọng Yên chủ tịch UBND và Nguyễn Tư Cường Chủ tịch UBMTTQVN Phường Khánh Xuân đã đến dự và tặng hoa

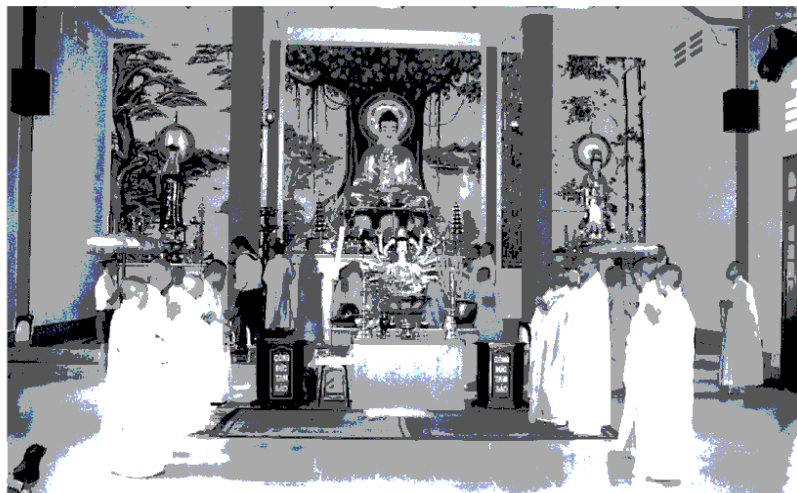
chúc mừng. Ông Phan Mạnh Tiến đại diện giáo xứ Duy Hòa, Lễ Sanh Thái Văn Thanh đại diện BCQ Thánh thất Cao Đài Tây Ninh tại TP.Buôn Mê Thuột cũng đã đến chúc mừng. TT. Thích Quảng Nghĩa giảng sư Thành hội Phật Giáo Tp. Hồ Chí Minh, Trụ trì Trúc Lâm Tịnh Viện và phái đoàn Phật tử người Hoa tại Tp. Hồ Chí Minh đã về dự. Và hàng ngàn Phật tử, GĐPT các đạo tràng trong và ngoài Thành phố.

Được biết chùa Phước Hòa được xây dựng năm 1965, năm 1983 đã trùng tu gia cố lần thứ nhất. Lần này được xây dựng mới hoàn toàn với diện tích chánh điện là 400m² và nhà tổ 150 m². Kinh phí trên 700.000.000đ, chưa kể 821 ngày công của Phật tử công quả.

Chánh điện thờ tượng Bổn sư cao 2m60 do Phật tử Hoa Tiên ở Luân Đôn (Anh) hiến cúng, và Phật tử người Hoa ở Tp.Hồ Chí Minh cúng dường 1 đại hồng chung trị giá 35.000.000đ

LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG HỘI TRƯỞNG CHÙA SẮC TỬ KHẢI ĐOAN.

Đúng 8g30 sáng ngày mùng 1/2 nhuận năm Giáp Thân (21/03/2004). Tại khuôn viên Chùa Sắc Tứ Khải Đoan - Văn phòng của Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh DakLak - Đã long trọng tổ chức lễ khởi công xây dựng Hội Trưởng. Đến chứng minh và tham dự có: Thượng tọa Thích Châu Quang - Ủy viên Ban Nghi Lễ TW Giáo Hội, Phó Ban Thường Trực Ban Trị Sự Phật Giáo DakLak kiêm trụ trì Chùa Sắc Tứ Khải Đoan, Thượng Tọa





Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

Thích Giác Chí Ủy viên kiểm soát Ban Trị Sự Phật giáo Tỉnh, cùng Chư Tôn Đức Tăng Ni, các thành viên Ban Trị Sự, Ban Đại Diện các Huyện Hội, các chùa Tịnh xá trong Tỉnh cùng đông đảo đồng bào Phật tử các đơn vị và Phật tử bốn tự. Về phía Chính quyền có Chủ tịch UBND Phường Tân Tiến và các ban ngành của Phường đã đến dự.

Hội trường cũ đã được xây dựng từ năm 1970 nay đã xuống cấp chật hẹp không đáp ứng được nhu cầu Phật sự có tính chất quy mô của Tỉnh hội. Thiếu văn phòng làm việc của Ban Trị Sự và các ban ngành trực thuộc... Trước nhu cầu cấp thiết đó, Thượng tọa Trụ Trì, Chư tăng và Ban Đại Diện kêu gọi các nhà hảo tâm, hảo sản và đồng bào Phật tử gần xa phát tâm đóng góp công của cùng với bốn tự để công trình sớm được hoàn thành. Ban kiến thiết Hội trường gồm có:

- Thượng tọa Thích Châu Quang: Trưởng ban kiến thiết.
- Đại đức Thích Hải Định: Trưởng ban vận động.
- Cư sĩ Nguyễn Khánh: Thư ký kiêm Trưởng ban Đốc công.
- Đại đức Thích Hải Thông: Thủ Quỹ và quản lý nguyên vật liệu.

Ngoài ra còn có các liệu Tiểu ban hỗ trợ Ban Quản Lý trong công tác xây dựng này.

BÁ SĨ LỄ BỔ NHIỆM TRỤ TRÌ CHÙA BỒ ĐỀ TP. BUÔN MA THUẬT

Chùa Bồ Đề tọa lạc tại số 182 đường Lê Duẩn, phường Tân Thành - TP. Buôn Ma Thuột. Chùa được thành lập vào năm 1963 của thế kỷ 20, trong nhiều



thập niên qua không có chư Tăng trú xứ, mọi Phật sự đều do Ban Đại Diện Phật tử đảm trách. Cuối năm 2000, được Ban Trị Sự THPG và chính quyền các cấp chấp thuận cho Đại Đức Thích Nguyên Quang về trú xứ chùa Bồ Đề để hướng dẫn Phật tử tu học.

Trong hơn 3 năm qua, Thầy đã cùng với Ban Đại Diện và Phật tử bốn tự hoàn thành nhiều phận sự quan trọng như: trùng tu mở rộng chánh điện, hậu tổ, nhà khách, tăng phòng... và mới đây vừa hoàn thành công tam quan và tường rào làm tăng thêm vẻ mỹ quan chùa. Hòa chung niềm vui về những thành tựu Phật sự đã đạt được, ngày 6.3.2004, Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh có quyết định số 025/QĐ/BTS chính thức bổ nhiệm Đại Đức Thích Nguyên Quang trụ trì chùa Bồ Đề.

Ngày 14.3.2004, Ban đại diện và Phật tử long trọng tổ chức lễ đón nhận quyết định bổ nhiệm Trụ trì dưới sự chứng minh và tham dự của TT. Thích Châu Quang Phó thường trực BTS, TT Thích Giác Chí UV Kiểm soát, TT Thích Viên Thanh PBTS Trụ

THPG Lâm Đồng (Bốn tự), TT. Thích Thị Châu, Giáo thọ Trường TCPH Đại tông lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (y chỉ sự) cùng đông đảo Chư Tôn Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni trong và ngoài tỉnh, Ban đại diện Huyện Hội và đơn vị Phật giáo cơ sở, đại diện các Tôn giáo bạn: Giáo xứ Kim Mai, Hội thánh Tin lành TP. Buôn Mê Thuật Phật tử các đạo tràng và GĐPT trong thành phố.

Về phía chính quyền, Mặt trận địa phương có quý ông: Nguyễn Thu Phong PCT/UBMTTQVN Phường Tân Thành, Ông Nguyễn Văn Phàn PCT/HĐND, Khổng Minh Ngâu PCT.UBND, Trần Văn Đại CT/UBMTTQVN Phường EaTam đã đến dự, phát biểu ý kiến và tặng hoa chúc mừng.

Nhân dịp này, Bà Võ Thị Liên Trưởng Ban Tôn Giáo Tỉnh, Ban Trị Sự PG cùng nhiều ban ngành, tự viện và cá nhân gửi hoa và quà lưu niệm chúc mừng Đại Đức Tân Trụ Trì chùa Bồ Đề.

**TỈNH XÁ NGỌC QUANG - TP.
BUÔN MÊ THUẬT TỔ CHỨC
LỄ TƯỜNG NIỆM 50 NĂM TỔ SƯ
MINH ĐĂNG QUANG VẮNG**



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

BÓNG

Hòa chung dòng tưởng niệm với Tăng Ni Phật tử hệ phái Khất sĩ trên khắp các miền Tịnh xá. Sáng 20.2.2004 (01.2.1 Giáp Thân), Tịnh xá Ngọc Quang - Tp. Buôn Mê Thuột đã tổ chức trọng thể Lễ tưởng niệm 50 năm ngày Tổ sư Minh Đăng Quang - Tổ khai sơn hệ phái Phật giáo Khất sĩ Việt Nam vắng bóng (01.2.1 1954 - 01.2.1 2004) dưới sự chứng minh của Chư Tôn Đức Tăng Ni hệ phái và sự tham dự đông đảo của nam nữ Phật tử tại Tp. Buôn Mê Thuột và các vùng phụ cận.

Tại lễ tưởng niệm, Môn đồ tứ chúng Hệ Phái đã ôn lại cuộc đời hành đạo và sự nghiệp khai sơn “Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam nổi truyền Thích Ca Chánh pháp” của Tổ sư Minh Đăng Quang đã để lại cho Phật giáo Việt Nam trong 60 năm qua. Tuy Ngài đã vắng bóng, song ngọn đèn chơn lý “Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam” vẫn được lớp lớp Tăng Ni Phật tử hậu duệ tiếp nối, giữ gìn và làm cho tỏa sáng thêm lên để báo đáp thâm ân Tổ Thầy dày công khai sáng.

PHÂN BAN HƯỚNG DẪN GDPT TỈNH DAKLAK TỔ CHỨC LỄ KỶ NIỆM NGÀY DỪNG (8/2.1) VÀ THI NÂNG BẬC CHO HUYNH TRƯỞNG VÀ ĐOÀN SINH GDPT.

Được sự cho phép của BTS/PG Tỉnh và chính quyền các cấp. Phân ban Hướng dẫn GDPT Tỉnh DakLak đã tổ chức kỷ niệm ngày Dừng và Thi nâng bậc cho Huỳnh Trưởng và Đoàn sinh trong GDPT trong tỉnh vào ngày 29.2.2004 tại 3 khu vực sau đây:

- Khu vực I: tại chùa Linh Sơn, H. Cư Mgar có 17/24 đơn vị thuộc TP. Buôn Mê Thuột và các Huyện lân cận tham dự.

- Khu vực II: tại chùa Đạt Hiếu, H. Krông Buk có 8/12 đơn vị trong Huyện tham dự.

- Khu vực III: tại chùa Phước Lâm, H. Krông Bông có 4/5 đơn vị trong Huyện tham dự.

Tổng số Huỳnh trưởng và Đoàn sinh tham dự thi nâng bậc tại 3 khu vực là 463 người. Với kết quả trúng cách như sau:

- Bạc Tung bay 73 em
- Bạc Trung thiện 39 em
- Bạc kiên 159 em
- Bạc Trì 31 em
- Bạc Định 21 em

Nhân dịp này, Phân ban Hướng dẫn GDPT DakLak bày tỏ lòng biết ơn đến chư tôn đức Ban Trị Sự Phật giáo Tỉnh, BDD Phật giáo Huyện, Ban HDPT Tỉnh, các cấp chính quyền đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Phân ban nói chung cũng như lễ kỷ niệm ngày Dừng hôm nay. Đồng thời kêu gọi mỗi Huỳnh Trưởng và Đoàn sinh hãy phát huy chánh kiến trong đời sống tu học và lý tưởng phụng sự chánh pháp, kiên định lập trường, đoàn kết phát triển tổ chức ngày một lớn mạnh dưới sự lãnh đạo của GHPGVN.

TỈNH HỘI PHẬT GIÁO DAKLAK HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ NĂM 2003

Sáng 10.01.2004 (19/chạp Quý Mùi), Thường trực Ban Trị Sự THPG DakLak tổ chức hội nghị tổng kết công tác Phật sự năm 2003 và bàn phương hướng công tác năm 2004. Đồng thời

báo cáo kết quả hội nghị kỳ 2 khóa V của Trung ương GHPGVN vào ngày 26+27/12/2003 vừa qua tại TP. Hồ Chí Minh. Thành phần Hội nghị gồm: Thành viên Ban Trị Sự, các ban ngành trực thuộc Ban Trị Sự, Chư Tăng Ni, Ban Đại Diện Huyện hội Phật giáo và Ban Đại Diện của 29 đơn vị cơ sở tại TP. Buôn Mê Thuột.

Thượng Tọa Thích Giác Dũng, Ủy viên HĐTS Trưởng Ban Trị Sự, Thượng Tọa Thích Châu Quang Phó trưởng ban thường trực và Thượng Tọa Thích Giác Chí ủy viên kiểm soát đã chủ tọa hội nghị.

Sau lời khai mạc hội nghị của Thượng Tọa Trưởng Ban Trị Sự, Thượng Tọa Phó Trưởng ban thường trực đọc báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2003 và phương hướng công tác năm 2004. Tiếp đó, Thượng Tọa Trưởng ban Trị sự báo cáo khái quát kết quả hội nghị kỳ 2 khóa V của GHPGVN và thông qua toàn văn nghị quyết của hội nghị.

Đại biểu đã tham gia nhiều ý kiến vào chương trình công tác năm 2004 của Tỉnh hội, đồng thời đánh giá cao Thành quả Phật sự trong năm 2003 của Trung ương Giáo hội cũng như của Tỉnh hội PG Daklak. Mặc dù những chướng duyên, thách thức từ các thế lực bên ngoài ra sức phá hoại sự thống nhất hòa hợp của Phật giáo Việt Nam.

Cũng trong hội nghị này, Thượng Tọa Trưởng Ban Trị Sự đã thay mặt thường trực công bố nhân sự đảm nhiệm các chức vụ thay thế các thành viên Ban Trị Sự đã có đơn xin thôi giữ chức vụ vì lý do sức khỏe:



Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

- Đại Đức Thích Giác Tiến Phó ban Hoàng Pháp, Quyền Trưởng Ban Hoàng pháp thay Thượng Tọa Thích Giác Thanh.

- Cư sĩ Trần Công Trung, Chánh Thư ký thay Đại Đức Thích Hải Định.

- Cư sĩ Lê Văn Mỹ, Phó Thư ký kiêm CVP thay Đại Đức Thích Trí Minh.

- Cư sĩ Hoàng Văn Hiếu, Phó Thư Ký.

- Cư sĩ Phan Bá Sĩ, Phó Thư ký.

Thay mặt Chủ tọa hội nghị, Thượng tọa Phó ban thường trực đã tổng kết hội nghị và tán dương những Phật sự mà các ban ngành trực thuộc đã làm được góp phần vào thành tích chung của Tỉnh hội trong năm 2003 đồng thời mở ra một triển vọng mới cho sự phát triển Phật giáo tỉnh nhà trong những năm tới trong xu thế phát triển chung của toàn xã hội. Thay mặt Thường trực Ban Trị Sự, Thượng Tọa đã gửi đến đại biểu hội nghị lời chúc mừng năm mới Cát tường - Như ý.

CHÙA HỒNG PHƯỚC - TP. BUÔN MÊ THUẬT TỔ CHỨC LỄ ĐẶT ĐÁ TRÙNG TU

Chùa Hồng Phước tọa lạc tại số 70 đường Nơ Trang Gư, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Mê Thuột được xây dựng từ những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ trước. Trên 40 năm chịu sự chi phối của luật vô thường, chùa đã xuống cấp và trở nên chật hẹp trước số lượng tín đồ ngày càng phát triển. Được sự cho phép của UBND Tỉnh và Sở xây dựng, Ban Đại Diện đã tổ chức lễ đặt đá khởi công trùng tu vào ngày 31/12/2003 (mùng 9/tháng chạp

Quý Mùi).

Đến chứng minh và tham dự có quý Thượng Tọa: Thích Giác Dũng Trưởng BTS, Thượng Tọa Thích Châu Quang Phó Ban Trị Sự trực và Thượng Tọa Thích Giác Chí UV. Kiểm soát Ban Trị Sự cùng quý Tăng Ni, Cư sĩ thành viên Ban Trị Sự và trụ trì các Tự viện, Tịnh xá TP. Buôn Mê Thuật. Quý ông Ngô Doãn Hội Bí thư, Nguyễn Đắc Thắng CT/UBMTTQVN Phường Tân Tiến đã đến dự và phát biểu ý kiến. LM Vũ Ngọc Toàn Phó Giáo xứ Thánh Linh và Đại đức Thích Từ Diệu nguyên Trụ trì Chùa Hồng Phước cũng đã về dự. Đồng đạo Phật tử + GDPT bốn tự, các cơ sở Tự viện, Tịnh xá trong và ngoài TP. Buôn Mê Thuật đã đến dự.

Được biết, diện tích xây dựng là 238 m² nhà một tầng bê tông cốt thép do KTS Nguyễn Phú Hữu thiết kế với kinh phí dự toán khoảng 600 triệu đồng.

CHÙA QUẢNG ĐỨC XÃ EA KUÊNH - HUYỆN KRÔNG PẮC TỔ CHỨC LỄ KHÁNH TẠ LẠC THÀNH

Chùa Quảng Đức được khởi công xây dựng vào ngày 28/4/2002, do đời sống kinh tế của bà con Phật tử đi xây dựng quê hương mới còn nhiều hạn chế, song với đạo tâm kiên cố và lòng khát ngưỡng có nơi chiêm bái tu hành, nên sau 2 năm xây dựng đến nay chùa đã cơ bản hoàn thành ngôi

chánh điện và nhà hậu tổ.

Phần khởi trước thành quả Phật sự được viên mãn, Ban Đại Diện và Phật tử chùa Quảng Đức đã cử hành trọng thể lễ Khánh Tạ Lạc Thành vào ngày 29 và 30/12/2003 (7 và 8/chạp năm Quý Mùi).

Đến chứng minh và tham dự lễ có: Thượng Tọa Thích Giác Dũng UV. HĐTS Trưởng ban Trị sự, TT. Thích Châu Quang, UV. Ban NL/TƯ Phó ban Trị sự thường trực, Thượng Tọa Thích Giác Chí UV. Kiểm soát Ban Trị Sự cùng chư Tôn Đức Tăng Ni, Cư sĩ thành viên Ban Trị Sự/PG Tỉnh. Đại biểu chính quyền địa phương có quý ông: Y Lai PCT/UBMTTQVN Huyện, ông Phan Đình CT/UBND Xã cùng đông đủ các đại biểu chính quyền, Mặt trận, Tôn giáo, ban ngành đoàn thể địa phương đã đến dự và tặng hoa chúc mừng. Đại diện Tôn giáo bạn có quý vị chức sắc họ





Kính Mừng Phật Đản - PL 2548

đạo Cao Đài, giáo xứ Thuận Hiếu. Quý Hòa Thượng, Thượng tọa, Đại đức ở TP.HCM, Bà Rịa Vũng Tàu, Ban đại diện Huyện hội Krông Pắc cùng đồng đạo đồng bào Phật tử trong Huyện, Tỉnh đã về dự.

Được biết, chùa Quảng Đức tọa lạc tại Thôn Tân Quảng (km22/QL.26), Xã Ea Kuên, Huyện Krông Pắc được xây dựng với kinh phí trên 300 triệu đồng do Phật tử thập phương hỉ cúng, trong đó có nhiều Tăng Ni Phật tử từ Thủ đô Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu...

Trong dịp này, TT/BTS đã có quyết định số 107/QĐ/BTS ngày 28/12/2003 tặng thưởng bằng Tấn Dương Công Đức cho tập thể BDD và 9 cá nhân đã có công lớn trong việc xây dựng chùa Quảng Đức.

PHÂN BAN HƯỚNG DẪN GDPT ĐAKLAK TỔ CHỨC LỄ THỌ CẤP 2003

Căn cứ QĐ số 031/QĐ/PBHD ngày 8/12/2003 của Phân ban HD/GDPT Tỉnh DakLak và QĐ 113/QĐ/BTS ngày 18/12/2003 của Ban Trị Sự Tỉnh, v/v xếp xét cấp Tập và Tín năm 2003.

Nhân lễ kỷ niệm Phật Thành Đạo PL.2548, Phân ban HD/GDPT Tỉnh đã tổ chức thọ cấp cho 88 Huỳnh Trưởng được xếp xét cấp năm 2003 vào lúc 8 giờ sáng ngày 6/Chạp năm Quý Mùi (27/12/2003) tại chùa Sắc Tứ Khải Đoan.

Đến chứng minh và tham dự có: Thượng Tọa Thích Giác Dũng, Trưởng BTS Kiêm UV. Hướng dẫn Phật tử Tỉnh, Thượng Tọa Thích Châu Quang, Phó Ban Trị Sự trực kiêm cố vấn Giáo hạnh GDPT Tỉnh cùng các thành

viên Ban Trị Sự Phân ban HD/GDPT, Ban Bảo Trợ, Ban Đại Diện cơ sở và Anh chị cựu Huỳnh Trưởng.

Được biết, năm 2003 có 31 Huỳnh trưởng được xét cấp Tín và 57 Huỳnh Trưởng cấp Tập. Ngoài ra có 3 Huỳnh Trưởng được Hội đồng xét xếp Cấp của Tỉnh đề nghị HĐTS/ TƯ xét cấp Tấn.

Trong dịp này, Thượng Tọa Thích Châu Quang cố vấn Giáo Hạnh đã đạo từ chứng minh sách tấn việc tu học và rèn luyện bản thân để lý tưởng Huỳnh Trưởng trong tổ chức GDPT/VN ngày thêm trong sáng, xứng đáng là lớp người kế thừa mạng mạch Phật giáo trong tương lai.

LỄ LẠC THÀNH ĐIỆN QUANG THẾ ÂM VÀ TƯỢNG ĐÀI PHẬT THÍCH CA LỘ THIÊN CHÙA PHÁP BẢO - HUYỆN CƯ-MGAR

Dưới sự chỉ đạo của Đại Đức Trụ Trì và sự tích cực hoạt động của Ban Đại Diện, hai công trình Phật sự quan trọng là Điện thờ Bồ Tát Quan Thế Âm và Tượng Đài Phật Thích Ca tọa thiên đã được hoàn thành sau 4 tháng xây

dựng, làm nức lòng Phật tử bốn tự chùa Pháp Bảo.

Lễ Lạc Thành đã được long trọng cử hành vào ngày 25.12.2003 (03/Chạp Quý Mùi) dưới sự chứng minh của Chư Tôn Đức Ban Trị Sự Phật giáo Tỉnh: Thượng Tọa Thích Châu Quang, Phó Ban Trị Sự Trực, Thượng Tọa Thích Giác Chí, uỷ viên Kiểm soát cùng các thành viên Ban Trị Sự. Về phía chính quyền địa phương có sự tham dự của ông Lê Minh Chiến Bí thư và các vị đại diện UBND và Ban Tự Quản Sở tại - Ban Đại Diện Huyện hội Phật giáo Cư Mgar, và các cơ sở Tự viện trong Huyện cùng khoảng 300 Phật tử + GDPT tham dự.

Được biết kinh phí cho 2 công trình này do bà con Phật tử hỉ cúng trên 50 triệu đồng, không kể phần tượng Phật Thích Ca và Bồ Tát Quan Thế Âm do Phật tử Hồ Dũ pháp danh Nhuận Tín cùng 6 đạo hữu tại TP. Buôn Mê Thuột dâng cúng.

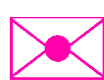
Trong dịp này, Thượng Tọa Phó Ban Trị Sự Thường trực đã ban đạo từ tấn dương công đức của Đại Đức Trụ Trì cùng

Ban Đại Diện và Phật tử bốn tự, đồng thời nói về những công hạnh của Đức Phật Thích Ca và Bồ Tát Quan Thế Âm cùng những lợi ích của người Phật tử trong việc chiêm bái, tu tập theo hạnh nguyện của Bồ Tát Quan Thế Âm trong đời sống đời thường của người Phật tử tại gia. ■





Kính Mừng *Phật Đản* - PL 2548



HỘP THƯ

Ban biên tập đã nhận được thư, bài, tin, ảnh của quý tác giả, CTV và bạn đọc gửi về cho NS.Vô Ưu 18:

Đàm Lan - CS. Tâm Quán - Nguyễn Thành - Ngô Thanh Sơn - Thiện Tâm (TP.BMT) - Mang Viên Long - Huỳnh Thị Hồng - Lê Bá Duy - Nguyễn Minh Quang - Bùi Văn Thọ (Bình Định) - Trịnh Lương Mỹ (Ea Kar) - Lê Thị Thủy - Lê Thị Linh (Dakmil) - Phước Thắng - Lê Văn Hiếu - Phùng Văn Sơn - Nguyễn Mai - Trương Thiên Vương (Lâm Đồng) - Phan Minh Đức - Phan Minh Hiền - Thích Thiện Tài (Đồng Tháp) - Lê Quang Trung (Bình Phước) - Tô Thị Sương - Bùi Xuân Chiến (Lak) - Huệ Bi - Trần Trọng Trí - Huệ Nhân (An Giang) - Lương Trọng Minh - Huỳnh Ngọc Thành - Đặng Công Sạp - Thích Nữ Diệu Quả (Đà Nẵng) - Nguyễn Trúc Mai (Dak R'lấp) - Trần Quang Trung (Cư Jút) - Nguyễn Ngọc (Krông Buk) - Tâm Nhiên - Trần Thế Mỹ (Kiên Giang) - Ngụy Đức Trung - Võ Văn Tường - Đinh Hồi Tường - Thích Nhuận Thanh - Thích Phước Hạnh - Võ Thị Hồng Nhạn - Lam Khê - Thích Huyền Lan - Nhất Chi Mai - Nguyễn Hoàng Tấn Hiên - Thích Trí Tài - Thích Minh Sáng - Thích Nguyên Trụ - Thúy Vinh (Tp.HCM) - Như Đức - Thích Thiện Đạo (Đồng Nai) - Đặng Thị Minh Châu - Trần Tịnh Yên - Bùi Công Toa - Kiều Trung Phương - Thích Thông Lưu (TP.Huế) - Hồng Thị Vinh - Thích Giác Thọ - Đoàn Xuân Hùng (Khánh Hòa) - Nguyễn Minh (Tuy Hòa) - Liên Thao (Phan Thiết) - Dza Lữ Kiều - Trần Hữu Mỹ - Lê Sa Đà (Cư Jút) - Nguyễn Đình Quang - Nguyễn Đình Phúc - Châu Văn Kiệt (Cư M'Gar) - Huy Bình (Tp.BMT)

TRẢ LỜI THƯ RIÊNG:

Đặng Thị Minh Châu (Huế) - Võ Thị Hồng Nhạn (Đồng Nai) - Trần Thái Sơn (Tp.HCM) - Trần Thế Mỹ (Kiên Giang)

BÀI NHẬN TRỄ:

Sau ngày 10.4.2004, Ban Biên tập đã nhận được bài của các tác giả sau đây: Thích Minh Hải - Phan Văn An (Tp. Đà Lạt) - Thích Giác Hiền (TP. Pleiku)

Bạn viết thân mến, BBT chân thành cảm ơn bài vở của các bạn đã đóng góp cho NS. Vô Ưu, nhiều bài viết có nội dung tốt, song lại không đúng thể lệ và tiêu chí của NS Vô Ưu nên không thể đăng được, mong các bạn thông cảm. Riêng mảng thơ, vì số lượng quá nhiều, ngoài những bài đã chọn đăng, số còn lại được trích giới thiệu trong mục "Hoa tâm trong vườn đạo" mỗi kỳ, mời các bạn yêu thơ đón đọc. Về thời gian gửi bài, xin đọc ở mục "Mời viết bài" để bảo đảm bài vở của các bạn đến đúng thời gian quy định cho việc biên tập và kiểm duyệt. Mong nhận được nhiều sáng tác mới của các bạn.

BAN BIÊN TẬP

MỜI VIẾT BÀI CHO NS. VÔ ƯU SỐ 19

VU LAN MÙA HIẾU PL.2548 - 2004

Kính mời chư Tôn Đức Tăng Ni, Học giả, Văn nghệ sĩ và Cộng tác viên viết bài cho Vô Ưu 19, chủ đề **"Vu Lan mùa hiếu hạnh PL.2548 -2004"** cùng các chuyên mục thường xuyên: Phật pháp – Văn hóa Phật Giáo – Lịch sử danh Tăng – Tự viện và sáng tác văn, thơ, nhạc, ảnh nghệ thuật, tin Phật sự... Hạn chót gửi bài ngày 17.7.2004.

Giấy phép xuất bản số 21/GPXB/VH-TT ngày 28/4/2004 của Sở VH-TT Daklak. In tại XN In Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, Q.11, Tp.HCM. In xong nộp lưu chiểu tháng 05/2004

GIÁ: 10.000Đ

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TRONG TỈNH



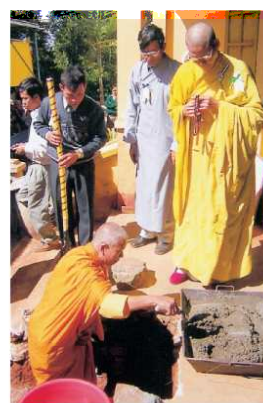
Thượng Tọa Trưởng ban Trị Sự THPG Daklak phát biểu khai mạc hội nghị.

Ảnh : Nam Trân



Chư tôn giáo phẩm BTS/ PG Tỉnh chứng minh lễ đặt đá trùng tu Chùa Hồng Phước - TP. Buôn Mê Thuột.

Ảnh : Nam Trân



Chư tôn giáo phẩm BTS/ PG Tỉnh chứng minh lễ bổ nhiệm trụ trì chùa Bồ Đề - TP. Buôn Mê Thuột.

Ảnh : Tư liệu



Quang cảnh lễ bổ nhiệm trụ trì chùa Bồ Đề - TP. Buôn Mê Thuột.

Ảnh : Tư liệu



Chư tôn giáo phẩm BTS/ PG Tỉnh chứng minh lễ Rót đồng Đại Hồng Chung chùa An Lạc - TT Buôn Hồ.

Ảnh : Tư liệu



Cung nghinh Chư tôn Giáo phẩm BTS và Đại chúng Tăng Ni quang lâm chứng minh lễ rót đồng Đại hồng chung chùa An Lạc.

Ảnh : Tư liệu



TT Thích Giác Dũng Trưởng BTS PG Tỉnh trao quyết định công nhận Ban đại diện PG Lộc Hòa - xã Ea Tôt - Krông Năng.

Ảnh : Tư liệu



Lễ ra mắt Ban Huynh Trưởng GDPT Lộc Hòa xã Ea Tôt - Krông Năng.

Ảnh : Tư liệu

Đón đọc **NS. VÔ ƯU SỐ 19**
Phát hành tháng 08/2004

Vu Lan
mùa Hiếu hạnh